

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV
Học kỳ II Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29/4/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 14/11/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và QTKD về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1134/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và QTKD về việc sửa đổi, bổ sung quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ vào phản hồi của các Khoa quản lý các ngành đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế theo ngày 28/7/2025;

Căn cứ vào kết quả của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV Nhà trường họp ngày 23/7/2025;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2024-2025 của **4176 sinh viên đại học hệ chính quy (K19-K21)** (có danh sách kèm theo). Trong đó:

- Loại Xuất sắc: 669 sinh viên
- Loại Tốt: 1298 sinh viên
- Loại Khá: 1137 sinh viên
- Loại Trung bình: 679 sinh viên
- Loại Yếu: 205 sinh viên
- Loại Kém: 188 sinh viên

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Ban Chủ nhiệm các Khoa quản lý ngành đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong Danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT, CT HSSV;
- Website.



KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

T.S. Bùi Nữ Hoàng Anh

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
KHOA KẾ TOÁN**

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số 878/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 29 tháng 7 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
		K19 - Kế toán A					
1	1	DTE2253403010118	Đông Thị Quỳnh	Anh	0	Kém	Nghỉ học không lý do
2	2	DTE2253403010120	Dương Thị Ngọc	Ánh	81	Tốt	
3	3	DTE2253403010172	Hoàng Thị Minh	Ánh	80	Tốt	
4	4	DTE2253403010073	Trần Thị	Ánh	85	Tốt	
5	5	DTE2253403010178	Dương Ngọc	Bích	81	Tốt	
6	6	DTE2253403010076	Nghiêm Thảo	Chi	95	Xuất sắc	
7	7	DTE2253403010123	Phạm Linh	Chi	91	Xuất sắc	
8	8	DTE2253403010014	Nguyễn Nhật	Cường	78	Khá	
9	9	DTE2253403010384	Vũ Thị Huyền	Diệu	88	Tốt	
10	10	DTE2253403010333	Dương Thị	Duyên	64	Trung bình	VPQC
11	11	DTE2253403010016	Chu Thùy	Dương	97	Xuất sắc	
12	12	DTE2253403010031	Nguyễn Anh	Đào	87	Tốt	
13	13	DTE2253403010032	Nguyễn Lâm	Đồng	70	Khá	
14	14	DTE2253403010128	Nguyễn Thị Thu	Hà	91	Xuất sắc	
15	15	DTE2253403010425	Trần Thị Thu	Hà	76	Khá	BHYT
16	16	DTE2253403010017	Nguyễn Hồng	Hạnh	70	Khá	
17	17	DTE2253403010194	Bê Thu	Hằng	70	Khá	
18	18	DTE2253403010044	Bùi Phương	Hoa	70	Khá	
19	19	DTE2253403010045	Bùi Thị Kim	Hoàn	86	Tốt	
20	20	DTE2253403010007	Phạm Vũ	Hoàn	0	Kém	Nghỉ học không lý do
21	21	DTE2253403010387	Vì Thị	Huệ	84	Tốt	
22	22	DTE2253403010137	Ngô Thu	Huyền	74	Khá	
23	23	DTE2253403010047	Lê Lan	Hương	90	Xuất sắc	
24	24	DTE2253403010388	Lê Quỳnh	Hương	85	Tốt	
25	25	DTE2253403010134	Nguyễn Mai	Hương	90	Xuất sắc	
26	26	DTE2253403010046	Trần Diệu	Hương	87	Tốt	
27	27	DTE2253403010347	Trần Thị Linh	Khánh	75	Khá	
28	28	DTE2253403010349	Lê Khánh	Linh	90	Xuất sắc	
29	29	DTE2253403010019	Nguyễn Hồng	Linh	89	Tốt	
30	30	DTE2253403010050	Nguyễn Thị Thùy	Linh	85	Tốt	
31	31	DTE2253403010100	Lăng Thị Hương	Ly	91	Xuất sắc	
32	32	DTE2253403010230	Ngô Thiên	Lý	80	Tốt	
33	33	DTE2253403010141	Giản Tuyết	Mai	90	Xuất sắc	
34	34	DTE2253403010389	Tô Nguyệt	Minh	70	Khá	
35	35	DTE2253403010354	Nguyễn Thị Hà	My	83	Tốt	
36	36	DTE2253403010142	Nguyễn Trà	My	91	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	37	DTE2253403010021	Vũ Trà	My	84	Tốt	
38	38	DTE2253403010143	Nguyễn Thảo	Ngọc	86	Tốt	
39	39	DTE2253403010104	Nguyễn Linh	Nhi	93	Xuất sắc	
40	40	DTE2253403010147	Đỗ Hồng	Nhung	70	Khá	
41	41	DTE2253403010055	Đặng Thị Kim	Oanh	90	Xuất sắc	
42	42	DTE2253403010148	Đào Thị Thu	Phương	90	Xuất sắc	
43	43	DTE2253403010009	Nông Tiến	Quang	không x	Không xét	Bảo lưu
44	44	DTE2253403010363	Đặng Thị	Quyên	78	Khá	
45	45	DTE2253403010010	Nguyễn Hữu	Quyên	75	Khá	
46	46	DTE2253403010026	Đặng Chi	Thanh	91	Xuất sắc	
47	47	DTE2253403010394	Ngô Thị	Thúy	90	Xuất sắc	
48	48	DTE2253403010004	Nguyễn Hà	Tiên	86	Tốt	
49	49	DTE2253403010373	Lê Hương	Trà	88	Tốt	
50	50	DTE2253403010027	Phạm Thu	Trà	70	Khá	
51	51	DTE2253403010447	Cao Quỳnh	Trang	không x	Không xét	Bảo lưu
52	52	DTE2253403010005	Nguyễn Linh	Trang	79	Khá	
53	53	DTE2253403010300	Nguyễn Thu	Trang	97	Xuất sắc	
54	54	DTE2253403010376	Nguyễn Thuý	Trang	90	Xuất sắc	
55	55	DTE2253403010030	Trần Thị Thu	Trang	70	Khá	
56	56	DTE2253403010012	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	70	Khá	
57	57	DTE2253403010013	Bùi Thanh	Tú	87	Tốt	
58	58	DTE2253403010379	Dương Hoàng	Vũ	74	Khá	
		K19 Kế toán B					
59	1	DTE2253403010033	Hứa Lê Phương	Anh	68	Khá	
60	2	DTE2253403010067	Lê Thị Vân	Anh	90	Xuất sắc	
61	3	DTE2253403010069	Ngô Tú	Anh	85	Tốt	
62	4	DTE2253403010072	Lê Thị Ngọc	Ánh	83	Tốt	
63	5	DTE2253403010034	Lê Thị Ngọc	Ánh	75	Khá	
64	6	DTE2253403010071	Mông Thị Ngọc	Ánh	86	Tốt	
65	7	DTE2253101010017	Đào Việt	Bắc	81	Tốt	
66	8	DTE2253403010035	Lê Dương	Bình	75	Khá	
67	9	DTE2253403010074	Trịnh Thanh	Bình	89	Tốt	
68	10	DTE2253403010075	Nguyễn Thị Kim	Chi	92	Xuất sắc	
69	11	DTE2253403010038	Thân Thị Ngọc	Chuyên	85	Tốt	
70	12	DTE2253403010078	Nguyễn Thùy	Dương	99	Xuất sắc	
71	13	DTE2253403010077	Vũ Thùy	Dương	87	Tốt	
72	14	DTE2253403010079	Phạm Thị Trà	Giang	90	Xuất sắc	
73	15	DTE2253403010081	Chu Khánh	Hạ	84	Tốt	
74	16	DTE2253403010041	Nguyễn Hồng	Hạnh	91	Xuất sắc	
75	17	DTE2253403010040	Bùi Thị Thanh	Hằng	75	Khá	
76	18	DTE2253403010083	Lê Thị	Hằng	92	Xuất sắc	
77	19	DTE2253403010082	Phạm Thúy	Hằng	70	Khá	
78	20	DTE2253403010438	Vũ Thị Thu	Hiền	90	Xuất sắc	
79	21	DTE2253403010205	Trần Thị Minh	Hòa	70	Khá	
80	22	DTE2253403010131	Nguyễn Thị	Huế	84	Tốt	
81	23	DTE2253403010085	Ngô Thị	Huệ	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
82	24	DTE2253403010439	Chu Thị Thanh	Huyền	76	Khá	
83	25	DTE2253403010089	Đặng Thanh	Huyền	70	Khá	
84	26	DTE2253403010442	Dương Thị Mai	Hương	81	Tốt	
85	27	DTE2253403010086	Nguyễn Thị Thu	Hương	70	Khá	
86	28	DTE2253403010087	Trần Thu	Hương	85	Tốt	
87	29	DTE2253403010049	Hạc Ngọc	Khuê	70	Khá	
88	30	DTE2253403010090	Lường Thị	Kiều	85	Tốt	
89	31	DTE2253403010092	Hoàng Thị	Lan	83	Tốt	
90	32	DTE2253403010093	Mạc Thị	Liều	90	Xuất sắc	
91	33	DTE2253403010095	Bùi Thùy	Linh	89	Tốt	
92	34	DTE2253403010051	Nguyễn Khánh	Linh	68	Khá	
93	35	DTE2253403010096	Nguyễn Thùy	Linh	75	Khá	
94	36	DTE2253403010094	Trần Thị Khánh	Linh	82	Tốt	
95	37	DTE2253403010098	Bùi Thị Hiền	Lương	92	Xuất sắc	
96	38	DTE2253403010008	Hà Thị Trà	Ly	80	Tốt	
97	39	DTE2253403010054	Hoàng Thị	Mai	85	Tốt	
98	40	DTE2253403010053	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	83	Tốt	
99	41	DTE2253403010103	Nguyễn Minh	Nguyệt	92	Xuất sắc	
100	42	DTE2253403010105	Nguyễn Thị	Nhiên	70	Khá	
101	43	DTE2253403010106	Hoàng Thị Mai	Phương	70	Khá	
102	44	DTE2253403010058	Nguyễn Thị Hà	Phương	86	Tốt	
103	45	DTE2253403010057	Phạm Hà	Phương	70	Khá	
104	46	DTE2253403010059	Ngô Thúy	Quỳnh	90	Xuất sắc	
105	47	DTE2253403010061	Nguyễn Thị	Tâm	86	Tốt	
106	48	DTE2253403010060	Lý Thị	Tâm	82	Tốt	
107	49	DTE2253403010109	Đinh Hoàng	Thái	50	Trung bình	BHYT
108	50	DTE2253403010155	Nguyễn Thị Thanh	Thư	79	Khá	
109	51	DTE2253403010111	Võ Thị Hoài	Thương	82	Tốt	
110	52	DTE2253403010310	Hoàng Thị Lê	Trang	70	Khá	
111	53	DTE2253403010113	Lê Thị Thu	Trang	88	Tốt	
112	54	DTE2253403010062	Nguyễn Vũ Quỳnh	Trang	86	Tốt	
113	55	DTE2253403010114	Nguyễn Thị	Tuyết	70	Khá	
114	56	DTE2253403010115	Lưu Bạch Hồng	Vân	85	Tốt	
115	57	DTE2253101010023	Đặng Hà	Vi	83	Tốt	
116	58	DTE2253403010064	Nguyễn Thị	Xuân	99	Xuất sắc	
117	59	DTE2253403010117	Trần Thị	Yến	97	Xuất sắc	
118	60	DTE2253403010116	Mã Thị Hải	Yến	89	Tốt	
		K19 Kế toán C					
119	1	DTE2253403010168	Dương Minh	Anh	81	Tốt	
120	2	DTE2253403010166	Nguyễn Ngọc	Anh	69	Khá	
121	3	DTE2253403010326	Phùng Vân	Anh	65	Khá	
122	4	DTE2253403010173	Nguyễn Ngọc	Ánh	77	Khá	
123	5	DTE2253403010179	Nguyễn Bảo	Chi	80	Tốt	
124	6	DTE2253403010401	Hoàng Thị	Dịu	91	Xuất sắc	
125	7	DTE2253403010385	Hoàng Thu	Giang	80	Tốt	
126	8	DTE2253403010189	Trương Thị Quỳnh	Giang	72	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
127	9	DTE2253403010190	Chu Thị Thu	Hà	79	Khá	
128	10	DTE2253403010191	Đinh Thị Mỹ	Hà	100	Xuất sắc	
129	11	DTE2253403010197	Đinh Ngọc Minh	Hạnh	91	Xuất sắc	
130	12	DTE2253403010198	Lý Hồng	Hạnh	98	Xuất sắc	
131	13	DTE2253403010200	Đỗ Phương	Hào	69	Khá	
132	14	DTE2253403010195	Lương Thị	Hằng	90	Xuất sắc	
133	15	DTE2253403010192	Nguyễn Thị	Hằng	85	Tốt	
134	16	DTE2253403010203	Ma Thị Thúy	Hiền	50	Trung bình	
135	17	DTE2253403010209	Nguyễn Thanh	Hoài	91	Xuất sắc	
136	18	DTE2253403010210	Diêm Thị	Hồng	79	Khá	
137	19	DTE2253403010211	Hoàng Thị Ngọc	Huế	80	Tốt	
138	20	DTE2253403010213	Nguyễn Xuân	Hương	80	Tốt	
139	21	DTE2253403010215	Sầm Thị Thu	Hường	0	Kém	Nghi học không lý do
140	22	DTE2253403010219	Lý Vân	Khanh	80	Tốt	
141	23	DTE2253403010441	Đặng Chí	Kiên	90	Xuất sắc	
142	24	DTE2253403010221	Triệu Thị Mai	Lan	84	Tốt	
143	25	DTE2253403010436	Hoàng Thị	Liều	79	Khá	
144	26	DTE2253403010139	Hoàng Thị	Loan	55	Trung bình	
145	27	DTE2253403010228	Đặng Khánh	Ly	55	Trung bình	
146	28	DTE2253403010140	Trần Thị Khánh	Ly	86	Tốt	
147	29	DTE2253403010229	Triệu Phương	Ly	86	Tốt	
148	30	DTE2253403010233	Lê Thị Hoài	Nam	92	Xuất sắc	
149	31	DTE2253403010238	Dương Thị	Ngọc	91	Xuất sắc	
150	32	DTE2253403010240	Đỗ Minh	Ngọc	71	Khá	
151	33	DTE2253403010239	Ngô Thị Bảo	Ngọc	99	Xuất sắc	
152	34	DTE2253403010247	Nguyễn Phương	Nhi	65	Khá	
153	35	DTE2253403010250	Nguyễn Hồng	Nhung	65	Khá	
154	36	DTE2253403010431	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	96	Xuất sắc	
155	37	DTE2253403010251	Thân Thị Hồng	Nhung	90	Xuất sắc	
156	38	DTE2253403010254	Dương Thị	Phương	86	Tốt	
157	39	DTE2253403010269	Chu Thuý	Quỳnh	84	Tốt	
158	40	DTE2253403010268	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	95	Xuất sắc	
159	41	DTE2253403010267	Nguyễn Thúy	Quỳnh	75	Khá	
160	42	DTE2253403010266	Trịnh Thị Thúy	Quỳnh	75	Khá	
161	43	DTE2253403010279	Hà Thị	Thảo	85	Tốt	
162	44	DTE2253403010275	Lê Thanh	Thảo	86	Tốt	
163	45	DTE2253403010276	Nguyễn Thị Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
164	46	DTE2253403010272	Bùi Thị Ngọc	Thắm	86	Tốt	
165	47	DTE2253403010433	Lê Thu	Thùy	70	Khá	
166	48	DTE2253403010290	Bé Hoài	Thương	65	Khá	
167	49	DTE2253403010289	Nguyễn Thị Hoài	Thương	70	Khá	
168	50	DTE2253403010292	Phạm Thị Mai	Thương	61	Trung bình	
169	51	DTE2253403010291	Vương Ngọc	Thương	80	Tốt	
170	52	DTE2253403010313	Lê Thị Huyền	Trang	80	Tốt	
171	53	DTE2253403010307	Lương Thị Huyền	Trang	90	Xuất sắc	
172	54	DTE2253403010309	Ngô Thu	Trang	73	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
173	55	DTE2253403010316	Dương Thị Cẩm	Tú	76	Khá	
174	56	DTE2253403010318	Nguyễn Thị	Tuyết	65	Khá	
175	57	DTE2253403010434	Nguyễn Thúy	Vân	90	Xuất sắc	
176	58	DTE2253403010324	Ngô Thị	Yên	85	Tốt	
		K19 Kế toán D					
177	1	DTE2253403010169	Phạm Lan	Anh	82	Tốt	
178	2	DTE2253403010183	Nguyễn Linh	Chi	61	Trung bình	
179	3	DTE2253403010180	Lê Ngọc	Chi	84	Tốt	
180	4	DTE2253403010382	Mễ Thị Ngọc	Chi	86	Tốt	
181	5	DTE2253403010420	Ma Thị Kim	Cúc	86	Tốt	
182	6	DTE2253403010414	Hoàng Thùy	Dung	86	Tốt	
183	7	DTE2253403010199	Hà Thị	Hạnh	85	Tốt	
184	8	DTE2253403010193	Nguyễn Thị Ánh	Hằng	86	Tốt	
185	9	DTE2253403010342	Nguyễn Thị Thu	Huế	83	Tốt	
186	10	DTE2253403010344	Lê Thị Thu	Hường	90	Xuất sắc	
187	11	DTE2253403010226	Phạm Bùi Diệu	Linh	85	Tốt	
188	12	DTE2253403010415	Sầm Thị Vân	Ly	99	Xuất sắc	Lớp Trưởng
189	13	DTE2253403010351	Đồng Thị	Mơ	85	Tốt	
190	14	DTE2253403010352	Lê Huyền	My	84	Tốt	
191	15	DTE2253403010353	Nguyễn Thị Trà	My	86	Tốt	
192	16	DTE2253403010356	Lương Bích	Nga	82	Tốt	
193	17	DTE2253403010234	Nguyễn Thanh	Nga	99	Xuất sắc	
194	18	DTE2253403010355	Nguyễn Thúy	Nga	64	Trung bình	VPQC
195	19	DTE2253403010102	Đàm Hoàng Lê	Ngân	85	Tốt	
196	20	DTE2253403010416	Lê Ánh	Ngọc	84	Tốt	
197	21	DTE2253403010358	Lục Thị	Nguyên	90	Xuất sắc	
198	22	DTE2253403010243	Trần Thị Minh	Nguyệt	83	Tốt	
199	23	DTE2253403010360	Hà Lê Uyên	Nhi	82	Tốt	
200	24	DTE2253403010245	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	71	Khá	
201	25	DTE2253403010253	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	99	Xuất sắc	
202	26	DTE2253403010149	Vũ Thị Hà	Phương	100	Xuất sắc	
203	27	DTE2253403010258	Nông Thị Thu	Phượng	63	Trung bình	
204	28	DTE2253403010263	Nguyễn Trần Quốc	Quyên	100	Xuất sắc	
205	29	DTE2253403010364	Đỗ Thị Kim	Quỳnh	90	Xuất sắc	
206	30	DTE2253403010150	Nguyễn Thị	Quỳnh	95	Xuất sắc	
207	31	DTE2253403010002	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	75	Khá	
208	32	DTE2253403010366	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	86	Tốt	
209	33	DTE2253403010274	Lưu Thị Thanh	Thanh	85	Tốt	
210	34	DTE2253403010370	Trần Thị Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
211	35	DTE2253403010270	Trạc Thị	Thắm	86	Tốt	
212	36	DTE2253403010423	Nguyễn Thị	Thoan	86	Tốt	
213	37	DTE2253403010293	Trần Phương	Thùy	99	Xuất sắc	
214	38	DTE2253403010295	Lê Thị Thanh	Thủy	64	Trung bình	BHYT
215	39	DTE2253403010440	Lê Thị Thanh	Thủy	85	Tốt	
216	40	DTE2253403010294	Nguyễn Thu	Thủy	44	Yếu	
217	41	DTE2253403010287	Đỗ Thị Anh	Thư	87	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
218	42	DTE2253403010286	Hứa Khánh	Thư	63	Trung bình	
219	43	DTE2253403010156	Nguyễn Thị Hoài	Thương	75	Khá	
220	44	DTE2253403010372	Dương Thị	Tốt	86	Tốt	
221	45	DTE2253403010298	Hoàng Thị Thu	Trà	86	Tốt	
222	46	DTE2253403010304	Lý Thị Hoài	Trang	65	Khá	
223	47	DTE2253403010159	Nguyễn Thị Huyền	Trang	63	Trung bình	
224	48	DTE2253403010308	Nguyễn Thu	Trang	90	Xuất sắc	
225	49	DTE2253403010411	Nông Thùy	Trang	86	Tốt	
226	50	DTE2253403010311	Phạm Thị Kiều	Trang	90	Xuất sắc	
227	51	DTE2253403010374	Trần Thị Quỳnh	Trâm	83	Tốt	
228	52	DTE2253403010315	Đào Trần Thanh	Trúc	61	Trung bình	
229	53	DTE2253403010314	Hoàng Ánh	Trúc	86	Tốt	
230	54	DTE2253403010380	Nguyễn Thị Thịnh	Vượng	80	Tốt	
231	55	DTE2253403010163	Đỗ Vũ Hoàng	Yến	71	Khá	
232	56	DTE2253403010164	Nguyễn Hải	Yến	71	Khá	
		K19 Kế toán kiểm toán A					
233	1	DTE2253403010329	Bùi Kim	Anh	84	Tốt	
234	2	DTE2253403010448	Lê Đức	Anh	53	Trung Bình	
235	3	DTE2253403010070	Đoàn Thị Ngọc	Anh	85	Tốt	
236	4	DTE2253403010119	Trương Thị Huyền	Ánh	97	Xuất sắc	
237	5	DTE2253403010121	Vũ Lê Ngọc	Bích	84	Tốt	
238	6	DTE2253403010122	Trần Thị Huyền	Châm	80	Tốt	
239	7	DTE2253403010182	Đỗ Ngọc	Chi	90	Xuất sắc	
240	8	DTE2253403010399	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	43	Yếu	BHYT
241	9	DTE2253403010181	Vũ Tùng	Chi	68	Khá	
242	10	DTE2253403010124	Nông Thị	Chuyên	88	Tốt	
243	11	DTE2253403010185	Nguyễn Thị	Cúc	65	Khá	BHYT
244	12	DTE2253403010125	Lê Ngọc	Diễm	90	Xuất sắc	
245	13	DTE2253403010331	Đỗ Bạch	Diệp	90	Xuất sắc	
246	14	DTE2253403010126	Dương Thị	Duyên	72	Khá	
247	15	DTE2253403010186	Đào Mỹ	Duyên	98	Xuất sắc	
248	16	DTE2253403010165	Mông Văn	Đại	92	Xuất sắc	
249	17	DTE2253403010396	Hoàng Tiến	Đạt	80	Tốt	
250	18	DTE2253403010325	Nguyễn Thị	Diệp	99	Xuất sắc	
251	19	DTE2253403010129	Lê Thị Thu	Hà	83	Tốt	
252	20	DTE2253403010130	Trương Minh	Hạnh	97	Xuất sắc	
253	21	DTE2253403010386	Nguyễn Trọng	Hiệp	65	Khá	
254	22	DTE2253403010338	Đinh Thị Ngọc	Hoa	90	Xuất sắc	
255	23	DTE2253403010421	Hoàng Diệu	Huyền	56	Trung Bình	
256	24	DTE2253403010216	Nguyễn Khánh	Huyền	52	Trung Bình	
257	25	DTE2253403010135	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	90	Xuất sắc	
258	26	DTE2253403010136	Tạ Khánh	Huyền	43	Yếu	BHYT
259	27	DTE2253403010133	Lê Trần Quỳnh	Hương	90	Xuất sắc	
260	28	DTE2253403010403	Hoàng Thị Thanh	Lan	90	Xuất sắc	
261	29	DTE2253403010404	Nguyễn Vũ Thùy	Linh	80	Tốt	
262	30	DTE2253403010405	Phùng Mỹ	Linh	90	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
263	31	DTE2253403010222	Trần Thị Mỹ	Linh	90	Xuất sắc	
264	32	DTE2253403010227	Ma Thị Mai	Loan	35	Yếu	Nghỉ học không lý do
265	33	DTE2253403010052	Phùng Thị	Lượng	80	Tốt	
266	34	DTE2253403010430	Lưu Bảo	Ly	56	Trung Bình	
267	35	DTE2253403010406	Ngô Thị	Minh	35	Yếu	Nghỉ học không lý do
268	36	DTE2253403010407	Lù Gió	Mur	83	Tốt	
269	37	DTE2253403010235	Nguyễn Quỳnh	Nga	77	Khá	
270	38	DTE2253403010144	Hoàng Thị	Ngọc	69	Khá	
271	39	DTE2253403010241	Nguyễn Hồng	Ngọc	90	Xuất sắc	
272	40	DTE2253403010023	Tạ Thị	Nhã	90	Xuất sắc	
273	41	DTE2253403010248	Đinh Tuyết	Nhị	84	Tốt	
274	42	DTE2253403010145	Dương Nguyễn Trang	Nhung	100	Xuất sắc	
275	43	DTE2253403010146	Trương Thị	Nhung	90	Xuất sắc	
276	44	DTE2253403010257	Nguyễn Mai	Phương	35	Yếu	BHYT
277	45	DTE2253403010410	Trần Hương	Quỳnh	90	Xuất sắc	
278	46	DTE2253403010390	Đồng Như	Quỳnh	35	Yếu	BHYT
279	47	DTE2253403010264	Lê Thị Như	Quỳnh	84	Tốt	
280	48	DTE2253403010151	Hoàng Thị Minh	Tâm	85	Tốt	
281	49	DTE2253403010422	Nguyễn Minh	Tâm	50	Trung Bình	BHYT
282	50	DTE2253403010277	Dương Thu	Thảo	82	Tốt	
283	51	DTE2253403010153	Lê Phạm Phương	Thảo	81	Tốt	
284	52	DTE2253403010281	Phạm Thanh	Thảo	98	Xuất sắc	
285	53	DTE2253403010278	Trần Thị Bích	Thảo	76	Khá	
286	54	DTE2253403010418	Vũ Thu	Thảo	50	Trung Bình	BHYT
287	55	DTE2253403010152	Triệu Thị	Thân	80	Tốt	
288	56	DTE2253401010271	Hoàng Thị	Thủy	90	Xuất sắc	
289	57	DTE2253403010157	Ma Thị Bích	Thủy	90	Xuất sắc	
290	58	DTE2253403010011	Nguyễn Mai	Thương	90	Xuất sắc	
291	59	DTE2253403010160	Chu Thị Thùy	Trang	90	Xuất sắc	
292	60	DTE2253403010312	Đỗ Huyền	Trang	67	Khá	BHYT
293	61	DTE2253403010429	Nguyễn Hải	Yến	82	Tốt	
		K19 Kế toán kiểm toán B					
294	1	DTE2253403010006	Hoàng	Anh	95	Xuất sắc	
295	2	DTE2253403010174	Nguyễn Quỳnh	Anh	73	Khá	
296	3	DTE2253403010066	Vũ Ngọc	Anh	98	Xuất sắc	
297	4	DTE2253403010171	Dương Thị Ngọc	Ánh	86	Tốt	
298	5	DTE2253403010036	Lương Thị Ngọc	Châm	99	Xuất sắc	
299	6	DTE2253403010446	Nguyễn Hà	Chi	86	Tốt	
300	7	DTE2253403010332	Ngô Kim	Dung	79	Khá	
301	8	DTE2253403010187	Dương Thị	Duyên	65	Khá	
302	9	DTE2253403010335	Phạm Nguyễn Linh	Giang	78	Khá	
303	10	DTE2253403010196	Nông Thị	Hằng	81	Tốt	
304	11	DTE2253403010201	Lê Thị	Hậu	74	Khá	
305	12	DTE2253403010202	Nguyễn Thị	Hiền	81	Tốt	
306	13	DTE2253403010084	Nguyễn Thị Thu	Hiền	88	Tốt	
307	14	DTE2253403010339	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
308	15	DTE2253403010340	Hà Thị Thu	Hoài	81	Tốt	
309	16	DTE2253403010218	Vũ Thị Thu	Huyền	76	Khá	
310	17	DTE2253403010214	Lê Quỳnh	Hương	81	Tốt	
311	18	DTE2253403010088	Dương Thị	Hường	90	Xuất sắc	
312	19	DTE2253403010224	Đỗ Phương	Linh	80	Tốt	
313	20	DTE2253403010428	Hoàng Thị Thùy	Linh	70	Khá	
314	21	DTE2253403010223	Nguyễn Thị Thùy	Linh	71	Khá	
315	22	DTE2253403010225	Phan Thùy	Linh	79	Khá	
316	23	DTE2253403010350	Dương Thị Hoa	Mai	99	Xuất sắc	
317	24	DTE2253403010231	Chu Thị	My	65	Khá	
318	25	DTE2253403010232	Nông Quỳnh	Na	70	Khá	
319	26	DTE2253403010101	Hoàng Thúy	Nga	91	Xuất sắc	
320	27	DTE2253403010236	Nguyễn Thị	Nga	82	Tốt	
321	28	DTE2253403010237	Nguyễn Thị	Ngân	86	Tốt	
322	29	DTE2253403010244	Nguyễn Thị Linh	Nhi	80	Tốt	
323	30	DTE2253403010246	Trương Thị Tú	Nhi	85	Tốt	
324	31	DTE2253403010361	Lê Hồng	Nhung	81	Tốt	
325	32	DTE2253403010249	Lương Hồng	Nhung	81	Tốt	
326	33	DTE2253403010252	Nguyễn Hồng	Nhung	65	Khá	
327	34	DTE2253403010362	Nguyễn Thị Kim	Oanh	81	Tốt	
328	35	DTE2253403010255	Nguyễn Thu	Phương	79	Khá	
329	36	DTE2253403010259	Nguyễn Ngọc	Phượng	99	Xuất sắc	
330	37	DTE2253403010262	Lý Ánh	Quỳnh	85	Tốt	
331	38	DTE2253403010261	Nguyễn Thị Ánh	Quỳnh	84	Tốt	
332	39	DTE2253403010265	Đỗ Thị Thuý	Quỳnh	75	Khá	
333	40	DTE2253403010367	Nguyễn Minh	Thanh	84	Tốt	
334	41	DTE2253403010369	Đỗ Phương	Thảo	79	Khá	
335	42	DTE2253403010280	Hoàng Thị Bích	Thảo	82	Tốt	
336	43	DTE2253403010371	Nguyễn Phương	Thảo	81	Tốt	
337	44	DTE2253403010271	Hà Diệu	Thắm	80	Tốt	
338	45	DTE2253403010283	Dương Thị Kim	Thoa	79	Khá	
339	46	DTE2253403010282	Nghiêm Thị	Thoa	92	Xuất sắc	
340	47	DTE2253403010288	Trần Thị Ngọc	Thức	60	Trung bình	Vì phạm quy chế thi
341	48	DTE2253403010297	Dương Thị Hương	Trà	75	Khá	
342	49	DTE2253403010299	Vũ Thanh	Trà	65	Khá	
343	50	DTE2253403010305	Diệp Thị Quỳnh	Trang	85	Tốt	
344	51	DTE2253403010302	Đỗ Quỳnh	Trang	80	Tốt	
345	52	DTE2253403010303	Mai Thị Thu	Trang	76	Khá	
346	53	DTE2253403010306	Nguyễn Quỳnh	Trang	80	Tốt	
347	54	DTE2253403010377	Tạ Thị Bích	Trang	60	Trung bình	BHYT
348	55	DTE2253403010317	Hoàng Công	Tuấn	100	Xuất sắc	
349	56	DTE2253403010378	Đỗ Xuân	Tuệ	65	Khá	
350	57	DTE2253403010412	Lục Khánh	Vân	55	Trung bình	
351	58	DTE2253403010397	Nguyễn Hương	Xuân	99	Xuất sắc	
352	59	DTE2253403010323	Lục Thị	Yên	89	Tốt	
		K20 Kế toán 1					

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
353	1	DTE2353403010014	Nguyễn Thái	An	62	Trung bình	
354	2	DTE2353403010013	Võ Thu	An	83	Tốt	
355	3	DTE2353403010027	Đặng Mỹ	Anh	76	Khá	
356	4	DTE2353403010029	Đinh Thị Hiền	Anh	76	Khá	
357	5	DTE2353403010040	Nguyễn Thị Phương	Anh	96	Xuất sắc	
358	6	DTE2353403010002	Nguyễn Thị Bảo	Chi	83	Tốt	
359	7	DTE2353403010049	Đỗ Hương	Dịu	97	Xuất sắc	
360	8	DTE2353403010052	Nguyễn Thị Thùy	Dương	69	Khá	
361	9	DTE2353403010095	Hoàng Thu	Hiền	76	Khá	
362	10	DTE2353403010331	Lương Phương	Hoa	100	Xuất sắc	
363	11	DTE2353403010101	Ma Thị Khánh	Hòa	82	Tốt	
364	12	DTE2353403010102	Hoàng Thị	Hoài	88	Tốt	
365	13	DTE2353403010103	Trần Thị Thu	Hoài	81	Tốt	
366	14	DTE2353403010108	Vi Thị Ngọc	Hồng	85	Tốt	
367	15	DTE2353403010116	Nguyễn Bích	Huệ	83	Tốt	
368	16	DTE2353403010114	Nguyễn Thị	Huệ	88	Tốt	
369	17	DTE2353403010112	Vàng Thị	Huệ	85	Tốt	
370	18	DTE2353403010138	Lê Thị Thu	Huyền	85	Tốt	
371	19	DTE2353403010130	Lý Ngọc	Huyền	85	Tốt	
372	20	DTE2353403010125	Lâm Thiên	Hương	78	Khá	
373	21	DTE2353403010120	Nguyễn Thu	Hương	63	Trung bình	
374	22	DTE2353403010121	Nguyễn Thúy	Hường	79	Khá	
375	23	DTE2353403010124	Trần Thu	Hường	80	Tốt	
376	24	DTE2353403010149	Phạm Thị Bích	Lệ	65	Khá	
377	25	DTE2353403010004	Đồng Thị Thùy	Linh	73	Khá	
378	26	DTE2353403010168	Hà Thị	Linh	87	Tốt	
379	27	DTE2353403010006	Nguyễn Thị	Linh	77	Khá	
380	28	DTE2353403010159	Nguyễn Thùy	Linh	50	Trung bình	BHYT
381	29	DTE2353403010181	Nguyễn Thị Hoa	Lý	89	Tốt	
382	30	DTE2353403010007	Trần Thị	Lý	83	Tốt	
383	31	DTE2353403010185	Lê Hồng	Mai	76	Khá	
384	32	DTE2353403010192	Nguyễn Thảo	My	68	Khá	
385	33	DTE2353403010199	Dương Thị Quỳnh	Nga	83	Tốt	
386	34	DTE2353403010203	Trịnh Phương	Nga	86	Tốt	
387	35	DTE2353403010211	Lê Thị Kim	Ngọc	70	Khá	
388	36	DTE2353403010213	Nguyễn Như	Ngọc	89	Tốt	
389	37	DTE2353403010216	Nguyễn Thị	Ngọc	85	Tốt	
390	38	DTE2353403010231	Nguyễn Kiều	Oanh	77	Khá	
391	39	DTE2353403010347	Nguyễn Thị Bích	Phượng	80	Tốt	
392	40	DTE2353403010244	Nguyễn Lệ	Quên	90	Xuất sắc	
393	41	DTE2353403010010	Đào Phương	Thảo	79	Khá	
394	42	DTE2353403010265	Đinh Phương	Thảo	50	Trung bình	BHYT
395	43	DTE2353403010268	Hoàng Phương	Thảo	98	Xuất sắc	
396	44	DTE2353403010266	Nguyễn Thị Thu	Thảo	81	Tốt	
397	45	DTE2353403010264	Nhâm Thị	Thảo	83	Tốt	
398	46	DTE2353403010267	Phạm Phương	Thảo	77	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
399	47	DTE2353403010273	Nguyễn Thị	Thuận	74	Khá	
400	48	DTE2353403010299	Bùi Huyền	Trang	76	Khá	
401	49	DTE2353403010285	Nguyễn Thị Huyền	Trang	63	Trung bình	
402	50	DTE2353403010294	Trần Huyền	Trang	96	Xuất sắc	
403	51	DTE2353403010295	Vũ Quỳnh	Trang	90	Xuất sắc	
404	52	DTE2353403010304	Đào Đức	Tú	100	Xuất sắc	
405	53	DTE2353403010012	Hồ Hải	Yến	95	Xuất sắc	
		K20 Kế toán 2					
406	1	DTE2353403010035	Lê Ngọc	Anh	89	Tốt	
407	2	DTE2353403010020	Nguyễn Phương	Anh	73	Khá	
408	3	DTE2353403010037	Nguyễn Thị Trâm	Anh	64	Trung bình	
409	4	DTE2353403010042	Lý Thị Kim	Bên	85	Tốt	
410	5	DTE2353403010047	Nguyễn Linh	Chi	82	Tốt	
411	6	DTE2353403010058	Đoàn Hương	Giang	86	Tốt	
412	7	DTE2353403010060	Nguyễn Hương	Giang	100	Xuất sắc	
413	8	DTE2353403010066	Dương Hồng	Hà	86	Tốt	
414	9	DTE2353403010065	Đỗ Thúy	Hà	87	Tốt	
415	10	DTE2353403010070	Ngô Hoàng	Hà	50	Trung bình	BHYT
416	11	DTE2353403010072	Hà Hoàng	Hải	96	Xuất sắc	
417	12	DTE2353403010083	Lăng Minh	Hạnh	54	Trung bình	
418	13	DTE2353403010075	Trần Thu	Hằng	66	Khá	
419	14	DTE2353403010089	Bàng Thị Thu	Hiền	79	Khá	
420	15	DTE2353403010086	Đỗ Thị Thúy	Hiền	93	Xuất sắc	
421	16	DTE2353403010091	Nguyễn Thị	Hiền	86	Tốt	
422	17	DTE2353403010100	Dương Thị	Hoa	86	Tốt	
423	18	DTE2353403010109	Đinh Ngọc Minh	Hồng	87	Tốt	
424	19	DTE2353403010105	Nguyễn Thị	Hồng	80	Tốt	
425	20	DTE2353403010113	Nguyễn Thị	Huệ	89	Tốt	
426	21	DTE2353403010128	Cao Lưu Gia	Huy	55	Trung bình	
427	22	DTE2353403010134	Hoàng Thị Thanh	Huyền	53	Trung bình	
428	23	DTE2353403010132	Ngô Thanh	Huyền	65	Khá	
429	24	DTE2353403010139	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	80	Tốt	
430	25	DTE2353403010140	Vũ Thị Thanh	Huyền	97	Xuất sắc	
431	26	DTE2353403010142	Hoàng Thị	Khuyên	51	Trung bình	
432	27	DTE2353403010148	Ngô Kim	Lanh	78	Khá	
433	28	DTE2353403010151	Đỗ Thị Dương	Liều	97	Xuất sắc	
434	29	DTE2353403010174	Lương Thị Khánh	Linh	80	Tốt	
435	30	DTE2353403010171	Ngô Khánh	Linh	50	Trung bình	BHYT
436	31	DTE2353403010005	Phạm Thị Thuý	Linh	55	Trung bình	
437	32	DTE2353403010177	Nguyễn Hiền	Lương	81	Tốt	
438	33	DTE2353403010178	Nguyễn Thị	Lưu	77	Khá	
439	34	DTE2353403010182	Ngô Khánh	Ly	88	Tốt	
440	35	DTE2353403010186	Đỗ Phương	Mai	95	Xuất sắc	
441	36	DTE2353403010201	Ngô Thị	Nga	85	Tốt	
442	37	DTE2353403010207	Hà Kim	Ngân	56	Trung bình	
443	38	DTE2353403010214	Phạm Minh	Ngọc	76	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
444	39	DTE2353403010212	Tổng Thị Bảo	Ngọc	85	Tốt	
445	40	DTE2353403010222	Nguyễn Thị	Nguyệt	80	Tốt	
446	41	DTE2353403010226	Kiều Thị Yên	Nhi	77	Khá	
447	42	DTE2353403010009	Lê Thị Kim	Oanh	65	Khá	
448	43	DTE2353403010232	Phạm Thị Kim	Oanh	66	Khá	BHYT
449	44	DTE2353403010240	Lê Mai	Phương	80	Tốt	
450	45	DTE2353403010236	Tạ Thị Thùy	Phương	86	Tốt	
451	46	DTE2353403010251	Mạc Thị Diễm	Quỳnh	94	Xuất sắc	
452	47	DTE2353403010253	Âu Thị Mỹ	Tâm	52	Trung bình	
453	48	DTE2353403010255	Chu Quang	Thái	67	Khá	
454	49	DTE2353403010259	Nguyễn Thị	Thảo	79	Khá	
455	50	DTE2353403010260	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	0	Kém	Nghi học không lý do
456	51	DTE2353403010272	Giá Thị	Thu	75	Khá	
457	52	DTE2353403010270	Nguyễn Thị	Thu	80	Tốt	
458	53	DTE2353403010277	Trần Thu	Thùy	86	Tốt	
459	54	DTE2353403010275	Nguyễn Thị	Thủy	75	Khá	
460	55	DTE2353403010292	Nguyễn Thị Nguồn	Trang	77	Khá	
461	56	DTE2353403010287	Phạm Huyền	Trang	77	Khá	
		K20 Kế toán 3					
462	1	DTE2353403010039	Lê Đỗ Liên	Anh	99	Xuất sắc	
463	2	DTE2353403010024	Lê Thị Hồng	Anh	99	Xuất sắc	
464	3	DTE2353403010025	Nguyễn Ngọc	Anh	60	Trung bình	BHYT
465	4	DTE2353403010034	Nguyễn Phương	Anh	90	Xuất sắc	
466	5	DTE2353403010023	Trịnh Lê Quỳnh	Anh	85	Tốt	
467	6	DTE2353403010028	Vũ Nguyệt	Anh	0	Kém	BHYT
468	7	DTE2353403010038	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	99	Xuất sắc	
469	8	DTE2353403010030	Trần Thị Minh	Ánh	89	Tốt	
470	9	DTE2353403010043	Dương Thanh	Bình	78	Khá	
471	10	DTE2353403010051	Hà Thị	Dung	78	Khá	
472	11	DTE2353403010050	Nguyễn Thị Lâm	Dung	82	Tốt	
473	12	DTE2353403010323	Nông Lục Thị	Dung	74	Khá	
474	13	DTE2353403010056	Nguyễn Thị	Duyên	87	Tốt	
475	14	DTE2353403010321	Vũ Thị	Đào	90	Xuất sắc	
476	15	DTE2353403010322	Hoàng Minh	Đức	70	Khá	
477	16	DTE2353403010059	Đỗ Hương	Giang	78	Khá	
478	17	DTE2353403010062	Nguyễn Hương	Giang	78	Khá	
479	18	DTE2353403010067	Nông Thị Thu	Hà	99	Xuất sắc	
480	19	DTE2353403010063	Phan Thanh	Hà	90	Xuất sắc	
481	20	DTE2353403010080	Nguyễn Hồng	Hạnh	90	Xuất sắc	
482	21	DTE2353403010082	Nguyễn Thị	Hạnh	99	Xuất sắc	
483	22	DTE2353403010073	Dương Thúy	Hằng	78	Khá	
484	23	DTE2353403010074	Hà Thúy	Hằng	78	Khá	
485	24	DTE2353403010085	Bùi Thị	Hậu	86	Tốt	
486	25	DTE2353403010087	Nguyễn Thị Thu	Hiền	88	Tốt	
487	26	DTE2353403010330	Nguyễn Thị Như	Hoa	78	Khá	
488	27	DTE2353403010099	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	78	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
489	28	DTE2353403010133	Nguyễn Thu	Huyền	90	Xuất sắc	
490	29	DTE2353403010135	Thân Thu	Huyền	88	Tốt	
491	30	DTE2353403010145	Đỗ Thanh	Lan	90	Xuất sắc	
492	31	DTE2353403010144	Trần Thị Mai	Lan	90	Xuất sắc	
493	32	DTE2353403010143	Dương Hoàng	Lâm	60	Trung bình	BHYT
494	33	DTE2353403010156	Dương Thùy	Linh	87	Tốt	
495	34	DTE2353403010167	Hoàng Dương Khánh	Linh	87	Tốt	
496	35	DTE2353403010184	Dương Thị Tuyết	Mai	78	Khá	
497	36	DTE2353403010187	Đoàn Thị	Mây	70	Khá	
498	37	DTE2353403010190	Trần Thị Quỳnh	Minh	100	Xuất sắc	
499	38	DTE2353403010193	Nguyễn Phương Thác	My	87	Tốt	
500	39	DTE2353403010200	Nguyễn Thúy Kiều	Nga	90	Xuất sắc	
501	40	DTE2353403010215	Hoàng Phương	Ngọc	89	Tốt	
502	41	DTE2353403010221	Từ Thị Minh	Nguyệt	90	Xuất sắc	
503	42	DTE2353403010225	Nguyễn Yến	Nhi	89	Tốt	
504	43	DTE2353403010229	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	87	Tốt	
505	44	DTE2353403010352	Phùng Thanh	Phong	64	Trung bình	
506	45	DTE2353403010234	Ngô Thị Hải	Phương	87	Tốt	
507	46	DTE2353403010245	Phan Ngọc	Quỳnh	64	Trung bình	Vi phạm quy chế thi
508	47	DTE2353403010248	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	99	Xuất sắc	
509	48	DTE2353403010261	Lương Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
510	49	DTE2353403010269	Phạm Thị	Thảo	89	Tốt	
511	50	DTE2353403010278	Vũ Thị Thanh	Thúy	92	Xuất sắc	
512	51	DTE2353403010301	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	90	Xuất sắc	
513	52	DTE2353403010311	Lê Thị Hồng	Vui	90	Xuất sắc	
514	53	DTE2353403010314	Nguyễn Thị Trúc	Vy	73	Khá	
515	54	DTE2353403010315	Nguyễn Thị Hương	Xuân	64	Trung bình	
		K20 Kế toán 4					
516	1	DTE2353403010016	Đoàn Thị Ngọc	Anh	91	Xuất sắc	
517	2	DTE2353403010036	Hoàng Quỳnh	Anh	71	Khá	
518	3	DTE2353403010018	Lê Thị Lan	Anh	92	Xuất sắc	
519	4	DTE2353403010019	Trần Phương	Anh	85	Tốt	
520	5	DTE2353403010017	Vũ Phương	Anh	56	Trung bình	BHYT
521	6	DTE2353403010041	Ninh Bá Lý	Bằng	65	Khá	BHYT
522	7	DTE2353403010045	Nguyễn Hà	Chi	50	Trung bình	
523	8	DTE2353403010046	Nguyễn Phương	Chi	90	Xuất sắc	
524	9	DTE2353403010048	Nông Hoàng	Diệu	80	Tốt	BHYT
525	10	DTE2353403010064	Hà Thị Ngọc	Hà	71	Khá	BHYT
526	11	DTE2353403010068	Trần Thu	Hà	97	Xuất sắc	
527	12	DTE2353403010079	Lê Hồng	Hạnh	80	Tốt	
528	13	DTE2353403010078	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	90	Xuất sắc	
529	14	DTE2353403010084	Nguyễn Thu	Hạnh	80	Tốt	
530	15	DTE2353403010092	Trần Thu	Hiền	70	Khá	
531	16	DTE2353403010096	Trần Mông	Hiệp	65	Khá	
532	17	DTE2353403010104	Phạm Ngọc	Hoan	75	Khá	
533	18	DTE2353403010136	Lương Thị	Huyền	90	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
534	19	DTE2353403010127	Hoàng Thị Lan	Hương	86	Tốt	
535	20	DTE2353403010122	Nguyễn Thùy	Hương	78	Khá	
536	21	DTE2353403010119	Trịnh Thị Mai	Hương	90	Xuất sắc	
537	22	DTE2353403010126	Vì Thị	Hương	80	Tốt	
538	23	DTE2353403010141	Phương Thị	Khuyên	85	Tốt	
539	24	DTE2353403010147	Lương Mai	Lan	82	Tốt	
540	25	DTE2353403010146	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	80	Tốt	
541	26	DTE2353403010324	Quan Thị Bích	Lan	72	Khá	
542	27	DTE2353403010166	Đỗ Nhật	Linh	90	Xuất sắc	
543	28	DTE2353403010165	Hoàng Ngọc	Linh	95	Xuất sắc	
544	29	DTE2353403010158	Hồ Phương	Linh	67	Khá	
545	30	DTE2353403010169	Lê Gia	Linh	75	Khá	
546	31	DTE2353403010164	Mai Khánh	Linh	59	Trung bình	BHYT
547	32	DTE2353403010160	Nguyễn Hải	Linh	80	Tốt	
548	33	DTE2353403010154	Nguyễn Khánh	Linh	80	Tốt	
549	34	DTE2353403010175	Nguyễn Ngọc	Linh	80	Tốt	
550	35	DTE2353403010339	Quan Thị	Luyến	90	Xuất sắc	
551	36	DTE2353403010325	Nguyễn Tiến	Lượng	90	Xuất sắc	
552	37	DTE2353403010183	Nguyễn Khánh	Ly	96	Xuất sắc	
553	38	DTE2353403010189	Nguyễn La Thiện	Mây	85	Tốt	
554	39	DTE2353403010191	Dương Thị	Mới	không x	Không xét	Không xét, Bảo lưu
555	40	DTE2353403010198	Chiêu Thúy	Ngà	87	Tốt	
556	41	DTE2353403010208	Đinh Thị Ánh	Ngọc	97	Xuất sắc	
557	42	DTE2353403010220	Nguyễn Hồng	Ngọc	81	Tốt	
558	43	DTE2353403010209	Tăng Khánh	Ngọc	35	Yếu	BHYT
559	44	DTE2353403010219	Trịnh Thị Minh	Ngọc	91	Xuất sắc	
560	45	DTE2353403010237	Ngô Thị Thu	Phương	85	Tốt	
561	46	DTE2353403010233	Triệu Ngọc	Phượng	50	Trung bình	
562	47	DTE2353403010243	Đoàn Tiểu	Quyên	82	Tốt	
563	48	DTE2353403010242	Ngô Thị Tú	Quyên	80	Tốt	
564	49	DTE2353403010247	Dương Tuyết	Quỳnh	80	Tốt	
565	50	DTE2353403010249	Nguyễn Mai	Quỳnh	90	Xuất sắc	
566	51	DTE2353403010252	Lê Thanh	Tâm	80	Tốt	
567	52	DTE2353403010256	Đoàn Thị Thu	Thanh	80	Tốt	
568	53	DTE2353403010263	Hà Thị Phương	Thảo	65	Khá	
569	54	DTE2353403010258	Lưu Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
570	55	DTE2353403010329	Nguyễn Thị	Thoa	65	Khá	
571	56	DTE2353403010271	Lê Thị	Thu	65	Khá	BHYT
572	57	DTE2353403010283	Ngô Thanh	Trà	77	Khá	
573	58	DTE2353403010288	Đỗ Nguyễn Phương	Trang	80	Tốt	
574	59	DTE2353403010286	Nguyễn Thủy	Trang	78	Khá	
575	60	DTE2353403010305	Nguyễn Hà Anh	Tuấn	80	Tốt	
576	61	DTE2353403010312	Lê Thảo	Vy	85	Tốt	
		K20 Kế toán 5					
577	1	DTE2353403010022	Hoàng Tú	Anh	91	Xuất sắc	
578	2	DTE2353403010032	Nguyễn Phương	Anh	71	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
579	3	DTE2353403010033	Nguyễn Thị Mai	Anh	40	Yếu	
580	4	DTE2353403010026	Nguyễn Thị Vân	Anh	93	Xuất sắc	
581	5	DTE2353403010015	Phạm Việt	Anh	31	Kém	
582	6	DTE2353403010031	Tạ Tuấn	Anh	99	Xuất sắc	
583	7	DTE2353403010021	Nguyễn Thị	Ánh	60	Trung bình	
584	8	DTE2353403010044	Lý Kim	Chi	73	Khá	
585	9	DTE2353403010054	Lê Thị Thuý	Dương	62	Trung bình	
586	10	DTE2353403010053	Nguyễn Thuý	Dương	95	Xuất sắc	
587	11	DTE2353403010069	Nguyễn Hoàng	Hà	31	Kém	
588	12	DTE2353403010081	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	42	Yếu	
589	13	DTE2353403010077	Đỗ Thị	Hằng	94	Xuất sắc	
590	14	DTE2353403010076	Nguyễn Thị	Hằng	73	Khá	
591	15	DTE2353403010088	Hoàng Thị Thu	Hiền	73	Khá	
592	16	DTE2353403010090	Lê Thu	Hiền	91	Xuất sắc	
593	17	DTE2353403010094	Ngô Thu	Hiền	93	Xuất sắc	
594	18	DTE2353403010097	Dương Trung	Hiếu	31	Kém	
595	19	DTE2353403010106	Đặng Thị Khánh	Hồng	71	Khá	
596	20	DTE2353403010110	Phạm Ánh	Hồng	84	Tốt	
597	21	DTE2353403010115	Nguyễn Thị	Huế	72	Khá	
598	22	DTE2353403010111	Nguyễn Thị Kim	Huệ	64	Trung bình	
599	23	DTE2353403010137	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	80	Tốt	
600	24	DTE2353403010123	Nguyễn Mai	Hương	96	Xuất sắc	
601	25	DTE2353403010150	Lê Thị	Liều	31	Kém	
602	26	DTE2353403010173	Đào Phương	Linh	31	Kém	
603	27	DTE2353403010161	Hà Thị Hồng	Linh	79	Khá	
604	28	DTE2353403010155	Mai Hương	Linh	83	Tốt	
605	29	DTE2353403010163	Nguyễn Khánh	Linh	68	Khá	
606	30	DTE2353403010162	Trần Ngọc	Linh	72	Khá	
607	31	DTE2353403010157	Trần Phương	Linh	96	Xuất sắc	
608	32	DTE2353403010176	Vũ Tường	Loan	96	Xuất sắc	
609	33	DTE2353403010180	Nguyễn Thị	Ly	không x	Không xét	Bảo lưu
610	34	DTE2353403010188	Nguyễn Hà	Mây	45	Yếu	
611	35	DTE2353403010195	Lê Thị Trà	My	80	Tốt	
612	36	DTE2353403010194	Ngô Thị Trà	My	35	Yếu	
613	37	DTE2353403010197	Phạm Khánh	Nam	31	Kém	
614	38	DTE2353403010202	Dương Thị	Nga	93	Xuất sắc	
615	39	DTE2353403010206	Đặng Thu	Ngân	95	Xuất sắc	
616	40	DTE2353403010204	Nguyễn Kim	Ngân	59	Trung bình	
617	41	DTE2353403010205	Nguyễn Thiên	Ngân	66	Khá	
618	42	DTE2353403010218	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	90	Xuất sắc	
619	43	DTE2353403010217	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	50	Trung bình	
620	44	DTE2353403010210	Vũ Thị Hồng	Ngọc	80	Tốt	
621	45	DTE2353403010228	Bùi Dung	Nhi	75	Khá	
622	46	DTE2353403010230	Trần Thị	Nhung	74	Khá	
623	47	DTE2353403010239	Nguyễn Hà	Phương	78	Khá	
624	48	DTE2353403010235	Trần Thị Minh	Phương	47	Yếu	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
625	49	DTE2353403010246	Lê Ngọc	Quyên	0	Kém	Nghi học không lý do
626	50	DTE2353403010254	Phùng Thị Minh	Tâm	41	Yếu	
627	51	DTE2353403010262	Phạm Thị Thu	Thảo	41	Yếu	
628	52	DTE2353403010279	Dương Thanh	Thủy	51	Trung bình	
629	53	DTE2353403010274	Trần Thị Thu	Thủy	71	Khá	
630	54	DTE2353403010282	Nông Thị Hương	Trà	68	Khá	
631	55	DTE2353403010300	Bùi Huyền	Trang	100	Xuất sắc	
632	56	DTE2353403010284	Lê Minh	Trang	71	Khá	
633	57	DTE2353403010298	Nguyễn Thị Kiều	Trang	73	Khá	
		K20 Kế toán 6					
634	1	DTE2353403010363	Hoàng Thị Vân	Anh	63	Trung bình	
635	2	DTE2353403010378	Lê Phương	Anh	38	Yếu	BHYT
636	3	DTE2353403010381	Vũ Xuân	Bách	40	Yếu	BHYT
637	4	DTE2353403010349	Lý Thị	Bình	50	Trung bình	
638	5	DTE2353403010334	Hoàng Thị Kim	Cúc	56	Trung bình	
639	6	DTE2353403010376	Nguyễn Trần	Cường	70	Khá	
640	7	DTE2353403010360	Nguyễn Lưu Bích	Diệp	83	Tốt	
641	8	DTE2353403010362	Lương Thùy	Dương	50	Trung bình	
642	9	DTE2353403010350	Kim Ngọc	Hà	50	Trung bình	
643	10	DTE2353403010335	Phạm Khánh	Hạ	59	Trung bình	
644	11	DTE2353403010369	Phạm Quang	Khải	96	Xuất sắc	
645	12	DTE2353403010374	Nguyễn Đỗ Gia	Khuê	86	Tốt	
646	13	DTE2353403010336	Sầm Thu	Lê	76	Khá	
647	14	DTE2353403010368	Nguyễn Ngọc Đan	Lê	56	Trung bình	
648	15	DTE2353403010364	Hoàng Thu	Liêm	68	Khá	
649	16	DTE2353403010152	Nguyễn Thị	Linh	87	Tốt	
650	17	DTE2353403010337	Phạm Đào Khánh	Linh	51	Trung bình	
651	18	DTE2353403010361	Triệu Thùy	Linh	80	Tốt	
652	19	DTE2353403010379	Đào Thị Thùy	Linh	60	Trung bình	
653	20	DTE2353403010373	Lê Nguyễn Ngọc	Linh	87	Tốt	
654	21	DTE2353403010358	Vũ Phương	Linh	99	Xuất sắc	
655	22	DTE2353403010380	Nguyễn Ngọc	Linh	81	Tốt	
656	23	DTE2353403010338	Hoàng Thị Thanh	Loan	86	Tốt	
657	24	DTE2353403010351	Đặng Cẩm	Ly	72	Khá	
658	25	DTE2353403010340	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	81	Tốt	
659	26	DTE2353403010341	Nguyễn Thị Xuân	Mai	80	Tốt	
660	27	DTE2353403010326	Đinh Hải	Nam	80	Tốt	
661	28	DTE2353403010359	Nông Lương Hồng	Ngọc	38	Yếu	BHYT
662	29	DTE2353403010377	La Hồng	Phong	90	Xuất sắc	
663	30	DTE2353403010353	Nguyễn Thị	Phương	56	Trung bình	
664	31	DTE2353403010354	Lý Hương	Quế	56	Trung bình	
665	32	DTE2353403010355	Trần Thị	Thắm	100	Xuất sắc	
666	33	DTE2353403010343	Hoàng Thị	Thanh	80	Tốt	
667	34	DTE2353403010344	Nguyễn Thị	Thoa	90	Xuất sắc	
668	35	DTE2353403010372	Mễ Thị	Thu	80	Tốt	
669	36	DTE2353403010356	Đặng Thị	Thương	97	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
670	37	DTE2353403010297	Đào Thị Huyền	Trang	38	Yếu	BHYT
671	38	DTE2353403010296	Nguyễn Thu	Trang	62	Trung bình	
672	39	DTE2353403010328	Lê Kiều	Trang	50	Trung bình	
673	40	DTE2353403010290	Lê Thùy	Trang	80	Tốt	
674	41	DTE2353403010289	Nguyễn Huyền	Trang	59	Trung bình	
675	42	DTE2353403010293	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	70	Khá	
676	43	DTE2353403010302	Trương Thục	Trinh	84	Tốt	
677	44	DTE2353403010375	Nông Anh	Tú	70	Khá	
678	45	DTE2353403010310	Hoàng Thảo	Vân	36	Yếu	BHYT
679	46	DTE2353403010308	Mạc Thị Hoài	Vân	86	Tốt	
680	47	DTE2353403010309	Phan Thị	Vân	80	Tốt	
681	48	DTE2353403010313	Mai Thị Yên	Vy	60	Trung bình	
682	49	DTE2353403010316	Mã Thị	Xuân	80	Tốt	
683	50	DTE2353403010357	Đàm Thị Lập	Xuân	80	Tốt	
684	51	DTE2353403010317	Khổng Thị Ngọc	Yên	80	Tốt	
685	52	DTE2353403010318	Dương Thị Hải	Yên	80	Tốt	
686	53	DTE2353403010319	Nguyễn Hải	Yên	97	Xuất sắc	
687	54	DTE2353403010320	Đỗ Ngọc	Yên	98	Xuất sắc	
688	55	DTE2353401200010	Nguyễn Linh	Hương	83	Tốt	
		K21 Kế toán 1					
689	1	DTE2453403010013	Dương Thị Tú	Anh	56	Trung bình	
690	2	DTE2453403010004	Lưu Kiều	Anh	88	Tốt	
691	3	DTE2453403010002	Nguyễn Ngọc	Anh	82	Tốt	
692	4	DTE2453403010006	Trần Thị Kim	Anh	80	Tốt	
693	5	DTE2453403010016	Trần Thị Quỳnh	Anh	55	Trung bình	
694	6	DTE2453403010025	La Thị	Châm	95	Xuất sắc	
695	7	DTE2453403010259	Nguyễn Thị Minh	Châu	80	Tốt	
696	8	DTE2453403010033	Nguyễn Tú	Diễn	85	Tốt	
697	9	DTE2453403010296	Dương Thị Hồng	Diệp	87	Tốt	
698	10	DTE2453403010037	Đào Thùy	Dung	85	Tốt	
699	11	DTE2453403010039	Nguyễn Thùy	Duyên	52	Trung bình	
700	12	DTE2453403010043	Trần Hồ Ngọc	Duyên	90	Xuất sắc	
701	13	DTE2453403010254	Nguyễn Thành	Đạt	54	Trung bình	
702	14	DTE2453403010046	Nguyễn Hương	Giang	100	Xuất sắc	
703	15	DTE2453403010051	Đỗ Thị Thu	Hà	75	Khá	
704	16	DTE2453403010265	Nguyễn Thanh	Hằng	76	Khá	
705	17	DTE2453403010057	Nguyễn Thúy	Hằng	85	Tốt	
706	18	DTE2453403010329	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	61	Trung bình	
707	19	DTE2453403010067	Nông Thanh	Hiền	86	Tốt	
708	20	DTE2453403010070	Nguyễn Thị	Hoa	85	Tốt	
709	21	DTE2453403010269	Dương Thu	Hoài	88	Tốt	
710	22	DTE2453403010082	Dương Gia	Huệ	87	Tốt	
711	23	DTE2453403010102	Lê Thị Thu	Huyền	52	Trung bình	
712	24	DTE2453403010099	Nguyễn Thanh	Huyền	71	Khá	
713	25	DTE2453403010097	Phạm Thị	Huyền	77	Khá	
714	26	DTE2453403010084	Nguyễn Diệu	Hương	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
715	27	DTE2453403010091	Nông Thuỳ	Hương	85	Tốt	
716	28	DTE2453403010089	Nguyễn Đức	Hương	54	Trung bình	
717	29	DTE2453403010110	Trương Ngọc	Lan	52	Trung bình	
718	30	DTE2453403010113	Lý Thị Mỹ	Lệ	88	Tốt	
719	31	DTE2453403010128	Nguyễn Kiều	Linh	50	Trung bình	
720	32	DTE2453403010115	Nguyễn Mai	Linh	83	Tốt	
721	33	DTE2453403010274	Nguyễn Thị Diệu	Linh	53	Trung bình	
722	34	DTE2453403010140	Dương Thanh	Loan	62	Trung bình	
723	35	DTE2453403010153	Nguyễn Ngọc	Mai	98	Xuất sắc	
724	36	DTE2453403010156	Trần Đức	Minh	93	Xuất sắc	
725	37	DTE2453403010161	Nguyễn Hà	My	57	Trung bình	
726	38	DTE2453403010158	Nguyễn Ngọc Trà	My	75	Khá	
727	39	DTE2453403010166	Hoàng Thị	Na	84	Tốt	
728	40	DTE2453403010169	Đỗ Thu	Ngân	90	Xuất sắc	
729	41	DTE2453403010281	Phạm Hồng	Ngọc	hông x	Không xét	Bảo lưu
730	42	DTE2453403010180	Lê Hồng	Ngọc	86	Tốt	
731	43	DTE2453403010173	Nguyễn Linh Hương	Ngọc	84	Tốt	
732	44	DTE2453403010190	Ngô Hồng	Nhung	58	Trung bình	
733	45	DTE2453403010195	Hoàng Cao	Phong	69	Khá	
734	46	DTE2453403010203	Lê Mai	Phương	59	Trung bình	
735	47	DTE2453403010197	Nguyễn Hà	Phương	81	Tốt	
736	48	DTE2453403010204	Dương Thị	Phượng	85	Tốt	
737	49	DTE2453403010295	Đinh Thị	Phượng	81	Tốt	
738	50	DTE2453403010210	Phùng Hiền	Quỳnh	74	Khá	
739	51	DTE2453403010213	Lưu Như	Quỳnh	60	Trung bình	
740	52	DTE2453403010216	Nguyễn Thanh	Son	44	Yếu	BHYT
741	53	DTE2453403010223	Nguyễn Thị Thu	Thảo	90	Xuất sắc	
742	54	DTE2453403010227	Dương Thị Minh	Thu	81	Tốt	
743	55	DTE2453403010314	Đỗ Thị	Thu	85	Tốt	
744	56	DTE2453403010236	Hứa Thu	Thủy	0	Kém	Nghỉ học không lý do
745	57	DTE2453403010233	Lê Thu	Thủy	90	Xuất sắc	
746	58	DTE2453403010237	Mai Thu	Thủy	80	Tốt	
747	59	DTE2453403010289	Phạm Thị	Thủy	72	Khá	
748	60	DTE2453403010226	Lương Thị Minh	Thư	91	Xuất sắc	
749	61	DTE2453403010230	Dương Mai	Thương	86	Tốt	
750	62	DTE2453403010290	Đào Lục Thủy	Tiên	83	Tốt	
751	63	DTE2453403010239	Trần Thủy	Tiên	61	Trung bình	
752	64	DTE2453403010244	Cao Thị Thu	Trang	80	Tốt	
753	65	DTE2453403010249	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	71	Khá	
754	66	DTE2453403010242	Nguyễn Thị Thu	Trang	72	Khá	
755	67	DTE2453403010331	Đinh Thanh	Trúc	79	Khá	
756	68	DTE2453403010251	Đỗ Thanh	Tùng	71	Khá	
757	69	DTE2453403010293	Lý Anh	Tuyết	92	Xuất sắc	
758	70	DTE2453403010252	Hà Thị	Yến	83	Tốt	
		K21 Kế toán 2					
759	1	DTE2453403010005	Bùi Phương	Anh	86	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
760	2	DTE2453403010012	Lại Kim	Anh	84	Tốt	
761	3	DTE2453403010021	Nguyễn Thị Phương	Anh	65	Khá	
762	4	DTE2453403010009	Vi Thị Lan	Anh	83	Tốt	
763	5	DTE2453403010032	Triệu Lường	Chúc	72	Khá	
764	6	DTE2453403010261	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	91	Xuất sắc	
765	7	DTE2453403010036	Trần Thị Kim	Dung	86	Tốt	
766	8	DTE2453403010040	Ma Thị Mỹ	Duyên	84	Tốt	
767	9	DTE2453403010345	Nguyễn Thị	Duyên	86	Tốt	
768	10	DTE2453403010255	Nguyễn Sinh	Đạt	60	Trung bình	
769	11	DTE2453403010298	Dương Hồng	Hà	65	Khá	
770	12	DTE2453403010047	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	92	Xuất sắc	
771	13	DTE2453403010063	Phạm Hoàng Bích	Hào	84	Tốt	
772	14	DTE2453403010069	Lê Thị Thu	Hiền	75	Khá	
773	15	DTE2453403010343	Nguyễn Thị	Hoa	80	Tốt	
774	16	DTE2453403010316	Nguyễn Diệu	Hiền	70	Khá	
775	17	DTE2453403010076	Nguyễn Thu	Hoài	74	Khá	
776	18	DTE2453403010077	Nguyễn Thu	Hoài	88	Tốt	
777	19	DTE2453403010081	Nguyễn Thị	Huệ	78	Khá	
778	20	DTE2453403010086	Hồ Quỳnh	Hương	82	Tốt	
779	21	DTE2453403010088	Nguyễn Thu	Hương	83	Tốt	
780	22	DTE2453403010085	Phạm Thị	Hương	78	Khá	
781	23	DTE2453403010104	Lý Thiên	Lam	55	Trung Bình	
782	24	DTE2453403010273	Nguyễn Phương	Lan	83	Tốt	
783	25	DTE2453403010105	Liêu Sơn	Lâm	65	Khá	
784	26	DTE2453403010130	Lê Phương	Linh	78	Khá	
785	27	DTE2453403010137	Nguyễn Bảo	Linh	85	Tốt	
786	28	DTE2453403010119	Nguyễn Mai	Linh	84	Tốt	
787	29	DTE2453403010123	Nguyễn Thảo	Linh	80	Tốt	
788	30	DTE2453403010135	Nguyễn Thị Thảo	Linh	76	Khá	
789	31	DTE2453403010129	Nguyễn Thùy	Linh	62	Trung bình	
790	32	DTE2453403010116	Nguyễn Trịnh Khánh	Linh	74	Khá	
791	33	DTE2453403010122	Trần Thị Khánh	Linh	64	Trung bình	
792	34	DTE2453403010155	Đinh Thị Ngọc	Mây	60	Trung bình	
793	35	DTE2453403010278	Tân Pao	Mây	97	Xuất sắc	
794	36	DTE2453403010159	Hoàng Trà	My	85	Tốt	
795	37	DTE2453403010165	Lương Thị Trà	My	84	Tốt	
796	38	DTE2453403010163	Nguyễn Thị Yến	My	80	Tốt	
797	39	DTE2453403010279	Nguyễn Trà	My	75	Khá	
798	40	DTE2453403010320	Trịnh Trà	My	60	Trung bình	
799	41	DTE2453403010299	Nông Thị	Nga	75	Khá	
800	42	DTE2453403010321	Trần Hằng	Nga	40	Yếu	BHYT
801	43	DTE2453403010178	Đào Nguyễn Hồng	Ngọc	78	Khá	
802	44	DTE2453403010304	Lâm Hồng	Ngọc	72	Khá	
803	45	DTE2453403010312	Phạm Linh	Ngọc	64	Trung bình	
804	46	DTE2453403010182	Phùng Bảo	Ngọc	73	Khá	
805	47	DTE2453403010172	Vũ Mai	Ngọc	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
806	48	DTE2453403010192	Nguyễn Thị Hoài	Ninh	83	Tốt	
807	49	DTE2453403010194	Nguyễn Đặng Ngọc	Oanh	85	Tốt	
808	50	DTE2453403010199	Lê Thu	Phuong	95	Xuất sắc	
809	51	DTE2453403010202	Nguyễn Thảo	Phuong	61	Trung bình	
810	52	DTE2453403010344	Hoàng Thị	Quỳnh	78	Khá	
811	53	DTE2453403010218	Lê Thị Huệ	Tâm	62	Trung bình	
812	54	DTE2453403010287	Nguyễn Thanh	Thảo	85	Tốt	
813	55	DTE2453403010219	Trần Thị Phương	Thảo	85	Tốt	
814	56	DTE2453403010288	Nguyễn Thị Phương	Thùy	74	Khá	
815	57	DTE2453403010300	Nguyễn Thị Hoài	Thương	85	Tốt	
816	58	DTE2453403010245	Hoàng Thu	Trang	80	Tốt	
817	59	DTE2453403010246	Ngô Mai	Trang	69	Khá	
818	60	DTE2453403010292	Nguyễn Lưu Huyền	Trang	82	Tốt	
819	61	DTE2453403010311	Nguyễn Mai	Trang	82	Tốt	
820	62	DTE2453403010317	Nguyễn Thùy	Trang	0	Kém	BHYT
821	63	DTE2453403010302	Dương Thị Minh	Tuyết	85	Tốt	
822	64	DTE2453403010301	Bùi Thị	Tươi	86	Tốt	
823	65	DTE2453403010303	Nguyễn Trần Như	Ý	84	Tốt	
		K21 Kế toán 3					
824	1	DTE2453403010257	Nguyễn Phương	Anh	57	Trung bình	
825	2	DTE2453403010018	Bùi Minh	Ánh	80	Tốt	
826	3	DTE2453403010258	Đặng Thị Ngọc	Ánh	71	Khá	
827	4	DTE2453403010023	Dương Thị	Bình	100	Xuất sắc	
828	5	DTE2453403010026	Bùi Thị Hà	Châu	70	Khá	
829	6	DTE2453403010030	Nguyễn Thị Mai	Chi	65	Khá	
830	7	DTE2453403010029	Phạm Linh	Chi	66	Khá	
831	8	DTE2453403010028	Trần Lan	Chi	82	Tốt	
832	9	DTE2453403010034	Hoàng Thị Thanh	Diệp	83	Tốt	
833	10	DTE2453403010262	Phạm Thái	Duy	không x	Không xét	Bảo lưu
834	11	DTE2453403010042	Nguyễn Thị Mai	Duyên	83	Tốt	
835	12	DTE2453403010323	Hoàng Văn	Đức	0	Kém	Nghỉ học không lý do
836	13	DTE2453403010050	Đỗ Thị Thu	Hà	74	Khá	
837	14	DTE2453403010264	Nông Mạnh	Hà	30	Kém	Vi phạm quy chế thi
838	15	DTE2453403010049	Phạm Thị Ngọc	Hà	39	Yếu	
839	16	DTE2453403010263	Triệu Thu	Hà	84	Tốt	
840	17	DTE2453403010052	Nguyễn Thị	Hạ	95	Xuất sắc	
841	18	DTE2453403010056	Lê Chí	Hải	50	Trung bình	
842	19	DTE2453403010078	Đồng Thu	Hoài	90	Xuất sắc	
843	20	DTE 2453403010341	Nông Thị	Hoài	80	Tốt	
844	21	DTE2453403010098	Doãn Thị Khánh	Huyền	92	Xuất sắc	
845	22	DTE2453403010092	Hoàng Thanh	Huyền	81	Tốt	
846	23	DTE2453403010094	Nguyễn Thị Thu	Huyền	80	Tốt	
847	24	DTE2453403010101	Nguyễn Trần Khánh	Huyền	83	Tốt	
848	25	DTE2453403010319	Trần Thanh	Huyền	82	Tốt	
849	26	DTE2453403010095	Triệu Thị Thu	Huyền	82	Tốt	
850	27	DTE2453403010090	Đỗ Thu	Hương	83	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
851	28	DTE2453403010305	Nguyễn Quỳnh	Hương	65	Khá	
852	29	DTE2453403010270	Đặng Thị Thu	Hường	81	Tốt	
853	30	DTE2453403010306	Dương Ngọc	Khánh	80	Tốt	
854	31	DTE2453403010103	Ma Thị	Là	52	Trung bình	
855	32	DTE2453403010108	Lê Thị Ngọc	Lan	55	Trung bình	
856	33	DTE2453403010106	Cao Phạm Xuân	Lâm	98	Xuất sắc	
857	34	DTE2453403010324	Hoàng Thị Diệu	Linh	69	Khá	
858	35	DTE2453403010117	Ngô Ngọc	Linh	65	Khá	
859	36	DTE2453403010121	Nguyễn Ngọc Diệu	Linh	42	Yếu	
860	37	DTE2453403010131	Nguyễn Thảo	Linh	85	Tốt	
861	38	DTE2453403010133	Nguyễn Thị Vũ	Linh	70	Khá	
862	39	DTE2453403010138	Vi Thị Huyền	Linh	80	Tốt	
863	40	DTE2453403010145	Ngô Thảo	Ly	60	Trung bình	
864	41	DTE2453403010144	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	71	Khá	
865	42	DTE2453403010276	Đào Quỳnh	Mai	85	Tốt	
866	43	DTE2453403010152	Nguyễn Thị Hương	Mai	60	Trung bình	
867	44	DTE2453403010150	Trần Thị	Mai	80	Tốt	
868	45	DTE2453403010280	Lý Huyền	Na	73	Khá	
869	46	DTE2453403010191	Nguyễn Hải	Ninh	92	Xuất sắc	
870	47	DTE2453403010174	Nguyễn Minh	Ngọc	95	Xuất sắc	
871	48	DTE2453403010183	Nguyễn Ninh	Nguyên	72	Khá	
872	49	DTE2453403010185	Đoàn Thị Thu	Nguyệt	90	Xuất sắc	
873	50	DTE2453403010340	Hoàng Yến	Nhi	70	Khá	
874	51	DTE2453403010282	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	82	Tốt	
875	52	DTE2453403010313	Hoàng Thị	Nhiên	82	Tốt	
876	53	DTE2453403010308	Lý Thị Quỳnh	Như	82	Tốt	
877	54	DTE2453403010284	Dương Thị	Phương	98	Xuất sắc	
878	55	DTE2453403010200	Dương Thu	Phương	90	Xuất sắc	
879	56	DDTE2453403010205	Phạm Thu	Phương	50	Trung bình	
880	57	DTE2453403010207	Trần Thị Lan	Phương	65	Khá	
881	58	DTE2453403010206	Nguyễn Thị	Phượng	0	Kém	Nghi học không lý do
882	59	DTE2453403010286	Nguyễn Thị	Quỳnh	90	Xuất sắc	
883	60	DTE2453403010217	Nguyễn Tùng	Son	94	Xuất sắc	
884	61	DTE2453403010222	Nguyễn Thị	Thảo	50	Trung bình	
885	62	DTE2453403010221	Nguyễn Thị	Thảo	80	Tốt	
886	63	DTE2453403010225	Phương Thị Bích	Thảo	72	Khá	
887	64	DTE2453403010238	Vũ Thị Phương	Thùy	80	Tốt	
888	65	DTE2453403010241	Lương Thị	Trang	55	Trung bình	
889	66	DTE2453403010291	Nguyễn Thùy	Trang	50	Trung bình	
890	67	DTE2453403010315	Linh Thị	Vượng	50	Trung bình	
891	68	DTE2453403010253	Lê Thị	Yến	61	Trung bình	
		K21 Kế toán 4					
892	1	DTE2453403010342	Đàm Hoài	Anh	51	Trung bình	BHYT
893	2	DTE2453403010007	Ngô Nhật	Anh	61	Trung bình	BHYT
894	3	DTE2453403010003	Nguyễn Quỳnh	Anh	95	Xuất sắc	
895	4	DTE2453403010017	Nguyễn Quỳnh	Anh	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
896	5	DTE2453403010019	Trần Thị Lan	Anh	62	Trung bình	BHYT
897	6	DTE2453403010008	Trịnh Phương	Anh	51	Trung Bình	BHYT
898	7	DTE2453403010022	Ngô Thị	Bích	96	Xuất sắc	
899	8	DTE2453403010027	Đàng Mỹ	Chi	81	Tốt	
900	9	DTE2453403010332	Nguyễn Thị	Chinh	82	Tốt	
901	10	DTE2453403010328	Đào Thị Huyền	Diệp	80	Tốt	
902	11	DTE2453403010041	Thân Thị Hiếu	Duyên	63	Trung bình	BHYT
903	12	DTE2453403010044	Nguyễn Hương	Giang	51	Trung bình	BHYT
904	13	DTE2453403010061	Long Thị	Hạnh	86	Tốt	
905	14	DTE2453403010064	Chung Đức	Hào	80	Tốt	
906	15	DTE2453403010330	Hoàng Thuý	Hiền	73	Khá	
907	16	DTE2453403010068	Nguyễn Thị Thu	Hiền	85	Tốt	
908	17	DTE2453403010066	Nguyễn Thu	Hiền	87	Tốt	
909	18	DTE2453403010065	Trần Thị Thu	Hiền	95	Xuất sắc	
910	19	DTE2453403010071	Nguyễn Thị	Hòa	61	Trung bình	BHYT
911	20	DTE2453403010083	Trần Thị	Huế	66	Khá	
912	21	DTE2453403010318	Nguyễn Minh	Huyền	83	Tốt	
913	22	DTE2453403010093	Vũ Thị	Huyền	70	Khá	BHYT
914	23	DTE2453403010100	Vũ Thị Thanh	Huyền	86	Tốt	
915	24	DTE2453403010109	Nghiêm Quỳnh	Lan	86	Tốt	
916	25	DTE2453403010112	Nguyễn Thị	Lan	85	Tốt	
917	26	DTE2453403010114	Nguyễn Thị Bích	Liên	97	Xuất sắc	
918	27	DTE2453403010125	Lê Khánh	Linh	85	Tốt	
919	28	DTE2453403010335	Lưu Thị Thuý	Linh	80	Tốt	
920	29	DTE2453403010127	Sái Thuý	Linh	không x	Không xét	Đình chỉ học 1 kỳ
921	30	DTE2453403010143	Hoàng Văn	Luân	51	Trung bình	BHYT
922	31	DTE2453403010149	Dương Vũ Thanh	Mai	54	Trung bình	BHYT
923	32	DTE2453403010151	Phạm Thị	Mai	70	Khá	
924	33	DTE2453403010164	Bùi Thị	My	85	Tốt	
925	34	DTE2453403010160	Ma Thị Trà	My	85	Tốt	
926	35	DTE2453403010162	Phạm Trà	My	66	Khá	
927	36	DTE2453403010171	Cao Thị Kim	Ngân	76	Khá	
928	37	DTE2453403010167	Trần Thuý	Ngân	87	Tốt	
929	38	DTE2453403010175	Trần Bích	Ngọc	84	Tốt	
930	39	DTE2453403010186	Đặng Thị Minh	Nguyệt	85	Tốt	
931	40	DTE2453403010193	Nguyễn Thị Phương	Oanh	51	Trung bình	BHYT
932	41	DTE2453403010285	Nguyễn Thị Thu	Phương	51	Trung bình	BHYT
933	42	DTE2453403010201	Trần Thị Quỳnh	Phương	85	Tốt	
934	43	DTE2453403010208	Hoàng Thị	Quên	87	Tốt	
935	44	DTE2453403010209	Tổng Thị Lệ	Quên	86	Tốt	
936	45	DTE2453403010212	Lã Thị Hương	Quên	71	Khá	
937	46	DTE2453403010211	Lê Ngọc	Quên	86	Tốt	
938	47	DTE2453403010214	Lê Phương	Quên	76	Khá	
939	48	DTE2453403010215	Vũ Thị Như	Quên	86	Tốt	
940	49	DTE2453403010220	Nguyễn Phương	Thảo	86	Tốt	
941	50	DTE2453403010224	Nguyễn Phương	Thảo	86	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
942	51	DTE2453403010327	Đào Thị Tô	Thắm	87	Tốt	
943	52	DTE2453403010232	Nguyễn Thị	Thủy	51	Trung Bình	BHYT
944	53	DTE2453403010234	Nguyễn Thị	Thủy	87	Tốt	
945	54	DTE2453403010231	Đặng Thị	Thủy	82	Tốt	
946	55	DTE2453403010235	Lý Thu	Thủy	83	Tốt	
947	56	DTE2453403010229	Vũ Hoàng	Thương	75	Khá	BHYT
948	57	DTE2453403010240	Phạm Thu	Trà	84	Tốt	
949	58	DTE2453403010247	Ngô Kiều	Trang	80	Tốt	
950	59	DTE2453403010248	Nông Minh	Trang	85	Tốt	
951	60	DTE2453403010337	Trần Thu	Trang	81	Tốt	
952	61	DTE2453403010346	Ma Thị Tú	Uyên	51	Trung bình	BHYT
		K21 Kế toán 5					
953	1	DTE2453403010001	Trịnh Đỗ Thuận	An	80	Tốt	
954	2	DTE2453403010020	Nguyễn Thị Phương	Anh	86	Tốt	
955	3	DTE2453403010014	Bùi Phương	Anh	50	Trung bình	
956	4	DTE2453403010010	Nguyễn Thị Hà	Ánh	70	Khá	
957	5	DTE2453403010015	Nguyễn Hồng	Ánh	53	Trung bình	
958	6	DTE2453403010256	Nguyễn Minh	Ánh	22	Kém	Nghi học không lý do
959	7	DTE2453403010011	Đỗ Ngọc	Ánh	63	Trung bình	
960	8	DTE2453403010024	Khổng Thị Thanh	Bình	78	Khá	
961	9	DTE2453403010260	Nguyễn Linh	Chi	94	Xuất sắc	
962	10	DTE2453403010347	Nguyễn Tuấn	Dũng	0	Kém	Nghi học không lý do
963	11	DTE2453403010338	Trương Ngọc	Diệu	72	Khá	
964	12	DTE2453403010038	Nguyễn Thủy	Dương	55	Trung bình	
965	13	DTE2453403010045	Nguyễn Hoàng	Giang	83	Tốt	
966	14	DTE2453403010054	Nguyễn Thu	Hà	61	Trung bình	
967	15	DTE2453403010055	Dương Thị Hải	Hà	77	Khá	
968	16	DTE2453403010048	Nguyễn Thúy	Hà	86	Tốt	
969	17	DTE2453403010058	Ma Thị Diễm	Hằng	80	Tốt	
970	18	DTE2453403010062	Ninh Thị	Hào	94	Xuất sắc	
971	19	DTE2453403010336	Sân Thị	Hiền	0	Kém	Nghi học không lý do
972	20	DTE2453403010266	Thân Thị Ngọc	Hoa	95	Xuất sắc	
973	21	DTE2453403010072	Bùi Hoa	Hoa	35	Yếu	
974	22	DTE2453403010073	Đỗ Thị	Hoa	72	Khá	
975	23	DTE2453403010268	Hoàng Thị Thu	Hoài	91	Xuất sắc	
976	24	DTE2453403010079	Đinh Thị	Hoài	78	Khá	
977	25	DTE2453403010074	Hoàng Thị Thu	Hoài	68	Khá	
978	26	DTE2453403010075	Hoàng Thị Thu	Hoài	88	Tốt	
979	27	DTE2453403010080	Hoàng Thị	Huệ	61	Trung bình	
980	28	DTE2453403010087	Ngô Thị Bích	Hường	48	Yếu	
981	29	DTE2453403010271	Phạm Thúy	Hường	90	Xuất sắc	
982	30	DTE2453403010107	Đinh Tuệ	Lâm	75	Khá	
983	31	DTE2453403010111	Hoàng Ngọc	Lan	78	Khá	
984	32	DTE2453403010333	Hoàng Mai	Lan	51	Trung bình	
985	33	DTE2453403010139	Đặng Phương	Linh	76	Khá	
986	34	DTE2453403010136	Nguyễn Diệu	Linh	51	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
987	35	DTE2453403010134	Hồ Thị Ngọc	Linh	58	Trung bình	
988	36	DTE2453403010120	Lê Thị Ngọc	Linh	80	Tốt	
989	37	DTE2453403010126	Nguyễn Phương	Linh	80	Tốt	
990	38	DTE2453403010132	Hoàng Ánh	Linh	80	Tốt	
991	39	DTE2453403010141	Nguyễn Thanh	Loan	78	Khá	
992	40	DTE2453403010142	Phạm Mai	Loan	0	Không xét	Bảo lưu
993	41	DTE2453403010307	Hoàng Bích	Lụa	51	Trung bình	
994	42	DTE2453403010148	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	62	Trung bình	
995	43	DTE2453403010146	Đàm Nông Khánh	Ly	64	Trung bình	
996	44	DTE2453403010147	Vũ Thị Cẩm	Ly	72	Khá	
997	45	DTE2453403010154	Nguyễn Thị Xuân	Mai	81	Tốt	
998	46	DTE2453403010277	Trần Ngọc	Mai	75	Khá	
999	47	DTE2453403010275	Lê Ngọc	Mai	55	Trung bình	
1000	48	DTE2453403010157	Nông Thị	Mơ	65	Khá	
1001	49	DTE2453403010170	Vương Thu	Ngân	89	Tốt	
1002	50	DTE2453403010179	Bùi Hồng	Ngọc	86	Tốt	
1003	51	DTE2453403010181	Nguyễn Đỗ Minh	Ngọc	49	Yếu	
1004	52	DTE2453403010176	Nghiêm Hồng	Ngọc	97	Xuất sắc	
1005	53	DTE2453403010187	Hồ Thị Yến	Nhi	67	Khá	
1006	54	DTE2453403010283	Lê Hồng	Nhung	51	Trung bình	
1007	55	DTE2453403010309	Nông Thị Hồng	Nhung	73	Khá	
1008	56	DTE2453403010196	Nguyễn Thị	Phương	78	Khá	
1009	57	DTE2453403010198	Nguyễn Thị Thu	Phương	34	Kém	
1010	58	DTE2453403010322	Nông Trúc	Quỳnh	61	Trung bình	
1011	59	DTE2453403010325	Long Phương	Thảo	44	Yếu	
1012	60	DTE2453403010228	Triệu Anh	Thư	38	Yếu	
1013	61	DTE2453403010310	Ma Thị Minh	Thư	70	Khá	
1014	62	DTE2453403010250	Mai Thị Huyền	Trang	70	Khá	
1015	63	DTE2453403010243	Trần Huyền	Trang	37	Yếu	
1016	64	DTE2453403010272	Nguyễn Thu	Huyền	0	Kém	Nghỉ học không lý do

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	203
Tốt	373
Khá	248
Trung bình	132
Yếu	30
Kém	22
Không xét (Bảo lưu 7; đình chỉ 1)	8
Tổng	1016

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
KHOA KINH TẾ

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số 878/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 29 tháng 7 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
		K19 KTĐT					
1	1	DTE2253101040041	Dương Đức	Anh	80	Tốt	
2	2	DTE2253101040022	Nguyễn Thị Hải	Anh	95	Xuất sắc	
3	3	DTE2253101040014	Nguyễn Ngọc	Ánh	68	Khá	
4	4	DTE2253101040007	Nông Hải	Băng	56	Trung bình	
5	5	DTE2253401010064	Tạ Thị Minh	Châu	95	Xuất sắc	
6	6	DTE2253101040015	Nguyễn Đức	Chính	83	Tốt	
7	7	DTE2253101040016	Thân Thị Thu	Hiên	97	Xuất sắc	
8	8	DTE2253101040008	Lưu Thị Thu	Hiên	80	Tốt	
9	9	DTE2253101040039	Dương Quang	Hoàng	80	Tốt	
10	10	DTE2253101040026	Nguyễn An	Khang	51	Trung bình	
11	11	DTE2253101040027	Dương Văn	Kiên	80	Tốt	
12	12	DTE2253101040028	Lương Thanh	Lam	75	Khá	
13	13	DTE2253101040003	Nguyễn Tùng	Lâm	73	Khá	
14	14	DTE2253101040029	Lưu Phương	Linh	97	Xuất sắc	
15	15	DTE2253101040048	Đỗ Danh Thành	Long	40	Yếu	BHYT
16	16	DTE2253101040046	Trần Hữu	Lực	55	Trung bình	
17	17	DTE2253101040030	Nguyễn Đức	Minh	39	Yếu	BHYT
18	18	DTE2253401010090	Nguyễn Thị Thùy	Nga	65	Khá	
19	19	DTE2253101040004	Dương Thị	Ngọc	70	Khá	
20	20	DTE2253401010278	Nguyễn Thị	Nhài	68	Khá	
21	21	DTE2253101040031	Vũ Nguyên	Phương	99	Xuất sắc	
22	22	DTE2253101040032	Hoàng Xuân	Tân	59	Trung bình	
23	23	DTE2253101040033	Luân Văn	Tân	90	Xuất sắc	
24	24	DTE2253101040051	Phạm Gia	Thái	80	Tốt	
25	25	DTE2253101040034	Trần Thị Phương	Thảo	64	Trung bình	
26	26	DTE2253101040035	Đặng Thị	Thom	69	Khá	
27	27	DTE2253101040001	Trần Thị Minh	Thúy	65	Khá	
28	28	DTE2253101040020	Nguyễn Anh	Tiến	44	Yếu	BHYT
29	29	DTE2253101040006	Nguyễn Minh	Tiến	70	Khá	
30	30	DTE2253101040010	Trần Thị Thùy	Trang	65	Khá	
31	31	DTE2253101040011	Nguyễn Văn	Trường	65	Khá	
32	32	DTE2253101040036	Vũ Minh	Tuân	59	Trung bình	
33	33	DTE2253101040040	Mai Xuân	Tuấn	80	Tốt	
34	34	DTE2253101040002	Nguyễn Kim	Tuyến	85	Tốt	
35	35	DTE2253101040013	Nguyễn Thu	Uyên	91	Xuất sắc	
36	36	DTE2253101040012	Trần Thị Thu	Uyên	90	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
37	37	DTE2253101040037	Hứa Dương	Vũ	80	Tốt	
38	38	DTE2253101040021	Trần Hải	Yến	70	Khá	
		K19 KTPT					
39	1	DTE2153101050033	Âu Vi	Giang	70	Khá	
40	2	DTE2253101050005	Phó Văn	Hào	70	Khá	
41	3	DTE2153101050040	Hoàng Thị Thu	Hoài	71	Khá	
42	4	DTE2253101050006	Hà Huy	Hoàng	92	Xuất sắc	
43	5	DTE2153101050001	Trần Thị Thúy	Hường	65	Khá	
44	6	DTE2253101050010	Tường Thị Phương	Linh	65	Khá	
45	7	DTE2253101050003	Trần Thị Như	Quỳnh	20	Kém	Nghi học không lý
46	8	DTE2253101050011	Mạch Minh	Tân	65	Khá	
47	9	DTE2253101050004	Nguyễn Thị	Thanh	65	Khá	
48	10	DTE2253101050014	Nguyễn Xuân	Thắng	80	Tốt	
49	11	DTE2253101050008	Lô Thị Hải	Yến	65	Khá	
50	12	DTE2253101050001	Nguyễn Hải	Yến	65	Khá	
		K19 Kinh tế					
51	1	DTE2253101010026	Vũ Thị Cẩm	Anh	56	Trung bình	
52	2	DTE2253101010005	Đỗ Minh	Chi	93	Xuất sắc	
53	3	DTE2253101010059	Hoàng Tuấn	Công	68	Khá	
54	4	DTE2253101010027	Dương Thùy	Dung	96	Xuất sắc	
55	5	DTE2253101010060	Nguyễn Tùng	Dương	95	Xuất sắc	
56	6	DTE2253101010058	Hoàng Văn	Đang	61	Trung bình	
57	7	DTE2253101010046	Dương Thị	Diệp	81	Tốt	
58	8	DTE2253101010015	Nguyễn Văn	Đô	60	Trung bình	
59	9	DTE2253101010073	Nguyễn Thị Hương	Giang	60	Trung bình	
60	10	DTE2253101010028	Trần Thân	Giáp	70	Khá	
61	11	DTE2253101010018	Nguyễn Đức	Huy	66	Khá	
62	12	DTE2253101010029	Lý Thị Hồng	Hạnh	82	Tốt	
63	13	DTE2253101010019	Nguyễn Thúy	Hằng	62	Trung bình	
64	14	DTE2253101010011	Hoàng Thị Thu	Hiền	60	Trung bình	
65	15	DTE2253101010007	Hoàng Thu	Hiền	97	Xuất sắc	
66	16	DTE2253101010048	Nguyễn Trung	Hiếu	65	Khá	
67	17	DTE2253101010077	Vũ Minh	Hiếu	57	Trung bình	
68	18	DTE2253101010008	Dương Quỳnh	Hương	60	Trung bình	
69	19	DTE2253101010049	Nguyễn Thị Vân	Khánh	90	Xuất sắc	
70	20	DTE2253101010068	Nguyễn Hồng	Lan	61	Trung bình	
71	21	DTE2253101010031	Phạm Thị Tuyết	Lan	59	Trung bình	
72	22	DTE2253101010076	Xaysavath	Latthida	64	Trung bình	
73	23	DTE2253101010012	Trần Văn	Lương	62	Trung bình	
74	24	DTE2253101010032	Lê Thị	Mai	60	Trung bình	
75	25	DTE2253101010034	Lâm Đức	Minh	60	Trung bình	
76	26	DTE2253101010062	Nguyễn Hải	Nam	89	Tốt	
77	27	DTE2253101010021	Nguyễn Tuyết	Ngân	58	Trung bình	
78	28	DTE2253101010035	Vũ Thị Thanh	Ngân	86	Tốt	
79	29	DTE2253101010036	Lê Hồng	Ngọc	59	Trung bình	
80	30	DTE2253101010013	Tạ Thị Bích	Ngọc	96	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
81	31	DTE2253101010050	Ngô Thị Bích	Nguyệt	80	Tốt	
82	32	DTE2253101010051	Đặng Thị Hồng	Nhung	80	Tốt	
83	33	DTE2253101010037	Hà Thị Cẩm	Nhung	78	Khá	
84	34	DTE2253101010064	Nguyễn Minh	Phú	58	Trung bình	
85	35	DTE2253101010065	Mai Thị	Phương	84	Tốt	
86	36	DTE2253101010052	Nguyễn Thị Thu	Phương	80	Tốt	
87	37	DTE2253101010022	Phạm Mai	Phương	80	Tốt	
88	38	DTE2253101010053	Quách Thị	Phương	60	Trung bình	
89	39	DTE2253101010003	Đặng Ngọc	Phượng	59	Trung bình	
90	40	DTE2253101010069	Lâm Thị	Phượng	60	Trung bình	
91	41	DTE2253101010038	Lưu Tiến	Quang	58	Trung bình	
92	42	DTE2253101010004	Phạm Như	Quỳnh	59	Trung bình	
93	43	DTE2253101010039	Trịnh Trúc	Quỳnh	73	Khá	
94	44	DTE2253101010071	Vũ Như	Quỳnh	80	Tốt	
95	45	DTE2253101010041	Hà Thiện	Tâm	86	Tốt	
96	46	DTE2253101010042	Nguyễn Thị	Thùy	85	Tốt	
97	47	DTE2253101010075	Nguyễn Thị	Thương	96	Xuất sắc	
98	48	DTE2253401200018	Hoàng Trung	Tín	96	Xuất sắc	
99	49	DTE2253101010056	Bùi Thị Minh	Trang	80	Tốt	
100	50	DTE2253101010043	Doanh Thị	Trang	81	Tốt	
101	51	DTE2253101010066	Phùng Thị	Trang	96	Xuất sắc	
102	52	DTE2253101010055	Vũ Ngọc	Trâm	80	Tốt	
103	53	DTE2253101010044	Nguyễn Phạm Huyền	Vi	80	Tốt	
104	54	DTE2253101010057	Nguyễn Hải	Yên	60	Trung bình	
105	55	DTE2253101010024	Nguyễn Thị Hải	Yên	68	Khá	
		K20 KTĐT					
106	1	DTE2353101040002	Bùi Hoàng	Anh	86	Tốt	
107	2	DTE2353101040045	Đặng Nguyễn Thái	Anh	0	Kém	
108	3	DTE2353101040036	Nguyễn Ngọc	Anh	70	Khá	
109	4	DTE2353101040040	Ngô Thị Bích	Duyên	65	Khá	Nghỉ học không lý
110	5	DTE2353101040004	Nguyễn Hương	Giang	81	Tốt	
111	6	DTE2353101040005	Nông Trung	Hải	81	Tốt	
112	7	DTE2353101040006	Phan Hồng	Hạnh	94	Xuất sắc	
113	8	DTE2353101040008	Bùi Quang	Hiếu	96	Xuất sắc	
114	9	DTE2353101040038	Hoàng Trung	Hiếu	56	Trung bình	
115	10	DTE2353101040009	Nguyễn Văn	Hiếu	59	Trung bình	
116	11	DTE2353101040044	Trần Thanh	Hiếu	52	Trung bình	
117	12	DTE2353101040010	Nguyễn Thị Phương	Hoa	94	Xuất sắc	
118	13	DTE2353101040011	Trịnh Thị	Hoài	0	Kém	Nghỉ học không lý
119	14	DTE2353101040012	Lý Duy	Hoàng	77	Khá	
120	15	DTE2353101040013	Cao Thị Huyền	Huệ	81	Tốt	
121	16	DTE2353401010068	Lỗ Thị Thu	Huyền	99	Xuất sắc	
122	17	DTE2353101040017	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	95	Xuất sắc	
123	18	DTE2353101040016	Phạm Thị Thu	Huyền	97	Xuất sắc	
124	19	DTE2353101040015	Triệu Tiến	Hương	96	Xuất sắc	
125	20	DTE2353101040018	Nguyễn Tùng	Lâm	57	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
126	21	DTE2353101040043	Nguyễn Khánh	Linh	70	Khá	
127	22	DTE2353101040019	Nguyễn Thanh	Loan	70	Khá	
128	23	DTE2353101040020	Vũ Thùy	Ly	95	Xuất sắc	
129	24	DTE2353101040022	Dương Thị Thúy	Ngà	0	Kém	Nghỉ học không lý
130	25	DTE2353101040023	Phạm Thị	Nguyệt	85	Tốt	
131	26	DTE2353101040024	Lương Thị	Nhung	53	Trung bình	
132	27	DTE2353101040025	Nông Thị	Nhung	74	Khá	
133	28	DTE2353101040026	Hầu Ngọc	Oanh	0	Kém	Nghỉ học không lý
134	29	DTE2353101040037	Phan Văn	Son	81	Tốt	
135	30	DTE2353101040030	Hồ Minh	Thịnh	91	Xuất sắc	
136	31	DTE2353101040032	Hà Thanh	Thủy	74	Khá	
137	32	DTE2353101040031	Vũ Anh	Thư	75	Khá	
138	33	DTE2353101040033	Vũ Thị Ánh	Tuyết	72	Khá	
139	34	DTE2353101040035	Nguyễn Thiện	Vui	86	Tốt	
140	35	DTE2353101050002	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	46	Yếu	Nghỉ học không lý
141	36	DTE2353101050004	Đặng Thị Mai	Hương	81	Tốt	
142	37	DTE2353101050003	Nguyễn Thị Thu	Hương	96	Xuất sắc	
143	38	DTE2353101050005	Lê Thị Hiền	Lương	73	Khá	
144	39	DTE2353101050006	Nguyễn Thu	Quyên	86	Tốt	
145	40	DTE2353101050008	Nguyễn Thị	Uyên	93	Xuất sắc	
146	41	DTE2153101040071	Trần Anh	Đức	0	Kém	Nghỉ học không lý
		K20 Kinh tế					
147	1	DTE2353101010003	Nguyễn Thị Lan	Anh	85	Tốt	
148	2	DTE2353101010004	Phạm Quỳnh	Anh	54	Trung Bình	
149	3	DTE2353101010005	Nguyễn Chí	Công	73	Khá	
150	4	DTE2353101010006	Phạm Trọng	Dân	90	Xuất sắc	
151	5	DTE2353101010007	Nguyễn Ngọc	Diệp	96	Xuất sắc	
152	6	DTE2353101010059	Lê Huy	Dũng	100	Xuất sắc	
153	7	DTE2353101010051	Vũ Đại	Dương	94	Xuất sắc	
154	8	DTE2353101010008	Vũ Thùy	Dương	76	Khá	
155	9	DTE2353101010047	Nguyễn Đức	Đại	30	Kém	BHYT
156	10	DTE2353101010052	Triệu Đức	Giang	81	Tốt	
157	11	DTE2353101010048	Lý Thị Thu	Hà	85	Tốt	
158	12	DTE2353101010053	Phạm Ngọc Hải	Hà	78	Khá	
159	13	DTE2353101010009	Chu Ngọc	Hoài	96	Xuất sắc	
160	14	DTE2353101010010	Đặng Huy	Hoàng	54	Trung Bình	
161	15	DTE2353101010012	Dương Thị	Huệ	60	Trung Bình	
162	16	DTE2353101010011	Lục Thị Phương	Huệ	80	Tốt	
163	17	DTE2353101010016	Trần Thanh	Huyền	55	Trung Bình	
164	18	DTE2353101010013	Nguyễn Quang	Hung	78	Khá	
165	19	DTE2353101010014	Dương Thị Mai	Hương	96	Xuất sắc	
166	20	DTE2353101010015	Nguyễn Thị Thu	Hương	88	Tốt	
167	21	DTE2353101010017	Nguyễn Duy	Khánh	75	Khá	
168	22	DTE2353101010018	Nông Quốc	Khánh	35	Yếu	BHYT
169	23	DTE2353101010019	Ma Văn	Khôi	55	Trung Bình	
170	24	DTE2353101010023	Dương Thị	Lan	58	Trung Bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
171	25	DTE2353101010022	Đỗ Hương	Lan	55	Trung Bình	
172	26	DTE2353101010021	Trịnh Thị	Lan	60	Trung Bình	
173	27	DTE2353101010058	Hoàng Nhật	Lệ	55	Trung Bình	
174	28	DTE2353101010028	Dương Khánh	Linh	85	Tốt	
175	29	DTE2353101010049	Dương Yến	Linh	91	Xuất sắc	
176	30	DTE2353101010026	Nguyễn Thị	Linh	66	Khá	
177	31	DTE2353101010024	Nguyễn Thị Thảo	Linh	82	Tốt	
178	32	DTE2353101010054	Tổng Phương	Linh	85	Tốt	
179	33	DTE2353101010027	Trần Khánh	Linh	95	Xuất sắc	
180	34	DTE2353101010029	Trần Đức	Lương	50	Trung Bình	
181	35	DTE2353101010030	Đàm Yến	Ly	74	Khá	
182	36	DTE2353101010031	Hoàng Cẩm	Ly	88	Tốt	
183	37	DTE2353101010032	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	72	Khá	
184	38	DTE2353101010033	Nguyễn Thị Thùy	Ly	80	Tốt	
185	39	DTE2353101010034	Nguyễn Hà Diệu	Mai	84	Tốt	
186	40	DTE2353101010035	Đỗ Dương Trí	Nhân	70	Khá	
187	41	DTE2353101010036	Dương Thị Minh	Nhật	91	Xuất sắc	
188	42	DTE2353101010037	Ngô Uyên	Nhi	96	Xuất sắc	
189	43	DTE2353101010038	Lò Thum	Phong	60	Trung Bình	
190	44	DTE2353101010039	Phan Thị	Quy	55	Trung Bình	
191	45	DTE2353101010040	Vũ Đăng	Tài	0	Kém	Nghi học không lý
192	46	DTE2353101010041	Ma Thị	Thu	95	Xuất sắc	
193	47	DTE2353101010042	Dương Thị Như	Thùy	85	Tốt	
194	48	DTE2353101010050	Vũ Minh	Tiên	71	Khá	
195	49	DTE2353101010043	Nguyễn Xuân	Tinh	55	Trung Bình	
196	50	DTE2353101010044	Phạm Thùy	Trang	85	Tốt	
197	51	DTE2353101010056	Triệu Thị Thu	Trang	0	Kém	Nghi học không lý
198	52	DTE2353101010002	Phạm Xuân	Trường	65	Khá	
199	53	DTE2353101010045	Trần Thị	Tuyền	95	Xuất sắc	
200	54	DTE2353101010046	Nguyễn Hà	Vy	95	Xuất sắc	
		K21 KTĐT					
201	1	DTE2453101040004	Đinh Minh	Anh	72	Khá	
202	2	DTE2453101040001	Lê Đức	Anh	35	Yếu	
203	3	DTE2453101040005	Trần Gia	Bảo	56	Trung bình	
204	4	DTE2453101040045	Nguyễn Thảo	Chi	75	Khá	
205	5	DTE2453101040006	Vũ Nguyễn Huệ	Chi	65	Khá	
206	6	DTE2453101040049	Nguyễn Trọng	Đại			Bảo lưu, BHYT
207	7	DTE2453101040034	Đàm Đức	Đạt	51	Trung bình	
208	8	DTE2453101040052	Nguyễn Văn	Định	35	Yếu	
209	9	DTE2453101040041	Đinh Phú	Đức	35	Yếu	
210	10	DTE2453101040042	Đoàn Minh	Đức	56	Trung bình	
211	11	DTE2453101040035	Lê Minh	Đức	35	Yếu	
212	12	DTE2453101040053	Nguyễn Hữu	Đức	50	Trung bình	
213	13	DTE2453101040048	Phó Minh	Đức	56	Trung bình	
214	14	DTE2453101040007	Ngô Văn	Hiếu	56	Trung bình	
215	15	DTE2453101040051	Ninh Hồng	Hiếu	50	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
216	16	DTE2453101040008	Hoàng Thanh	Hoàn	97	Xuất sắc	
217	17	DTE2453101040043	Bùi Huy	Hoàng	40	Yếu	
218	18	DTE2453101040009	Trần Đăng	Khoa	40	Yếu	
219	19	DTE2453101040010	Đặng Phúc	Kiên	45	Yếu	
220	20	DTE2453101040011	Dương Thị Thảo	Lan	95	Xuất sắc	
221	21	DTE2453101040012	Nguyễn Thị	Lan	83	Tốt	
222	22	DTE2453101040036	Phạm Thị Huyền	Linh	58	Trung bình	
223	23	DTE2453101040040	Vũ Thị Cẩm	Ly	90	Xuất sắc	
224	24	DTE2453101040013	Nguyễn Tuấn	Minh	90	Xuất sắc	
225	25	DTE2453101040037	Nguyễn Vi Nhật	Minh	60	Trung bình	
226	26	DTE2453101040014	Nguyễn Thị Trà	My	58	Trung bình	
227	27	DTE2453101040015	Trần Khánh	My	90	Xuất sắc	
228	28	DTE2453101040017	Hoàng Hải	Nam	59	Trung bình	
229	29	DTE2453101040016	Hứa Thành	Nam	59	Trung bình	
230	30	DTE2453101040018	Nguyễn Thúy	Ngân	90	Xuất sắc	
231	31	DTE2453101040019	Trịnh Thị Bảo	Ngọc	77	Khá	
232	32	DTE2453101040020	Nguyễn Công	Nhật	50	Trung bình	
233	33	DTE2453101040044	Trần Thị	Nhung	63	Trung bình	
234	34	DTE2453101040021	Bạch Thùy	Ninh	90	Xuất sắc	
235	35	DTE2453101040022	Nguyễn Lê	Quyên	30	Kém	
236	36	DTE2453101040023	Phạm Lê	Quyên	94	Xuất sắc	
237	37	DTE2453101040025	Bùi Thanh	Thảo	69	Khá	
238	38	DTE2453101040026	Vi Hương	Thảo	88	Tốt	
239	39	DTE2453101040038	Sầm Hoàng Anh	Thư	88	Tốt	
240	40	DTE2453101040027	Lê Thủy	Tiên	64	Trung bình	
241	41	DTE2453101040028	Triệu Phúc	Tiến	46	Yếu	
242	42	DTE2453101040039	Lưu Thị Minh	Trang	88	Tốt	
243	43	DTE2453101040050	Mai Thu	Trang	52	Trung bình	
244	44	DTE2453101040029	Nguyễn Thùy	Trang	73	Khá	
245	45	DTE2453101040031	Trần Thị	Trang	88	Tốt	
246	46	DTE2453101040030	Triệu Thị Thu	Trang	68	Khá	
247	47	DTE2453101040032	Dương Hà Anh	Tuấn	38	Yếu	
248	48	DTE2453101040054	Nguyễn Minh	Tuấn	25	Kém	BHYT
249	49	DTE2453101040033	Hoàng Quốc	Việt	55	Trung bình	
250	50	DTE2453101040046	Trần Thị Ngọc	Vinh	81	Tốt	
		K21 KTPT					
251	1	DTE2453101050001	Phan Thị Quỳnh	Anh	80	Tốt	
252	2	DTE2453101050002	Tạ Thị Lan	Anh	52	Trung bình	
253	3	DTE2453101050003	Tạ Xuân	Bắc	78	Khá	
254	4	DTE2453101050019	Nguyễn	Du	76	Khá	
255	5	DTE2453101050004	Đỗ Thị Bạch	Dương	88	Tốt	
256	6	DTE2453101050013	Đặng Minh	Hiếu	51	Trung bình	Cảnh cáo
257	7	DTE2453101050017	Hoàng Thị Kim	Khánh	50	Trung bình	
258	8	DTE2453101050005	Nguyễn Thanh	Lam	70	Khá	
259	9	DTE2453101050006	Bùi Thái	Nam	65	Khá	
260	10	DTE2453101050018	Vũ Thị Thanh	Ngân	87	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
261	11	DTE2453101050007	Dương Thị	Quyên	90	Xuất sắc	
262	12	DTE2453101050009	Phạm Hồng	Thương	35	Yếu	
263	13	DTE2453101050010	Phạm Thu	Trang	65	Khá	
264	14	DTE2453101050011	Nguyễn Thị	Tuyên	56	Trung bình	
265	15	DTE2453101050020	Phasathanh	Xaibounmy	90	Xuất sắc	
		K21 Kinh tế					
266	1	DTE2453101010073	Hà Thị Lan	Anh	50	Trung Bình	
267	2	DTE2453101010004	Lê Hồng	Anh	90	Xuất sắc	
268	3	DTE2453101010003	Chu Thị Ngọc	Ánh	94	Xuất sắc	
269	4	DTE2453101010076	Nguyễn Thị	Ánh	83	Tốt	
270	5	DTE2453101010005	Triệu Đỗ Xuân	Bình	56	Trung Bình	
271	6	DTE2453101010006	Trần Thị Kim	Chi	55	Trung Bình	
272	7	DTE2453101010007	Trần Thị Hồng	Chuyên	91	Xuất sắc	
273	8	DTE2453101010008	Ngô Hà Ngọc	Diệp	90	Xuất sắc	
274	9	DTE2453101010009	Long Hiền	Diệu	63	Trung Bình	
275	10	DTE2453101010011	Dương Thị Mỹ	Duyên	91	Xuất sắc	
276	11	DTE2453101010010	Đinh Quang	Dương	60	Trung Bình	
277	12	DTE2453101010065	Lường Tiến	Đạt	90	Xuất sắc	
278	13	DTE2453101010002	Đỗ Hải	Đặng	93	Xuất sắc	
279	14	DTE2453101010001	Vũ Tuấn	Đặng	60	Trung Bình	
280	15	DTE2453101010058	Đặng Hồng	Diệp	55	Trung Bình	
281	16	DTE2453101010067	Lê Văn	Được	76	Khá	
282	17	DTE2453101010080	Đỗ Hương	Giang	50	Trung Bình	VPQC
283	18	DTE2453101010012	Trương Thị Vân	Giang	93	Xuất sắc	
284	19	DTE2453101010014	Lê Hoàng Vũ	Hải	55	Trung Bình	
285	20	DTE2453101010015	Dương Thị Hồng	Hạnh	90	Xuất sắc	
286	21	DTE2453101010077	Ngô An	Hiếu	80	Tốt	
287	22	DTE2453101010074	Nguyễn Hoàng	Hiếu	25	Kém	Nghi học không lý
288	23	DTE2453101010059	Nông Thị Thanh	Hoài	70	Khá	
289	24	DTE2453101010016	Nông Mạnh	Hoàng	28	Kém	Nghi học không lý
290	25	DTE2453101010017	Doanh Thu	Huệ	83	Tốt	
291	26	DTE2453101010018	Nông Thị	Huệ	93	Xuất sắc	
292	27	DTE2453101010019	Nguyễn Thị Thu	Hương	90	Xuất sắc	
293	28	DTE2453101010020	Nguyễn Thị Thuý	Hường	25	Kém	Nghi học không lý
294	29	DTE2453101010021	Đặng Văn	Khôi	60	Trung Bình	
295	30	DTE2453101010022	Nguyễn Thị Ánh	Kiều	89	Tốt	
296	31	DTE2453101010023	Tạ Thị Thu	Lan	80	Tốt	
297	32	DTE2453101010060	Trần Thị Ngọc	Lan	81	Tốt	
298	33	DTE2453101010078	Nguyễn Tùng	Lâm	60	Trung Bình	
299	34	DTE2453101010024	Hà Thu	Lê	55	Trung Bình	
300	35	DTE2453101010081	Hoàng Diệu	Ly	84	Tốt	
301	36	DTE2453101010026	Vi Thị Ngọc	Mai	84	Tốt	
302	37	DTE2453101010069	Hà Trà	My	81	Tốt	
303	38	DTE2453101010027	Phạm Thị Trà	My	63	Trung Bình	
304	39	DTE2453101010061	Phương Minh	Nam	20	Kém	Nghi học không lý
305	40	DTE2453101010029	Hoàng Thị	Ngân	62	Trung Bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
306	41	DTE2453101010030	Trần Thị Kim	Ngân	60	Trung Bình	
307	42	DTE2453101010031	Lê Thị	Ngọc	82	Tốt	
308	43	DTE2453101010062	Vi Thị	Ngọc	75	Khá	
309	44	DTE2453101010034	Lê Hương	Nguyên	65	Khá	
310	45	DTE2453101010032	Nguyễn Xuân Thảo	Nguyên	82	Tốt	
311	46	DTE2453101010033	Doanh Thị	Nguyên	95	Xuất sắc	
312	47	DTE2453101010071	Lưu Thị Yên	Nhi	93	Xuất sắc	
313	48	DTE2453101010037	Nguyễn Thị	Nhung	93	Xuất sắc	
314	49	DTE2453101010039	Dương Nguyễn Nguyên	Phương	53	Trung Bình	
315	50	DTE2453101010038	Dương Yên	Phương	53	Trung Bình	
316	51	DTE2453101010040	Lê Minh	Phương	82	Tốt	
317	52	DTE2453101010044	Dương Minh	Quang	87	Tốt	
318	53	DTE2453101010042	Lò Nhật	Quang	80	Tốt	
319	54	DTE2453101010045	Nguyễn Thị	Quỳnh	90	Xuất sắc	
320	55	DTE2453101010063	Nguyễn Trúc	Quỳnh	90	Xuất sắc	
321	56	DTE2453101010046	Nguyễn Linh	Tâm	90	Xuất sắc	
322	57	DTE2453101010068	Lương Hoàng	Thái	82	Tốt	
323	58	DTE2453101010048	Lâm Thị Hoài	Thanh	87	Tốt	
324	59	DTE2453101010049	Bế Thị Minh	Thu	85	Tốt	
325	60	DTE2453101010072	Bùi Việt Hà	Trúc	80	Tốt	
326	61	DTE2453101010050	Lâm Quang Tuấn	Tú	50	Trung Bình	
327	62	DTE2453101010070	Sầm Quang	Tú	88	Tốt	
328	63	DTE2453101010051	Dương Xuân	Tùng	72	Khá	
329	64	DTE2453101010052	Đào Phương	Uyên	73	Khá	
330	65	DTE2453101010053	Hoàng Thanh	Vân	93	Xuất sắc	
331	66	DTE2453101010066	Bùi Quốc	Việt	75	Khá	
332	67	DTE2453101010054	Lưu Hoàng	Việt	83	Tốt	
333	68	DTE2453101010055	Đỗ Thị	Xuân	92	Xuất sắc	
334	69	DTE2453101010064	Bùi Thị Ngọc	Yên	60	Trung Bình	
335	70	DTE2453101010057	Lôi Thị	Yên	83	Tốt	
336	71	DTE2453101010056	Vi Hoàng	Yên	82	Tốt	

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	71
Tốt	79
Khá	68
Trung bình	87
Yếu	15
Kém	15
Bảo lưu	1
Tổng	336

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
KHOA MARKETING, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số 878/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 29 tháng 7 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
K19 QTM A							
1	1	DTE2253401150040	Ngô Thị	An	74	Khá	
2	2	DTE2253401150157	Huỳnh Thị Quỳnh	Anh	95	Xuất sắc	
3	3	DTE2253401150156	Lê Diệp	Anh	91	Xuất sắc	
4	4	DTE2253401150158	Lê Quỳnh	Anh	80	Tốt	
5	5	DTE2253401150013	Nguyễn Hoàng Mai	Anh	60	Trung bình	
6	6	DTE2253401150093	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	70	Khá	
7	7	DTE2253401150095	Trịnh Thị	Ánh	80	Tốt	
8	8	DTE2253401150020	Vì Thị	Ánh	76	Khá	
9	9	DTE2253401150160	Bùi Đình	Bảo	76	Khá	
10	10	DTE2253401150042	Lương Sao	Chi	80	Tốt	
11	11	DTE2253401150104	Nguyễn Thị	Duyên	0	Kém	
12	12	DTE2253401150161	Nguyễn Thị Thu	Duyên	73	Khá	
13	13	DTE2253401150058	Phan Hữu	Đức	68	Khá	
14	14	DTE2253401150106	Đinh Thị Nguyệt	Hà	86	Tốt	
15	15	DTE2253401150108	Trần Minh	Hàng	68	Khá	
16	16	DTE2253401150162	Nguyễn Ngọc	Hân	81	Tốt	
17	17	DTE2253401150113	Hoàng Thị	Hiền	81	Tốt	
18	18	DTE2253401150002	Nguyễn Thảo	Hiền	81	Tốt	
19	19	DTE2253401150043	Vũ Minh	Hiếu	77	Khá	
20	20	DTE2253401150164	Trần Thị	Hòa	80	Tốt	
21	21	DTE2253401150115	Nguyễn Thị	Hoài	78	Khá	
22	22	DTE2253401150044	Nguyễn Việt	Hoàn	80	Tốt	
23	23	DTE2253401150163	Nguyễn Đình	Hoàng	91	Xuất sắc	
24	24	DTE2253401150045	Bùi Xuân	Hồng	59	Trung bình	
25	25	DTE2253401150119	Tần Mỹ	Huệ	71	Khá	
26	26	DTE2253401150015	Nguyễn Thị	Huyền	65	Khá	
27	27	DTE2253401150123	Nguyễn Thu	Huyền	59	Trung bình	
28	28	DTE2253401150014	Hoàng Mai	Hương	80	Tốt	
29	29	DTE2253401150003	Trần Thị Thu	Hương	71	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
30	30	DTE2253401150046	Ngô Thị Thanh	Hường	77	Khá	
31	31	DTE2253401150024	Dương Bảo	Khang	58	Trung bình	
32	32	DTE2253401150168	Tổng Trần Gia	Khánh	40	Yếu	BHYT
33	33	DTE2253401150047	Hoàng Đức	Kiên	80	Tốt	
34	34	DTE2253401150004	Nguyễn Thị	Lan	92	Xuất sắc	
35	35	DTE2253401150026	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	63	Trung bình	
36	36	DTE2253401150048	Nguyễn Văn Tiến	Lâm	80	Tốt	
37	37	DTE2253401150005	Đồng Thị Phương	Liên	92	Xuất sắc	
38	38	DTE2253401150070	Hoàng Thùy	Linh	80	Tốt	
39	39	DTE2253401150049	Lưu Thùy	Linh	71	Khá	
40	40	DTE2253401150027	Trần Thị Ngọc	Linh	85	Tốt	
41	41	DTE2253401150028	Trịnh Hồng	Loan	76	Khá	
42	42	DTE2253401150006	Dương Văn	Luân	0	Kém	
43	43	DTE2253401150050	Nguyễn Thanh	Mai	81	Tốt	
44	44	DTE2253401150052	Lê Thị Trà	My	76	Khá	
45	45	DTE2253401150136	Nguyễn Thị Trà	My	80	Tốt	
46	46	DTE2253401150173	Nguyễn Tuấn	Nghiệp	67	Khá	
47	47	DTE2253401150030	Dương Hồng	Nhung	86	Tốt	
48	48	DTE2253401150175	Lê Thanh	Phương	86	Tốt	
49	49	DTE2253401150054	Hà Thị	Phượng	81	Tốt	
50	50	DTE2253401150018	Hoàng Minh	Quang	77	Khá	
51	51	DTE2253401150033	Đinh Thị	Sang	60	Trung bình	VPQC
52	52	DTE2253401150008	Nguyễn Văn	Tam	40	Yếu	BHYT
53	53	DTE2253401150009	Lục Thị Minh	Tâm	56	Trung bình	
54	54	DTE2253401150034	Ngô Thị	Thanh	70	Khá	
55	55	DTE2253401150010	Nguyễn Tiến	Thành	45	Yếu	BHYT
56	56	DTE2253401150035	Lê Thị Thanh	Thảo	81	Tốt	
57	57	DTE2253401150036	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	66	Khá	VPQC
58	58	DTE2253401150037	Đỗ Thị Thanh	Thủy	63	Trung bình	
59	59	DTE2253401150152	Nhữ Hồng	Tuấn	50	Trung bình	
60	60	DTE2253401150019	Trần Thị	Vân	99	Xuất sắc	
K19 QTM B							
61	1	DTE2253401150087	Nguyễn Thị	An	90	Xuất sắc	
62	2	DTE2253401150091	Đoàn Lê Phương	Anh	90	Xuất sắc	
63	3	DTE2253401150090	Nguyễn Phương	Anh	78	Khá	
64	4	DTE2253401150059	Nguyễn Tuấn	Anh	34	Kém	BHYT
65	5	DTE2253401150061	Dương Ngọc	Ánh	87	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
66	6	DTE2253401150062	Hoàng Ngọc	Ánh	49	Yếu	
67	7	DTE2253401150060	Hoàng Thị	Ánh	85	Tốt	
68	8	DTE2253401150094	Nguyễn Thị	Ánh	85	Tốt	
69	9	DTE2253401150097	Trần Thị	Ánh	78	Khá	
70	10	DTE2253401150098	Hoàng Thị Kim	Chi	90	Xuất sắc	
71	11	DTE2253401150099	Lý Văn	Chung	76	Khá	
72	12	DTE2253401150100	Hoàng Thị	Dịu	85	Tốt	
73	13	DTE2253401150101	Nguyễn Thanh	Dung	82	Tốt	
74	14	DTE2253401150102	Phạm Đình	Dương	70	Khá	
75	15	DTE2253401150155	Trần Quang	Đức	70	Khá	
76	16	DTE2253401150105	Ma Thị Thu	Hà	86	Tốt	
77	17	DTE2253403010080	Nguyễn Thị Thu	Hà	90	Xuất sắc	
78	18	DTE2253401150107	Nguyễn Thị	Hải	86	Tốt	
79	19	DTE2253401150111	Ngô Thị Hồng	Hạnh	90	Xuất sắc	
80	20	DTE2253401150063	Trần Thị Mỹ	Hạnh	80	Tốt	
81	21	DTE2253401150112	Lâm Duy	Hào	81	Tốt	
82	22	DTE2253401150109	Lâm Thị	Hằng	80	Tốt	
83	23	DTE2253401150116	Hoàng Huy	Hoàng	99	Xuất sắc	
84	24	DTE2253401150117	Lê Thị Bích	Hồng	76	Khá	
85	25	DTE2253401150065	Vy Thị	Huế	49	Yếu	
86	26	DTE2253401150066	Nguyễn Thị	Huyền	90	Xuất sắc	
87	27	DTE2253401150122	Trần Thanh	Huyền	90	Xuất sắc	
88	28	DTE2253401150120	Lưu Lan	Hương	85	Tốt	
89	29	DTE2253401150121	Nguyễn Ngọc	Hương	80	Tốt	
90	30	DTE2253401150167	Ma Văn	Khải	90	Xuất sắc	
91	31	DTE2253401150126	Ma Khánh	Kiều	86	Tốt	
92	32	DTE2253401150127	Nguyễn Thị	Lan	88	Tốt	
93	33	DTE2253401150067	Lại Thị Nhật	Lệ	77	Khá	
94	34	DTE2253401150130	Đào Khánh	Linh	83	Tốt	
95	35	DTE2253401150069	Đào Thị Thùy	Linh	82	Tốt	
96	36	DTE2253401150068	Lưu Giao	Linh	86	Tốt	
97	37	DTE2253401150129	Nguyễn Mai	Linh	80	Tốt	
98	38	DTE2253401150071	Nguyễn Thùy	Linh	83	Tốt	
99	39	DTE2253401150072	Nguyễn Duy	Long	82	Tốt	
100	40	DTE2253401150131	Nguyễn Thanh	Long	78	Khá	
101	41	DTE2253401150134	Đinh Thị Lưu	Ly	75	Khá	
102	42	DTE2253401150133	Ma Khánh	Ly	79	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
103	43	DTE2253401150073	Cao Thị Hương	Mai	80	Tốt	
104	44	DTE2253401150172	Ma Thị Kiều	My	77	Khá	
105	45	DTE2253401150135	Trương Thị Trà	My	78	Khá	
106	46	DTE2253401150137	Hà Thị	Nét	78	Khá	
107	47	DTE2253401150074	Lương Thủy	Ngân	34	Kém	
108	48	DTE2253401150075	Lường Hải	Nghĩa	91	Xuất sắc	
109	49	DTE2253401150076	Nguyễn Minh	Ngọc	78	Khá	
110	50	DTE2253401150140	Nông Thị Thủy	Nhiên	80	Tốt	
111	51	DTE2253401150141	Hà Thị	Nhung	86	Tốt	
112	52	DTE2253401150077	Bàng Thị Kim	Oanh	87	Tốt	
113	53	DTE2253401150143	Dương Thị Kim	Oanh	85	Tốt	
114	54	DTE2253401150144	Đào Thu	Phương	80	Tốt	
115	55	DTE2253401150078	Nguyễn Quang	Phương	34	Kém	
116	56	DTE2253401150079	Nguyễn Như	Quỳnh	60	Trung bình	BHYT
117	57	DTE2253401150146	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	77	Khá	
118	58	DTE2253401150150	Phạm Thị	Thủy	99	Xuất sắc	
119	59	DTE2253401150081	Đỗ Thị Vân	Thư	90	Xuất sắc	
120	60	DTE2253401150181	Vi Thị Thủy	Tiên	82	Tốt	
121	61	DTE2253401150082	Mai Thị	Trà	85	Tốt	
122	62	DTE2253401150084	Nguyễn Thị	Trang	84	Tốt	
123	63	DTE2253401150085	Nguyễn Thị Thu	Trang	96	Xuất sắc	
124	64	DTE2253401150083	Phạm Thị	Trang	84	Tốt	
125	65	DTE2253401150086	Hoàng Thị	Xuyến	86	Tốt	
K19 QTM C							
126	1	DTE2253401150187	Hồ Vũ Hà	Anh	71	Khá	
127	2	DTE2253401150096	Đặng Ngọc	Ánh	86	Tốt	
128	3	DTE2253401150159	Trương Thị Ngọc	Ánh	85	Tốt	
129	4	DTE2253401150203	Vũ Thị Hồng	Cư	91	Xuất sắc	
130	5	DTE2253401150188	Nguyễn Thị	Diễm	63	Trung bình	
131	6	DTE2253401150212	Dương Thủy	Dung	89	Tốt	
132	7	DTE2253401150220	Hoàng Thủy	Duyên	75	Khá	
133	8	DTE2253401150185	Đàm Đức	Đại	65	Khá	
134	9	DTE2253401150186	Dương Thị	Đào	95	Xuất sắc	
135	10	DTE2253401150114	Hà Thị	Hiếu	85	Tốt	
136	11	DTE2253401150204	Nguyễn Trung	Hiếu	49	Yếu	BHYT
137	12	DTE2253403010206	Đào Thị	Hoa	0	Kém	
138	13	DTE2253401150022	Ngô Thế	Hòa	52	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
139	14	DTE2253401150118	Nguyễn Thị	Hồng	78	Khá	
140	15	DTE2253401150165	Nguyễn Mạnh	Hùng	100	Xuất sắc	
141	16	DTE2253401150166	Nguyễn Thị	Huyền	93	Xuất sắc	
142	17	DTE2253401150124	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	92	Xuất sắc	
143	18	DTE2253401150128	Nguyễn Thị Bích	Liên	85	Tốt	
144	19	DTE2253401150193	Bùi Diệu	Linh	61	Trung bình	
145	20	DTE2253401150016	Lưu Thị	Linh	74	Khá	
146	21	DTE2253401150170	Nguyễn Thị Thùy	Linh	87	Tốt	
147	22	DTE2253401150194	Đặng Thị	Loan	83	Tốt	
148	23	DTE2253401150218	Nguyễn Thanh	Loan	64	Trung bình	
149	24	DTE2253401150132	Hứa Thị Ly	Ly	65	Khá	
150	25	DTE2253401150213	Phó Thị Khánh	Ly	71	Khá	
151	26	DTE2253401150171	Đào Thị	Mai	80	Tốt	
152	27	DTE2253401150195	Trần Thị Ngọc	Mai	85	Tốt	
153	28	DTE2253401150051	Doãn Đức	Mạnh	82	Tốt	
154	29	DTE2253401150205	Phạm Thị Thảo	Nguyên	71	Khá	
155	30	DTE2253401150174	Hà Yến	Nhi	72	Khá	
156	31	DTE2253401150139	Nguyễn Thị Linh	Nhi	86	Tốt	
157	32	DTE2253401150196	Hoàng Thị	Nhung	64	Trung bình	VPQC
158	33	DTE2253401150142	Nông Thị Kiều	Oanh	82	Tốt	
159	34	DTE2253401150176	Lý Thị Hoài	Phương	85	Tốt	
160	35	DTE2253401150031	Đỗ Đan	Phượng	86	Tốt	
161	36	DTE2253401150145	Liêu Thị Khánh	Phượng	64	Trung bình	BHYT
162	37	DTE2253401150206	Nguyễn Văn	Quang	98	Xuất sắc	
163	38	DTE2253401150007	Trương Đình	Quang	49	Yếu	BHYT
164	39	DTE2253401150148	Tô Minh	Tâm	73	Khá	
165	40	DTE2253401150197	Bùi Phương	Thảo	74	Khá	
166	41	DTE2253401150207	Nguyễn Thị	Thom	63	Trung bình	
167	42	DTE2253401150178	Lưu Thị	Thu	58	Trung bình	VPQC
168	43	DTE2253401150056	Nguyễn Thị Minh	Thu	64	Trung bình	
169	44	DTE2253401150179	Dương Thị	Thùy	100	Xuất sắc	
170	45	DTE2253401150200	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	68	Khá	
171	46	DTE2253401150199	Hoàng Minh	Thư	0	Kém	BHYT
172	47	DTE2253401150149	Vũ Thị	Thư	65	Khá	
173	48	DTE2253401150182	Chu Minh	Tiến	85	Tốt	
174	49	DTE2253401150201	Đỗ Hữu	Toàn	70	Khá	
175	50	DTE2253401150151	Lê Thị Huyền	Trang	86	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
176	51	DTE2253401150057	Nguyễn Thị Huyền	Trang	65	Khá	
177	52	DTE2253401150184	Hoàng Văn	Trương	82	Tốt	
178	53	DTE2253401150190	Vũ Thị Kim	Uyên	68	Khá	
179	54	DTE2253401150154	Nguyễn Thảo	Vân	90	Xuất sắc	
180	55	DTE2253401150039	Ngô Thúy	Vy	89	Tốt	
K19 QTKD DL&KS							
181	1	DTE2258101030018	Trần Thị	An	75	Khá	
182	2	DTE2258101030013	Nguyễn Thị Lan	Anh	95	Xuất sắc	
183	3	DTE2258101030039	Phạm Thị Lan	Anh	91	Xuất sắc	
184	4	DTE2258101030053	Houmacksone	Anny	87	Tốt	
185	5	DTE2258101030019	Lưu Trịnh Gia	Bảo	80	Tốt	
186	6	DTE2258101030020	Phạm Thị	Chi	80	Tốt	
187	7	DTE2258101030021	Lương Mạnh	Cường	90	Xuất sắc	
188	8	DTE2258101030022	Vũ Thị Quỳnh	Diệu	90	Xuất sắc	
189	9	DTE2258101030004	Nguyễn Thị	Duyên	85	Tốt	
190	10	DTE2258101030036	Lý Thị	Diệp	80	Tốt	
191	11	DTE2258101030038	Đỗ Anh	Đức	80	Tốt	
192	12	DTE2258101030024	Đặng Thùy	Giang	60	Trung bình	
193	13	DTE2258101030014	Bùi Phương	Hoa	80	Tốt	
194	14	DTE2258101030005	Sái Thu	Huyền	80	Tốt	
195	15	DTE2258101030040	Trần Văn	Hung	60	Trung bình	BHYT
196	16	DTE2258101030026	Nguyễn Mai	Hương	80	Tốt	
197	17	DTE2258101030027	Nguyễn Thị	Hương	95	Xuất sắc	
198	18	DTE2258101030029	Nguyễn Thùy	Linh	60	Trung bình	
199	19	DTE2258101030041	Trần Thị Cẩm	Ly	99	Xuất sắc	
200	20	DTE2258101030030	Trần Hoàng	Minh	60	Trung bình	
201	21	DTE2258101030064	Bounyatha	Moukda	60	Trung bình	
202	22	DTE2258101030016	Tô Ngọc	Nuong	88	Tốt	
203	23	DTE2258101030007	Nguyễn Thị	Quỳnh	60	Trung bình	
204	24	DTE2258101030046	Nguyễn Văn	Sơn	75	Khá	
205	25	DTE2258101030017	Lý Thị Minh	Tâm	55	Trung bình	VPQC
206	26	DTE2258101030032	Trần Thị Thu	Thanh	60	Trung bình	
207	27	DTE2258101030012	Hoàng Thanh	Thảo	60	Trung bình	
208	28	DTE2258101030052	Phetxanavong	Thipthida	60	Trung bình	
209	29	DTE2258101030034	Lương Phúc	Toàn	97	Xuất sắc	
210	30	DTE2258101030001	Dương Thị Hương	Trà	80	Tốt	
211	31	DTE2258101030035	Lê Ngọc	Tuyết	90	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
K19 KDQT							
212	1	DTE2253401200009	Hoàng Thị Kim	Chi	69	Khá	
213	2	DTE2253401200005	Dương Thành	Đạt	90	Xuất sắc	
214	3	DTE2253401200002	Trần Tiến	Đạt	67	Khá	
215	4	DTE2253401200001	Đoàn Mỹ	Hà	61	Trung bình	
216	5	DTE2253401200006	Hoàng Thị Khánh	Hòa	95	Xuất sắc	
217	6	DTE2253401200011	Triệu Thị	Huyền	71	Khá	
218	7	DTE2253401200010	Lê Quang	Hưng	92	Xuất sắc	
219	8	DTE2253401200007	Lê Thị Trà	My	72	Khá	
220	9	DTE2253401200012	Nguyễn Quang	Nam	60	Trung bình	
221	10	DTE2253401200015	Phương Thanh	Ngọc	60	Trung bình	
222	11	DTE2253401200003	Ma Kim	Nhâm	75	Khá	
223	12	DTE2253401200004	Phạm Thị Tùng	Nhi	63	Trung bình	
224	13	DTE2253401200013	Hoàng Thị Quỳnh	Như	81	Tốt	
225	14	DTE2258101030054	Inthanachack	Phetnakhone	73	Khá	
226	15	DTE2253401200020	Saymany	Saengtavan	60	Trung bình	
227	16	DTE2253401200014	Phùng Thị Minh	Thu	90	Xuất sắc	
K20- MKT 1							
228	1	DTE2353401150001	Nguyễn Thị Phương	Anh	60	Trung bình	
229	2	DTE2353401150018	Nguyễn Thị Thuý	Anh	80	Tốt	
230	3	DTE2353401150012	Dương Thị Ngọc	Ánh	82	Tốt	
231	4	DTE2353401150016	Lê Ngọc	Ánh	74	Khá	
232	5	DTE2353401150019	Đỗ Thị Như	Bình	78	Khá	
233	6	DTE2353401150025	Lê Thị	Chiêm	83	Tốt	
234	7	DTE2353401150031	Mai Thái	Dương	55	Trung bình	
235	8	DTE2353401150035	Đỗ Thị Hương	Giang	92	Xuất sắc	
236	9	DTE2353401150036	Nguyễn Đoàn Phương	Giang	76	Khá	
237	10	DTE2353401150039	Phan Thị	Hà	75	Khá	
238	11	DTE2353401150044	Vũ Thu	Hà	90	Xuất sắc	
239	12	DTE2353401150045	Lưu Thị	Hải	68	Khá	
240	13	DTE2353401150048	Hà Thị	Hạnh	94	Xuất sắc	
241	14	DTE2353401150049	Đỗ Mỹ	Hào	87	Tốt	
242	15	DTE2353401150053	Nguyễn Bùi Chung	Hiếu	49	Yếu	
243	16	DTE2353401150054	Triệu Đức	Hiếu	60	Trung bình	
244	17	DTE2353401150055	Dương Thị Bích	Hoa	81	Tốt	
245	18	DTE2353401150056	Nguyễn Thị	Hoa	70	Khá	
246	19	DTE2353401150059	Nguyễn Thị	Hoài	82	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
247	20	DTE2353401150061	Hà Thị	Hoàn	62	Trung bình	
248	21	DTE2353401150065	Phạm Minh	Hoàng	92	Xuất sắc	
249	22	DTE2353401150068	Trần Thị Kim	Hồng	80	Tốt	
250	23	DTE2353401150069	Vũ Thị Cao	Hợp	50	Trung bình	BHYT
251	24	DTE2353401150079	Bùi Ngọc	Huy	65	Khá	
252	25	DTE2353401150080	Hoàng Thị Thu	Huyền	50	Trung bình	BHYT
253	26	DTE2353401150078	Chúc Thị Minh	Hương	75	Khá	
254	27	DTE2353401150073	Vi Thanh	Hương	71	Khá	
255	28	DTE2353401150087	Hoàng Thị Mai	Lan	78	Khá	
256	29	DTE2353401150234	Đỗ Ngọc	Linh	73	Khá	
257	30	DTE2353401150094	Lê Nguyễn Diệu	Linh	96	Xuất sắc	
258	31	DTE2353401150097	Nịnh Tuyết	Loan	83	Tốt	
259	32	DTE2353401150098	Đào Trung	Lộc	98	Xuất sắc	
260	33	DTE2353401150102	Trần Thị	Luyến	75	Khá	
261	34	DTE2353401150099	Ma Tuấn	Lương	50	Trung bình	
262	35	DTE2353401150104	Ngô Thiên	Lý	81	Tốt	
263	36	DTE2353401150108	Vũ Thị	Mai	94	Xuất sắc	
264	37	DTE2353401150115	Dương Kim	Ngân	87	Tốt	
265	38	DTE2353401150118	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	63	Trung bình	
266	39	DTE2353401150119	Phạm Ánh	Nguyệt	70	Khá	
267	40	DTE2353401150124	Dương Thị Yến	Nhi	68	Khá	
268	41	DTE2353401150131	Bùi Hồng	Phúc	91	Xuất sắc	
269	42	DTE2353401150134	Đinh Thị Hà	Phương	50	Trung bình	
270	43	DTE2353401150133	Khúc Thị Bình	Phương	65	Khá	
271	44	DTE2353401150145	Nguyễn Phương	Quỳnh	94	Xuất sắc	
272	45	DTE2353401150157	Mai Thị Phương	Thảo	85	Tốt	
273	46	DTE2353401150159	Phạm Phương	Thảo	52	Trung bình	
274	47	DTE2353401150150	Bàn Thị	Thắm	92	Xuất sắc	
275	48	DTE2353401150161	Ma Thị	Thơ	83	Tốt	
276	49	DTE2353401150163	Hoàng Thị	Thơm	73	Khá	
277	50	DTE2353401150004	Vũ Thị	Thu	94	Xuất sắc	
278	51	DTE2353401150003	Vũ Thị Anh	Thư	49	Yếu	
279	52	DTE2353401150167	Ma Thị	Trà	78	Khá	
280	53	DTE2353401150172	Lại Phương	Trang	55	Trung bình	BHYT
281	54	DTE2353401150171	Nguyễn Thu	Trang	80	Tốt	
282	55	DTE2353401150168	Phạm Thị Hà	Trang	70	Khá	
283	56	DTE2353401150169	Trần Thu	Trang	84	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
284	57	DTE2353401150175	Dương Thảo	Tú	49	Yếu	BHYT
285	58	DTE2353401150177	Lý Anh	Tuấn	49	Yếu	
286	59	DTE2353401150182	Dương Thị	Vân	92	Xuất sắc	
287	60	DTE2353401150183	Dương Thị	Vân	81	Tốt	
288	61	DTE2353401150185	Phạm Nguyễn Hà	Vy	68	Khá	
289	62	DTE2353401150189	Phạm Hải	Yến	83	Tốt	
290	63	DTE2353401150188	Vũ Thị Ngọc	Yến	49	Yếu	BHYT
291	64	DTE2253401150080	Nguyễn Thị Phương	Thảo	55	Trung bình	
292	65	DTE2253401150032	Lành Thị Trương	Quỳnh	80	Tốt	
293	66	DTE2253401150011	Nguyễn Văn	Đức	50	Trung bình	VPQC
K20- MKT 2							
294	1	DTE2353401150008	Bùi Phương	Anh	99	Xuất sắc	
295	2	DTE2353401150013	Hoàng Lan	Anh	85	Tốt	
296	3	DTE2353401150009	Trần Phương	Anh	66	Khá	
297	4	DTE2353401150010	Vũ Nguyễn Quỳnh	Anh	54	Trung bình	VPQC
298	5	DTE2353401150017	Trần Ngọc	Ánh	71	Khá	
299	6	DTE2353401150020	Dương Phương	Chà	71	Khá	
300	7	DTE2353401150023	Ngô Thị	Chi	60	Trung bình	
301	8	DTE2353401150026	Bàn Văn	Chung	91	Xuất sắc	
302	9	DTE2353401150027	Hoàng Văn	Cử	76	Khá	
303	10	DTE2353401150033	Phùng Văn	Duy	91	Xuất sắc	
304	11	DTE2353401150034	Trịnh Khánh	Duy	36	Yếu	BHYT
305	12	DTE2353401150032	Doãn Hoàng	Dương	88	Tốt	
306	13	DTE2353401150028	Hoàng Anh	Dương	45	Yếu	BHYT
307	14	DTE2353401150030	Nguyễn Thái	Dương	30	Kém	BHYT
308	15	DTE2353401150190	Trần Ngọc	Đại	38	Yếu	BHYT
309	16	DTE2353401150192	Quách Thành	Đạt	94	Xuất sắc	
310	17	DTE2353401150043	Phạm Hồng	Hà	80	Tốt	
311	18	DTE2353401150040	Phạm Khánh	Hà	85	Tốt	
312	19	DTE2353401150046	Nguyễn Thị Thu	Hằng	80	Tốt	
313	20	DTE2353401150047	Nguyễn Thu	Hằng	64	Trung bình	
314	21	DTE2353401150052	Đỗ Thu	Hiền	85	Tốt	
315	22	DTE2353401150051	Phạm Thu	Hiền	80	Tốt	
316	23	DTE2353401150050	Trần Thị Thu	Hiền	80	Tốt	
317	24	DTE2353401150057	Hoàng Thị	Hòa	80	Tốt	
318	25	DTE2353401150060	Triệu Đức	Hoan	38	Yếu	BHYT
319	26	DTE2353401150063	Ma Doãn	Hoàng	63	Trung bình	BHYT

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
320	27	DTE2353401150064	Phạm Việt	Hoàng	71	Khá	
321	28	DTE2353401150070	Nguyễn Thị	Huệ	80	Tốt	
322	29	DTE2353401150083	Đồng Thị Khánh	Huyền	59	Trung bình	BHYT
323	30	DTE2353401150082	Phan Thị	Huyền	90	Xuất sắc	
324	31	DTE2353401150081	Vũ Thị	Huyền	90	Xuất sắc	
325	32	DTE2353401150071	Bàn Thị Linh	Hương	92	Xuất sắc	
326	33	DTE2353401150072	Phạm Thị Mai	Hương	90	Xuất sắc	
327	34	DTE2353401150075	Hoàng Thu	Hường	76	Khá	
328	35	DTE2353401150085	Phạm Thanh	Lam	98	Xuất sắc	
329	36	DTE2353401150086	Phùng Thị Kim	Lan	99	Xuất sắc	
330	37	DTE2353401150096	Đặng Thùy	Linh	80	Tốt	
331	38	DTE2353401150095	Nguyễn Thị Khánh	Linh	99	Xuất sắc	
332	39	DTE2353401150093	Nguyễn Thúy	Linh	80	Tốt	
333	40	DTE2353401150092	Trương Diệu	Linh	80	Tốt	
334	41	DTE2353401150101	Nguyễn Thanh	Luyên	80	Tốt	
335	42	DTE2353401150103	Ngô Hải	Ly	71	Khá	
336	43	DTE2353401150109	Lý Thị Tuyết	Mai	76	Khá	
337	44	DTE2353401150106	Ngô Ngọc	Mai	71	Khá	
338	45	DTE2353401150107	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	76	Khá	
339	46	DTE2353401150111	Dương Thị Thu	Mây	80	Tốt	
340	47	DTE2353401150112	Phạm Văn	Nam	42	Yếu	BHYT
341	48	DTE2353401150113	Dương Thanh	Nga	51	Trung bình	BHYT
342	49	DTE2353401150114	Dương Thị	Nga	71	Khá	
343	50	DTE2353401150125	Đồng Thị Huyền	Nhi	99	Xuất sắc	
344	51	DTE2353401150123	Lại Lan	Nhi		Kém	
345	52	DTE2353401150122	Nguyễn Thị Yến	Nhi	76	Khá	
346	53	DTE2353401150127	Thận Thị Hồng	Nhung	80	Tốt	
347	54	DTE2353401150128	Dương Thị	Ninh			BẢO LƯU
348	55	DTE2353401150135	Giang Thị Hoài	Phương	0	Kém	
349	56	DTE2353401150136	Trần Thị Kim	Phượng	86	Tốt	
350	57	DTE2353401150143	Nông Cường	Quyết	60	Trung bình	BHYT
351	58	DTE2353401150144	Đặng Thị	Quỳnh	80	Tốt	
352	59	DTE2353401150147	Tướng Thị Minh	Tâm	80	Tốt	
353	60	DTE2353401150153	Đỗ Tiến	Thành	75	Khá	
354	61	DTE2353401150156	Vũ Thị	Thảo	76	Khá	
355	62	DTE2353401150152	Trần Quang	Thắng	0	Kém	
356	63	DTE2353401150162	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
357	64	DTE2353401150164	Trần Thị	Thu	80	Tốt	
358	65	DTE2353401150166	Nguyễn Thị Thu	Thùy	59	Trung bình	
359	66	DTE2353401150165	Phạm Thị	Thúy	71	Khá	
360	67	DTE2353401150174	Phạm Xuân	Tú	53	Trung bình	
361	68	DTE2353401150178	Nguyễn Văn	Tùng	80	Tốt	
362	69	DTE2353401150181	Hoàng Thị	Tuyết	36	Yếu	BHYT
363	70	DTE2353401150184	Trần Thị Thanh	Vân	96	Xuất sắc	
K20- MKT 3							
364	1	DTE2353401150225	Hoàng Phương	Anh	60	Trung bình	
365	2	DTE2353401150211	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	81	Tốt	
366	3	DTE2353401150210	Ma Thị Phương	Anh	85	Tốt	
367	4	DTE2353401150006	Phạm Việt	Anh	64	Trung bình	
368	5	DTE2353401150015	Pờ Duy	Anh	78	Khá	
369	6	DTE2353401150212	Trần Chu Quỳnh	Anh	83	Tốt	
370	7	DTE2353401150011	Đặng Ngọc	Ánh	80	Tốt	
371	8	DTE2353401150194	Ma Ngọc	Châm	47	Yếu	
372	9	DTE2353401150022	Đào Tùng	Chi	72	Khá	
373	10	DTE2353401150229	Nguyễn Thị Khánh	Chi	85	Tốt	
374	11	DTE2353401150024	Nguyễn Thùy	Chi	99	Xuất sắc	
375	12	DTE2353401150021	Trần Huyền	Chi	87	Tốt	
376	13	DTE2353401150029	Nguyễn Tùng	Dương	43	Yếu	
377	14	DTE2353401150193	Nguyễn Văn	Đức	68	Khá	
378	15	DTE2353401150037	Phạm Hương	Giang	73	Khá	
379	16	DTE2353401150042	Huỳnh Thị Thu	Hà	58	Trung bình	VPQC
380	17	DTE2353401150041	Nguyễn Thu	Hà	80	Tốt	
381	18	DTE2353401150038	Nguyễn Việt	Hà	50	Trung bình	
382	19	DTE2353401150195	Phan Thái	Hà	80	Tốt	
383	20	DTE2353401150215	Nguyễn Quỳnh	Hoa	100	Xuất sắc	
384	21	DTE2353401150058	Phạm Thu	Hoài	80	Tốt	
385	22	DTE2353401150062	Dương Minh	Hoàng	50	Trung bình	
386	23	DTE2353401150066	Hoàng Thị	Hồng	70	Khá	
387	24	DTE2353401150067	Mạc Thị Kim	Hồng	68	Khá	
388	25	DTE2353401150196	Nguyễn Ngô Mạnh	Hùng	66	Khá	
389	26	DTE2353401150216	Nguyễn Thị Thu	Huyền	78	Khá	
390	27	DTE2353401150076	Ngô Thiên	Hương	87	Tốt	
391	28	DTE2353401150077	Nguyễn Thu	Hương	94	Xuất sắc	
392	29	DTE2353401150084	Trần Duy	Lâm	56	Trung bình	BHYT

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
393	30	DTE2353401150217	Bùi Tuấn	Linh	51	Trung bình	
394	31	DTE2353401150090	Ngô Hoài	Linh	67	Khá	
395	32	DTE2353401150091	Nguyễn Mai	Linh	80	Tốt	
396	33	DTE2353401150218	Hoàng Thị	Ly	96	Xuất sắc	
397	34	DTE2353401150105	Nguyễn Thị Hương	Ly	60	Trung bình	
398	35	DTE2353401150116	Phạm Thị Thủy	Ngân	52	Trung bình	VPQC
399	36	DTE2353401150200	Nông Thị Bích	Ngọc	68	Khá	
400	37	DTE2353401150227	Tổng Thảo	Nguyên	68	Khá	
401	38	DTE2353401150236	Tổng Minh	Nguyệt	80	Tốt	
402	39	DTE2353401150120	Nguyễn Thảo	Nhi	72	Khá	
403	40	DTE2353401150126	Nguyễn Hồng	Nhung	93	Xuất sắc	
404	41	DTE2353401150208	Trần Hồng	Nhung	81	Tốt	
405	42	DTE2353401150220	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	55	Trung bình	VPQC
406	43	DTE2353401150129	Tạ Ngọc	Oanh	82	Tốt	
407	44	DTE2353401150140	Lăng Minh	Quang	55	Trung bình	
408	45	DTE2353401150138	Nguyễn Văn	Quang	92	Xuất sắc	
409	46	DTE2353401150139	Nguyễn Việt	Quang	80	Tốt	
410	47	DTE2353401150132	Nguyễn Trần	Phương	0	Kém	
411	48	DTE2353401150137	Nguyễn Minh	Quân	70	Khá	
412	49	DTE2353401150141	Lục Văn	Quý	80	Tốt	
413	50	DTE2353401150228	Phi Thị Thanh	Quỳnh	79	Khá	
414	51	DTE2353401150146	Vũ Giang Việt	Son	50	Trung bình	VPQC
415	52	DTE2353401150148	Lương Thị Thành	Tâm	72	Khá	
416	53	DTE2353401150155	Đồng Thị Yến	Thanh	88	Tốt	
417	54	DTE2353401150224	Nguyễn Thanh	Thảo	83	Tốt	
418	55	DTE2353401150257	Triệu Thị Phương	Thảo	80	Tốt	
419	56	DTE2353401150198	Nguyễn Thị	Thắm	88	Tốt	
420	57	DTE2353401150226	Hứa Đức	Thắng	62	Trung bình	
421	58	DTE2353401150160	Trần Thị Anh	Thơ	70	Khá	
422	59	DTE2353401150170	Nguyễn Thị Thu	Trang	72	Khá	
423	60	DTE2353401150173	Trần Thị Thanh	Trúc	70	Khá	
424	61	DTE2353401150180	Dương Thị Bạch	Tuyết	61	Trung bình	
425	62	DTE2353401150209	Trần Thị Ngọc	Uyên	59	Trung bình	
426	63	DTE2353401150186	Lê Thanh	Xuân	67	Khá	
427	64	DTE2353401150187	Đinh Thị Như	Ý	83	Tốt	
428	65	DTE2353401150224	Hoàng Thị Minh	Nhài	52	Trung bình	
429	66	DTE 2353401150199	Đặng Ích	Cương	0	Kém	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
430	67	DTE2353401150256	Đặng Xuân	Hùng	0	Kém	
K20- QTKD DL&KS							
431	1	DTE2358101030002	Nguyễn Vũ Ngọc	Anh	79	Khá	
432	2	DTE2358101030003	Ngô Thế	Cần	83	Tốt	
433	3	DTE2358101030038	Lương Thùy	Dung	81	Tốt	
434	4	DTE2358101030005	Nguyễn Thị Thái	Hà	80	Tốt	
435	5	DTE2358101030006	Vũ Ngọc	Hà	81	Tốt	
436	6	DTE2358101030009	Trần Thị	Hoài	52	Trung bình	
437	7	DTE2358101030040	Phạm Thị Nguyên	Hồng	72	Khá	
438	8	DTE2358101030039	Vũ Thị	Hồng	0	Kém	
439	9	DTE2358101030010	Hoàng Phương	Huế	77	Khá	
440	10	DTE2358101030011	Nguyễn Mạnh	Hùng	54	Trung bình	BHYT
441	11	DTE2358101030045	Đặng Quốc	Huy	88	Tốt	
442	12	DTE2358101030013	Hà Thanh	Huyền	65	Khá	
443	13	DTE2358101030014	Lộc Thị Ngọc	Khuyên	80	Tốt	
444	14	DTE2358101030041	Lê Minh	Kiên	37	Yếu	BHYT
445	15	DTE2358101030042	Đoàn Mai	Liên	43	Yếu	BHYT
446	16	DTE2358101030016	Ngô Thùy	Linh	79	Khá	
447	17	DTE2358101030019	Trần Văn	Nam	80	Tốt	
448	18	DTE2358101030021	Vy Thị	Nhé	93	Xuất sắc	
449	19	DTE2358101030022	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	70	Khá	
450	20	DTE2358101030023	Trần Thị Thu	Phương	80	Tốt	
451	21	DTE2358101030026	Hứa Thị Ánh	Sao	53	Trung bình	
452	22	DTE2358101030028	Lê Thị	Thanh	93	Xuất sắc	
453	23	DTE2358101030027	Dương Thị	Thắm	77	Khá	
454	24	DTE2358101030029	Nông Thị	Thu	80	Tốt	
455	25	DTE2358101030030	Nguyễn Hạnh	Trà	72	Khá	
456	26	DTE2358101030032	Lương Huyền	Trinh	75	Khá	
457	27	DTE2358101030001	Nguyễn Anh	Tú	39	Yếu	BHYT
458	28	DTE2358101030046	Vàng Thị	Út	93	Xuất sắc	
459	29	DTE2358101030043	Nguyễn Thị Thu	Uyên	63	Trung bình	
460	30	DTE2358101030034	Lưu Bích	Xuân	95	Xuất sắc	
461	31	DTE2358101030033	Tổng Thị	Xuân	81	Tốt	
462	32	DTE2358101030036	Hoàng Hải	Yến	67	Khá	
463	33	DTE2358101030035	Hoàng Thị	Yến	85	Tốt	
K20- KDQT							
464	1	DTE2353401200002	Nguyễn Thị Lan	Anh	72	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
465	2	DTE2353401200025	Nguyễn Thị Minh	Anh	90	Xuất sắc	
466	3	DTE2353401200001	Trần Minh	Anh	98	Xuất sắc	
467	4	DTE235340100004	Trương Nguyễn Văn	Anh	88	Tốt	
468	5	DTE2353401200026	Nguyễn Thùy	Địu	90	Xuất sắc	
469	6	DTE2353401200024	Nguyễn Hoàng	Đan	94	Xuất sắc	
470	7	DTE2353401200005	Ngô Thanh	Hà	69	Khá	
471	8	DTE2353401200006	Trần Thanh	Hà	81	Tốt	
472	9	DTE2353401200007	Nguyễn Thị	Hạnh	61	Trung bình	
473	10	DTE2353401200009	Chu Văn	Hồng	85	Tốt	
474	11	DTE2353401200011	Nguyễn Thị	Hường	75	Khá	
475	12	DTE2353401200012	Nguyễn Trung	Kiên	62	Trung bình	
476	13	DTE2353401200013	Nguyễn Thị Thanh	Lan	73	Khá	
477	14	DTE2353401200015	Tạ Bích	Ngọc	95	Xuất sắc	
478	15	DTE2353401200016	Tô Thị Khánh	Ninh	68	Khá	
479	16	DTE2353401200031	Hoàng Thị Mai	Phương	72	Khá	
480	17	DTE2353401200028	Lê Thu	Phương	83	Tốt	
481	18	DTE2353401200027	Nông Hải	Quân	89	Tốt	
482	19	DTE2353401200017	Trần Thị Ngọc	Quyên	75	Khá	
483	20	DTE2353401200018	Trần Thị Phương	Thảo	0	Kém	
484	21	DTE2353401200019	Đàm Mai	Thương	90	Xuất sắc	
485	22	DTE2353401200030	Nguyễn Quốc	Toàn	60	Trung bình	
486	23	DTE2303401200020	Diệp Thị	Trang	80	Tốt	
487	24	DTE2353401200021	Nguyễn Thị Thu	Trang	60	Trung bình	BHYT
488	25	DTE2353401200029	Vi Văn	Trưởng	50	Trung bình	BHYT
489	26	DTE2353401200022	Nguyễn Nhật	Tuấn	75	Khá	
490	27	DTE2353401200023	Trần Hải	Yến	75	Khá	
K21- MKT 1							
491	1	DTE2453401150006	Dương Thị Ngọc	Anh	71	Khá	
492	2	DTE2453401150013	Lê Minh	Anh	0	Kém	
493	3	DTE2453401150007	Nghiêm Hải	Anh	91	Xuất sắc	
494	4	DTE2453401150023	Nguyễn Thị Thùy	Anh	77	Khá	
495	5	DTE2453401150002	Phạm Trần Tuấn	Anh	56	Trung bình	
496	6	DTE2453401150018	Trần Thị Kim	Anh	61	Trung bình	BHYT
497	7	DTE2453401150011	Hoàng Thị	Ánh	60	Trung bình	
498	8	DTE2453401150012	Vi Nhật	Ánh	81	Tốt	
499	9	DTE2453401150026	Ngô Thị Thanh	Bình	66	Khá	
500	10	DTE2453401150030	Trương Thị Kim	Chi	78	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
501	11	DTE2453401150033	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	52	Trung bình	VPQC
502	12	DTE2453401150039	Ma Ly	Dung	91	Xuất sắc	
503	13	DTE2453401150048	Hà Thị Kỳ	Duyên	81	Tốt	
504	14	DTE2453401150047	Tạ Thị	Duyên	94	Xuất sắc	
505	15	DTE2453401150040	Nguyễn Thùy	Dương	58	Trung bình	
506	16	DTE2453401150230	Phan Thành	Đạt	32	Kém	BHYT
507	17	DTE2453401150059	Ma Thị	Hà	80	Tốt	
508	18	DTE2453401150242	Nguyễn Thu	Hà	73	Khá	
509	19	DTE2453401150057	Nguyễn Nhật	Hạ	91	Xuất sắc	
510	20	DTE2453401150063	Nguyễn Thị Thu	Hằng	85	Tốt	
511	21	DTE2453401150065	Phan Thị	Hằng	80	Tốt	
512	22	DTE2453401150072	Nguyễn Thu	Hiền	72	Khá	
513	23	DTE2453401150075	Dương Thị	Hoa	81	Tốt	
514	24	DTE2453401150079	Nguyễn Thị	Hoa	79	Khá	
515	25	DTE2453401150081	Lê Thị Thu	Hoài	96	Xuất sắc	
516	26	DTE2453401150080	Lý Thu	Hoài	0	Kém	
517	27	DTE2453401150083	Lê Việt	Hoàng	89	Tốt	
518	28	DTE2453401150085	Trần Thị	Huế	91	Xuất sắc	
519	29	DTE2453401150087	Vi Thị	Huệ	89	Tốt	
520	30	DTE2453401150089	Trương Công	Hùng	52	Trung bình	
521	31	DTE2453401150097	Trương Công	Huy	62	Trung bình	
522	32	DTE2453401150099	Phạm Thị Thanh	Huyền	82	Tốt	
523	33	DTE2453401150098	Vũ Thị	Huyền	80	Tốt	
524	34	DTE2453401150090	Nguyễn Mạnh	Hung	87	Tốt	
525	35	DTE2453401150105	Bằng Duy	Khanh	0	Kém	
526	36	DTE2453401150110	Đỗ Thị	Lan	91	Xuất sắc	
527	37	DTE2453401150115	Nguyễn Ngọc	Linh	78	Khá	
528	38	DTE2453401150120	Nguyễn Thùy	Linh	91	Xuất sắc	
529	39	DTE2453401150126	Phạm Thị Phương	Linh	82	Tốt	
530	40	DTE2453401150119	Trần Khánh	Linh	64	Trung bình	
531	41	DTE2453401150117	Triệu Yên	Linh	72	Khá	
532	42	DTE2453401150113	Trương Ngọc	Linh	80	Tốt	
533	43	DTE2453401150130	Dương Thị Hiền	Luong	64	Trung bình	
534	44	DTE2453401150133	Phạm Thị	Lý	79	Khá	
535	45	DTE2453401150136	Tạ Thị Thùy	Miên	68	Khá	
536	46	DTE2453401150139	Nguyễn Trà	My	80	Tốt	
537	47	DTE2453401150140	Lê Nguyễn Phương	Nga	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
538	48	DTE2453401150149	Đỗ Yến	Nhi	83	Tốt	
539	49	DTE2453401150250	Thân Thị Hồng	Nhung	79	Khá	
540	50	DTE2453401150162	Đàm Đức	Phương	52	Trung bình	
541	51	DTE2453401150163	Nông Thị Mai	Phương	79	Khá	
542	52	DTE2453401150159	Trần Lan	Phương	0	Kém	
543	53	DTE2453401150165	Đỗ Minh	Quân	85	Tốt	
544	54	DTE2453401150256	Dương Thị Phương	Thảo	81	Tốt	
545	55	DTE2453401150182	Lê Thị	Thảo	70	Khá	
546	56	DTE2453401150254	Lò Mạnh	Thắng	0	Kém	
547	57	DTE2453401150185	Phạm Dịu	Thêu	88	Tốt	
548	58	DTE2453401150187	Ma Thị	Thoa	56	Trung bình	
549	59	DTE2453401150188	Dương Thị	Thom	71	Khá	
550	60	DTE2453401150197	Nguyễn Diệu	Thùy	91	Xuất sắc	
551	61	DTE2453401150196	Bùi Minh	Thúy	80	Tốt	
552	62	DTE2453401150194	Trần Thị	Thương	70	Khá	
553	63	DTE2453401150209	Đinh Huyền	Trang	71	Khá	
554	64	DTE2453401150210	Bùi Thị	Trinh	78	Khá	
555	65	DTE2453401150225	Cao Thị Hải	Yến	78	Khá	
556	66	DTE2453401150227	Nguyễn Thị Hải	Yến	96	Xuất sắc	
557	67	DTE2453401150224	Trần Ngọc	Yến	78	Khá	
K21- MKT 2							
558	1	DTE2453401150024	Lê Thị Lan	Anh	0	Kém	
559	2	DTE2453401150015	Vũ Thị Ngọc	Anh	71	Khá	
560	3	DTE2453401150008	Dương Ngọc	Ánh	65	Khá	
561	4	DTE2453401150009	Hồ Ngọc	Ánh	75	Khá	
562	5	DTE2453401150016	Lương Thị Ngọc	Ánh	55	Trung bình	VPQC
563	6	DTE2453401150019	Nguyễn Thị	Ánh	80	Tốt	
564	7	DTE2453401150005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	80	Tốt	
565	8	DTE2453401150235	Nguyễn Thị Hải	Bích	56	Trung bình	
566	9	DTE2453401150028	Nguyễn Thị Yến	Chi	66	Khá	
567	10	DTE2453401150032	Trịnh Văn	Chiến	51	Trung bình	
568	11	DTE2453401150035	Nguyễn Thị	Cúc	72	Khá	
569	12	DTE2453401150236	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	79	Khá	
570	13	DTE2453401150239	Vũ Mạnh	Dũng	55	Trung bình	BHYT
571	14	DTE2453401150043	Lê Hồng	Dương	72	Khá	
572	15	DTE2453401150053	Đặng Văn	Giang	55	Trung bình	
573	16	DTE2453401150050	Tạ Thị	Giang	67	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
574	17	DTE2453401150055	Vũ Hương	Giang	73	Khá	
575	18	DTE2453401150049	Vũ Thị Hương	Giang	90	Xuất sắc	
576	19	DTE2453401150058	Nguyễn Thu	Hà	78	Khá	
577	20	DTE2453401150068	Trần Thị Nam	Hào	59	Trung bình	
578	21	DTE2453401150066	Nguyễn Thanh	Hằng	0	Kém	
579	22	DTE2453401150064	Trần Thu	Hằng	80	Tốt	
580	23	DTE2453401150074	Ma Thị	Hiệp	73	Khá	
581	24	DTE2453401150086	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	72	Khá	
582	25	DTE2453401150246	Nguyễn Thanh	Huyền	71	Khá	
583	26	DTE2453401150101	Nguyễn Thị	Huyền	80	Tốt	
584	27	DTE2453401150103	Phạm Thị Thu	Huyền	80	Tốt	
585	28	DTE2453401150102	Tạ Thanh	Huyền	93	Xuất sắc	
586	29	DTE2453401150095	Vũ Thị	Hường	56	Trung bình	
587	30	DTE2453401150107	Phạm Duy	Khánh	0	Kém	
588	31	DTE2453401150108	Đoàn Ngọc	Lan	80	Tốt	
589	32	DTE2453401150118	Hoàng Thùy	Linh	81	Tốt	
590	33	DTE2453401150124	Lê Ngọc	Linh	82	Tốt	
591	34	DTE2453401150116	Tạ Thị	Linh	81	Tốt	
592	35	DTE2453401150129	Thân Thị	Lợi	39	Yếu	BHYT
593	36	DTE2453401150132	Bùi Thị Tuyết	Ly	67	Khá	
594	37	DTE2453401150248	Bùi Đăng	Mạnh	58	Trung bình	
595	38	DTE2453401150138	Nguyễn Huyền	My	51	Trung bình	
596	39	DTE2453401150249	Đỗ Thị Phương	Ngọc	51	Trung bình	
597	40	DTE2453401150143	Nguyễn Bảo	Ngọc	75	Khá	
598	41	DTE2453401150273	Nguyễn Xuân	Nguyên	55	Trung bình	
599	42	DTE2453401150147	Trần Thảo	Nguyên	80	Tốt	
600	43	DTE2453401150153	Lê Thị Hồng	Nhung	74	Khá	
601	44	DTE2453401150161	Nguyễn Minh	Phương	70	Khá	
602	45	DTE2453401150167	Nguyễn Tiến	Quang	0	Kém	
603	46	DTE2453401150170	Dương Thị Như	Quỳnh	74	Khá	
604	47	DTE2453401150171	Phan Thúy	Quỳnh	73	Khá	
605	48	DTE2453401150175	Nguyễn Minh	Tâm	90	Xuất sắc	
606	49	DTE2453401150177	Nguyễn Việt	Tân	62	Trung bình	
607	50	DTE2453401150255	Hoàng Thị Thanh	Thảo	72	Khá	
608	51	DTE2453401150198	Đoàn Thị Thanh	Thúy	90	Xuất sắc	
609	52	DTE2453401150191	Nguyễn Song	Thư	72	Khá	
610	53	DTE2453401150190	Nguyễn Thị Anh	Thư	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
611	54	DTE2453401150264	Phạm Vũ Thùy	Tiên	0	Kém	
612	55	DTE2453401150202	Nguyễn Thị	Trà	74	Khá	
613	56	DTE2453401150204	Cù Huyền	Trang	80	Tốt	
614	57	DTE2453401150206	Lê Thị	Trang	77	Khá	
615	58	DTE2453401150268	Lý Vũ Quỳnh	Trang	48	Yếu	
616	59	DTE2453401150265	Nguyễn Lê Thu	Trang	80	Tốt	
617	60	DTE2453401150212	Lê Đức Thanh	Tú	54	Trung bình	
618	61	DTE2453401150213	Hà Thị Ánh	Tuyết	52	Trung bình	
619	62	DTE2453401150218	Ngô Văn	Vân	61	Trung bình	
620	63	DTE2453401150220	Nguyễn Hà	Vi	75	Khá	
621	64	DTE2453401150223	Đoàn Yên	Vy	75	Khá	
622	65	DTE2453401150226	Đặng Thị	Yên	53	Trung bình	
K21- MKT 3							
623	1	DTE2453401150001	Nguyễn Khắc	An	79	Khá	
624	2	DTE2453401150014	Bùi Huy	Anh	60	Trung bình	
625	3	DTE2453401150010	Chu Quang	Anh	25	Kém	BHYT
626	4	DTE2453401150004	Nguyễn Mai	Anh		Kém	BHYT
627	5	DTE2453401150027	Ngô Minh	Châu	90	Xuất sắc	
628	6	DTE2453401150029	Nguyễn Linh	Chi	39	Yếu	BHYT
629	7	DTE2453401150036	Lê Phương	Diện	80	Tốt	
630	8	DTE2453401150037	Hà Thị Bích	Diệu	77	Khá	
631	9	DTE2453401150038	Nguyễn Thị Mến	Dung	65	Khá	
632	10	DTE2453401150045	Vi Thế	Duy	37	Yếu	BHYT
633	11	DTE2453401150046	Ngô Thị Mỹ	Duyên	90	Xuất sắc	
634	12	DTE2453401150042	Phan Thùy	Dương	81	Tốt	
635	13	DTE2453401150044	Tô Thị Kiều	Dương	69	Khá	
636	14	DTE2453401150054	Tạ Thị	Giang	80	Tốt	
637	15	DTE2453401150052	Trần Hương	Giang	80	Tốt	
638	16	DTE2453401150061	Nguyễn Minh	Hà	86	Tốt	
639	17	DTE2453401150060	Trần Thị Ngọc	Hà	77	Khá	
640	18	DTE2453401150067	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	71	Khá	
641	19	DTE2453401150069	Đào Thanh	Hiền	83	Tốt	
642	20	DTE2453401150071	Lưu Thị Thu	Hiền	0	Kém	
643	21	DTE2453401150082	Nguyễn Huy	Hoàng	37	Yếu	BHYT
644	22	DTE2453401150084	Hà Ngọc	Hồi	81	Tốt	
645	23	DTE2453401150100	Dương Thị Ngọc	Huyền	67	Khá	
646	24	DTE2453401150091	Phạm Gia	Hung		Kém	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
647	25	DTE2453401150092	Lê Mai	Hương	77	Khá	
648	26	DTE2453401150093	Nguyễn Thị Xuân	Hương	61	Trung bình	BHYT
649	27	DTE2453401150245	Trương Thị Mai	Hương	0	Kém	BHYT
650	28	DTE2453401150104	Đỗ Ngọc	Khá	80	Tốt	
651	29	DTE2453401150106	Nguyễn Hoàng Hoa	Khánh		Kém	
652	30	DTE2453401150111	Bùi Ngọc	Lan	81	Tốt	
653	31	DTE2453401150109	Hà Thị	Lan	90	Xuất sắc	
654	32	DTE2453401150112	Tơ Thị Dương	Liễu	78	Khá	
655	33	DTE2453401150114	Đỗ Hà	Linh		Kém	BHYT
656	34	DTE2453401150123	Hoàng Thị Diệu	Linh	76	Khá	
657	35	DTE2453401150121	Lương Thảo	Linh	70	Khá	
658	36	DTE2453401150125	Nguyễn Kiều	Linh	67	Khá	
659	37	DTE2453401150122	Nguyễn Thị Huệ	Linh	77	Khá	
660	38	DTE2453401150128	Trần Khánh	Linh	71	Khá	
661	39	DTE2453401150131	Đặng Thị	Luyện	79	Khá	
662	40	DTE2453401150267	Nguyễn Lê Thị Lưu	Ly	0	Kém	BHYT
663	41	DTE2453401150137	Phạm Thị	My	81	Tốt	
664	42	DTE2453401150141	Diệp Thị	Nga	81	Tốt	
665	43	DTE2453401150145	Đặng Bích	Ngọc	77	Khá	
666	44	DTE2453401150146	Đỗ Thị Thảo	Nguyên	62	Trung bình	
667	45	DTE2453401150150	Dương Yến	Nhi	59	Trung bình	
668	46	DTE2453401150154	Ma Thị Hương	Nhung	90	Xuất sắc	
669	47	DTE2453401150152	Lê Dung	Như	77	Khá	
670	48	DTE2453401150151	Nguyễn Thị	Như	79	Khá	
671	49	DTE2453401150155	Trần Kim	Oanh	72	Khá	
672	50	DTE2453401150156	Văn Thị Phấn	Phấn	59	Trung bình	
673	51	DTE2453401150157	Nguyễn Thế	Phong	49	Yếu	
674	52	DTE2453401150164	Hoàng Thị Mai	Phương	37	Yếu	BHYT
675	53	DTE2453401150160	Lưu Thị Minh	Phương	90	Xuất sắc	
676	54	DTE2453401150158	Nguyễn Thị	Phượng	90	Xuất sắc	
677	55	DTE2453401150169	Lê Thị Mỹ	Quyên	91	Xuất sắc	
678	56	DTE2453401150173	Đỗ Hoài	Son	0	Kém	BHYT
679	57	DTE2453401150176	Dương Thị Thanh	Tâm			BẢO LƯU
680	58	DTE2453401150179	Nguyễn Văn	Thanh	89	Tốt	
681	59	DTE2453401150181	Trần Thu	Thảo	79	Khá	
682	60	DTE2453401150178	Hoàng Hồng	Thắm	86	Tốt	
683	61	DTE2453401150186	Trần Thị	Thơ	90	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
684	62	DTE2453401150189	Tạ Thị Minh	Thơm	80	Tốt	
685	63	DTE2453401150195	Nguyễn Minh	Thùy			BẢO LƯU
686	64	DTE2453401150193	Hoàng Diệu	Thương	77	Khá	
687	65	DTE2453401150199	Ngô Thế	Toàn	0	Kém	BHYT
688	66	DTE2453401150201	Nguyễn Thị Thu	Trà	63	Trung bình	
689	67	DTE2453401150207	Nguyễn Thùy	Trang	79	Khá	
690	68	DTE2453401150205	Tạ Vũ Thị Huyền	Trang	90	Xuất sắc	
691	69	DTE2453401150203	Trần Huyền	Trang	57	Trung bình	
692	70	DTE2453401150216	Ngô Thị Thu	Uyên	90	Xuất sắc	
693	71	DTE2453401150215	Nguyễn Thị Thu	Uyên	79	Khá	
K21-MKT 4							
694	1	DTE2453401150231	Đàm Bình	An	0	Kém	
695	2	DTE2453401150021	Hà Vân	Anh	91	Xuất sắc	
696	3	DTE2453401150269	Lôi Tuấn	Anh	90	Xuất sắc	
697	4	DTE2453401150022	Lý Nhật Thái	Anh	43	Yếu	BHYT
698	5	DTE2453401150020	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	79	Khá	
699	6	DTE2453401150232	Lý Ngọc	Ánh	73	Khá	
700	7	DTE2453401150031	Nông Thị Yến	Chi	80	Tốt	
701	8	DTE2453401150237	Phan Huyền	Diệu	70	Khá	
702	9	DTE2453401150240	Cao Khánh	Duy	52	Trung bình	BHYT
703	10	DTE2453401150278	Nguyễn Thùy	Dương	72	Khá	
704	11	DTE2453401150281	Dương Nguyễn Tiến	Đạt	20	Kém	
705	12	DTE2453401150229	Linh Tuấn	Đạt	40	Yếu	BHYT
706	13	DTE2453401150261	Trịnh Tiến	Đạt	30	Kém	BHYT
707	14	DTE2453401150277	Nguyễn Văn	Đồng	88	Tốt	
708	15	DTE2453401150241	Lý Sinh	Giang	0	Kém	
709	16	DTE2453401150270	Nguyễn Bùi Tuệ	Giang	42	Yếu	BHYT
710	17	DTE2453401150051	Tạ Thị	Giang	62	Trung bình	
711	18	DTE2453401150056	Hoàng Thanh	Hà	80	Tốt	
712	19	DTE2453401150287	Nịnh Thị Nguyệt	Hà	0	Kém	
713	20	DTE2453401150243	Nguyễn Thị Thanh	Hải	88	Tốt	
714	21	DTE2453401150283	Lê Thị Hồng	Hạnh	72	Khá	
715	22	DTE2453401150070	Hoàng Thu	Hiền	85	Tốt	
716	23	DTE2453401150078	Hoàng Ngọc Quỳnh	Hoa	30	Kém	
717	24	DTE2453401150076	Nguyễn Thị	Hoa	85	Tốt	
718	25	DTE2453401150263	Tổng Thanh	Hoa	71	Khá	
719	26	DTE2453401150077	Vi Thị Ngọc	Hoa	83	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
720	27	DTE2453401150279	Dương Thị Thu	Huệ	25	Kém	
721	28	DTE2453401150088	Phạm Thị	Huệ	46	Yếu	VPQC
722	29	DTE2453401150096	Thuận Quang	Huy	60	Trung bình	BHYT
723	30	DTE2453401150284	Nguyễn Thị Thu	Hương	70	Khá	
724	31	DTE2453401150266	Phạm Thị	Khuyên	60	Trung bình	BHYT
725	32	DTE2453401150247	Đồng Thị Hồng	Liên	81	Tốt	
726	33	DTE2453401150127	Nguyễn Thị Phương	Linh	92	Xuất sắc	
727	34	DTE2453401150289	Khổng Ngọc	Mai	91	Xuất sắc	
728	35	DTE2453401150135	Lương Xuân	Mai	75	Khá	
729	36	DTE2453401150276	Lưu Đức	Minh	70	Khá	
730	37	DTE2453401150142	Nguyễn Hoàng	Ngân	10	Kém	
731	38	DTE2453401150144	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	92	Xuất sắc	
732	39	DTE2453401150262	Phương Thị	Nguyệt	88	Tốt	
733	40	DTE2453401150252	Lý Minh	Phương	82	Tốt	
734	41	DTE2453401150271	Lưu Thị	Phượng	88	Tốt	
735	42	DTE2453401150253	Đồng Ngọc	Quang	65	Khá	BHYT
736	43	DTE2453401150280	Lý Minh	Quân	65	Khá	
737	44	DTE2453401150285	Trần Trọng	Thành	35	Yếu	BHYT
738	45	DTE2453401150184	Nguyễn Văn	Thảo	65	Khá	
739	46	DTE2453401150282	Bùi Quỳnh	Trang	79	Khá	
740	47	DTE2453401150208	Ngô Thị	Trang	73	Khá	
741	48	DTE2453401150258	Nguyễn Quỳnh	Trâm	90	Xuất sắc	
742	49	DTE2453401150260	Ngô Công	Trung	62	Trung bình	BHYT
743	50	DTE2453401150288	Trần Thị Minh	Tuyết	94	Xuất sắc	
744	51	DTE2453401150219	Nguyễn Hà	Vi	88	Tốt	
745	52	DTE2453401150221	Nguyễn Yên	Vi	93	Xuất sắc	
746	53	DTE2453401150222	Tạ Quốc	Việt	85	Tốt	
747	54	DTE2453401150286	Lê Thị Hải	Yên	80	Tốt	
748	55	DTE2453401150228	Nguyễn Thị Hải	Yên	30	Kém	BHYT
K21- QTDV DLLH							
749	1	DTE2458101030006	Hoàng Ngọc	Anh	77	Khá	
750	2	DTE2458101030104	Lưu Thị Lan	Anh	90	Xuất sắc	
751	3	DTE2458101030099	Nguyễn Ngọc	Anh	62	Trung bình	
752	4	DTE2458101030007	Nguyễn Phương	Anh	78	Khá	
753	5	DTE2458101030005	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	74	Khá	
754	6	DTE2458101030008	Nông Tuấn	Anh	63	Trung bình	
755	7	DTE2458101030004	Phạm Ngọc	Anh	0	Kém	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
756	8	DTE2458101030003	Hoàng Thị Hồng	Ánh	60	Trung bình	VPQC
757	9	DTE2458101030001	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	84	Tốt	
758	10	DTE2458101030074	Nông Hà	Bắc	71	Khá	
759	11	DTE2458101030009	Bùi Thị Lệ	Bình	82	Tốt	
760	12	DTE2458101030075	Nguyễn Thị Bảo	Châm	90	Xuất sắc	
761	13	DTE2458101030010	Trần Khánh	Chi	66	Khá	
762	14	DTE2458101030097	Nguyễn Thế	Chiến	78	Khá	
763	15	DTE2458101030086	Hoàng Quốc	Cường	80	Tốt	
764	16	DTE2458101030092	Trịnh Trí	Cường	74	Khá	
765	17	DTE2458101030076	Đàm Thị	Dung	52	Trung bình	
766	18	DTE2458101030090	Nguyễn Văn	Đại	54	Trung bình	
767	19	DTE2458101030073	Nguyễn Minh	Đức	87	Tốt	
768	20	DTE2458101030011	Nguyễn Quỳnh	Giang	91	Xuất sắc	
769	21	DTE2458101030012	Triệu Thị Trang	Hà	72	Khá	
770	22	DTE2458101030013	Đặng Thị Hồng	Hạnh	80	Tốt	
771	23	DTE2458101030093	Triệu Thị Vân	Hiên	58	Trung bình	
772	24	DTE2458101030016	Nguyễn Thị	Hoa	81	Tốt	
773	25	DTE2458101030017	Trần Thanh	Hoài	80	Tốt	
774	26	DTE2458101030018	Tần Kim	Hoán	71	Khá	
775	27	DTE2458101030019	Nguyễn Thị	Hồng	60	Trung bình	
776	28	DTE2458101030020	Lý Thu	Huệ	78	Khá	
777	29	DTE2458101030021	Nông Thị	Huệ	65	Khá	
778	30	DTE2458101030023	Lộc Văn	Hùng	94	Xuất sắc	
779	31	DTE2458101030098	Phạm Hải	Hùng	0	Kém	
780	32	DTE2458101030103	Douangsavath	Jackky	56	Trung bình	
781	33	DTE2458101030026	Dương Thị Ngọc	Khuê	65	Khá	
782	34	DTE2458101030029	Dương Ngọc	Lan	80	Tốt	
783	35	DTE2458101030028	Phạm Thị	Lan	81	Tốt	
784	36	DTE2458101030030	Hoàng Thị Nhật	Lệ	67	Khá	
785	37	DTE2458101030031	Triệu Thị	Liên	80	Tốt	
786	38	DTE2458101030032	Ngô Ngọc Bảo	Linh	80	Tốt	
787	39	DTE2458101030035	Nguyễn Khánh	Linh	93	Xuất sắc	
788	40	DTE2458101030033	Nguyễn Thị	Linh	90	Xuất sắc	
789	41	DTE2458101030036	Lưu Thị Khánh	Ly	70	Khá	
790	42	DTE2458101030095	Nguyễn Ngọc	Ly	58	Trung bình	
791	43	DTE2458101030078	Trần Khánh	Ly	90	Xuất sắc	
792	44	DTE2458101030037	Lò Thị Phương	Mai	65	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
793	45	DTE2458101030089	Lê Quang	Minh	80	Tốt	
794	46	DTE2458101030038	Phạm Hoàng	Nam	81	Tốt	
795	47	DTE2458101030041	Đào Bích	Ngọc	72	Khá	
796	48	DTE2458101030040	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	91	Xuất sắc	
797	49	DTE2458101030079	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	71	Khá	
798	50	DTE2458101030042	Nguyễn Viết Khôi	Nguyên	0	Kém	
799	51	DTE2458101030080	Hoàng Lệ	Nhật	91	Xuất sắc	
800	52	DTE2458101030045	Hà Thị	Nội	78	Khá	
801	53	DTE2458101030102	Pathoumvanh	Phouthalack	81	Tốt	
802	54	DTE2458101030046	Mai Thu	Phuong	66	Khá	
803	55	DTE2458101030047	Ngô Thị Hoàng	Phuong	71	Khá	
804	56	DTE2458101030048	Vũ Minh	Quân	80	Tốt	
805	57	DTE2458101030049	Nguyễn Văn	Quỳnh	68	Khá	
806	58	DTE2458101030050	Phan Minh	Tâm	80	Tốt	
807	59	DTE2458101030051	Nguyễn Tiến	Thành	48	Yếu	
808	60	DTE2458101030052	Bùi Thị Hương	Thảo	80	Tốt	
809	61	DTE2458101030054	Đinh Thị Thu	Thảo	53	Trung bình	
810	62	DTE2458101030053	Nguyễn Phương	Thảo	51	Trung bình	
811	63	DTE2458101030055	Vũ Phương	Thảo	80	Tốt	
812	64	DTE2458101030056	Phùng Thị Minh	Thư	80	Tốt	
813	65	DTE2458101030058	Hoàng Thị	Thương	64	Trung bình	
814	66	DTE2458101030088	Nguyễn Tiến	Toàn	0	Kém	
815	67	DTE2458101030059	Diệp Thị Thanh	Trà	71	Khá	
816	68	DTE2458101030062	Hoàng Thu	Trang	90	Xuất sắc	
817	69	DTE2458101030061	Lê Minh	Trang	70	Khá	
818	70	DTE2458101030063	Phạm Minh	Trang	67	Khá	
819	71	DTE2458101030081	Trần Thị Thùy	Trâm	71	Khá	
820	72	DTE2458101030065	Bùi Thị Cẩm	Tú	80	Tốt	
821	73	DTE2458101030082	Hoàng Việt	Tường	46	Yếu	
822	74	DTE2458101030066	Nguyễn Hoàng	Uyên	72	Khá	
823	75	DTE2458101030085	Bùi Thảo	Vân	70	Khá	
824	76	DTE2458101030069	Triệu Thế	Vinh	90	Xuất sắc	
825	77	DTE2458101030071	Lý Hải	Yến	78	Khá	
826	78	DTE2458101030072	Tạ Thị Hải	Yến	75	Khá	
		K21-KDQT					
827	1	DTE2453401200001	Nguyễn Ngọc	Ánh	81	Tốt	
828	2	DTE2453401200025	Boutsady	Daophanongkhan	59	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
829	3	DTE2453401200023	Nguyễn Thị	Dịu	70	Khá	
830	4	DTE2453401200002	Đỗ Thùy	Dương	80	Tốt	
831	5	DTE2453401200003	Nguyễn Thu	Hoài	90	Xuất sắc	
832	6	DTE2453401200018	Nguyễn Thị Thu	Hồng	83	Tốt	
833	7	DTE2453401200019	Nguyễn Thị	Huế	86	Tốt	
834	8	DTE2453401200020	Đinh Ngọc	Huyền	80	Tốt	
835	9	DTE2453401200004	Bùi Thị Thu	Hường	60	Trung bình	
836	10	DTE2453401200005	Triệu Ngọc	Luyến	95	Xuất sắc	
837	11	DTE2453401200006	Trịnh Khánh	Ly	85	Tốt	
838	12	DTE2453401200007	Hoàng Thị Minh	Ngọc	80	Tốt	
839	13	DTE2453401200009	Nghiêm Thị Hồng	Ngọc	70	Khá	
840	15	DTE2453401200010	Nguyễn Sỹ	Nguyên	59	Trung bình	
841	16	DTE2453401200022	Lò Thị	Nguyệt	69	Khá	
842	17	DTE2453401200011	Bùi Thị Hồng	Nhung	60	Trung bình	
843	18	DTE2453401200012	Nguyễn Thu	Phương	58	Trung bình	
844	19	DTE2453401200013	Chu Thị	Thanh	90	Xuất sắc	
845	20	DTE2453401200014	Nguyễn Thị	Thu	57	Trung bình	
846	21	DTE2453401200015	Huỳnh Thảo	Trang	60	Trung bình	
847	22	DTE2453401200024	Lê Thị Hương	Trang	68	Khá	
848	23	DTE2453401200017	Nguyễn Thị	Yến	86	Tốt	

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	126
Tốt	247
Khá	246
Trung bình	139
Yếu	37
Kém	50
Không xét (bảo lưu)	3
Tổng	848

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
KHOA NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH**

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số 878/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 29 tháng 7 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
LỚP K19 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A							
1	1	DTE2253402010029	Cao Phương	Anh	70	Khá	
2	2	DTE2253402010013	Chu Quang	Anh	99	Xuất sắc	
3	3	DTE2253402010030	Dương Quỳnh	Anh	80	Tốt	
4	4	DTE2253402010011	Đinh Quỳnh	Anh	70	Khá	
5	5	DTE2253402010014	Hoàng Phương	Anh	78	Khá	
6	6	DTE2253402010115	Hoàng Thị Vân	Anh	80	Tốt	BHYT
7	7	DTE2253402010001	Nguyễn Bùi Hồng	Anh	83	Tốt	
8	8	DTE2253402010012	Nguyễn Phương	Anh	64	Trung bình	VPQC
9	9	DTE2253402010031	Trịnh Mai	Anh	85	Tốt	
10	10	DTE2253402010015	Hoàng Thị Hồng	Ánh	94	Xuất sắc	
11	11	DTE2253402010138	Nguyễn Gia	Bảo	97	Xuất sắc	
12	12	DTE2253402010016	Ngô Kim	Chi	86	Tốt	
13	13	DTE2253402010117	Nguyễn Thị	Chi	80	Tốt	
14	14	DTE2253402010032	Nguyễn Tú	Chi	96	Xuất sắc	
15	15	DTE2253402010033	Nguyễn Ngọc	Diệp	70	Khá	
16	16	DTE2253402010017	Trần Thị Kim	Dung	85	Tốt	
17	17	DTE2253402010034	Nguyễn Thị Thùy	Dương	95	Xuất sắc	
18	18	DTE2253402010124	Bùi Đình Nguyên	Giáp	70	Khá	
19	19	DTE2253402010118	Đinh Nguyệt	Hàng	94	Xuất sắc	
20	20	DTE2253402010002	Nguyễn Thu	Hiền	100	Xuất sắc	
21	21	DTE2253402010018	Vũ Thu	Hiền	92	Xuất sắc	
22	22	DTE2253402010145	Đào Thị Ngọc	Hiếu	60	Trung bình	
23	23	DTE2253402010125	Lương Trung	Hiếu	70	Khá	
24	24	DTE2253402010136	Trần Thị Thu	Hoài	90	Xuất sắc	
25	25	DTE2253402010036	Vũ Quốc	Hoàng	70	Khá	
26	26	DTE2253402010020	Bùi Quốc	Huy	82	Tốt	
27	27	DTE2253402010007	Nguyễn Trần Gia	Huy	50	Trung bình	BHYT
28	28	DTE2253402010004	Vương Khánh	Huyền	76	Khá	
29	29	DTE2253402010037	An Thu	Hương	93	Xuất sắc	
30	30	DTE2253402010140	Nguyễn Thị Kiều	Hương	83	Tốt	
31	31	DTE2253402010119	Phạm Thị	Hương	90	Xuất sắc	
32	32	DTE2253402010038	Đỗ Thúy	Hường	98	Xuất sắc	
33	33	DTE2253402010022	Nguyễn Duy	Khánh	70	Khá	
34	34	DTE2253402010039	Phạm Minh	Khoa	60	Trung bình	BHYT
35	35	DTE2253402010126	Trần Tuấn	Khoa	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
36	36	DTE2253402010005	Trần Trung	Kiên	80	Tốt	
37	37	DTE2253402010023	Hoàng Thị	Là	90	Xuất sắc	
38	38	DTE2253402010024	Lý Thị	Lan	76	Khá	
39	39	DTE2253402010131	Vàng Thị	Lường	91	Xuất sắc	
40	40	DTE2253402010026	Nguyễn Chi	Mai	100	Xuất sắc	
41	41	DTE2253402010042	Phạm Thúy	Ngân	82	Tốt	
42	42	DTE2253402010027	Hoàng Thị	Nha	85	Tốt	
43	43	DTE2253402010147	Lý Thu	Phương	100	Xuất sắc	
44	44	DTE2253402010009	Dương Thúy	Quỳnh	97	Xuất sắc	
45	45	DTE2253402010008	Vũ Như	Quỳnh	98	Xuất sắc	
46	46	DTE2253402010045	Nguyễn Thị	Thu	86	Tốt	
47	47	DTE2253402010122	Lâm Thị Thanh	Thủy	80	Tốt	
48	48	DTE2253402010137	Nguyễn Thị	Tuyến	88	Tốt	
49	49	DTE2253402010142	Trương Thị Phương	Uyên	80	Tốt	BHYT
50	50	DTE2253402010047	Bùi Thế	Vinh	75	Khá	
51	51	DTE2253402010048	Nguyễn Hà	Vy	84	Tốt	
52	52	DTE2253402010049	Lê Hải	Yến	70	Khá	
LỚP K19 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B							
53	1	DTE2253402010050	Nguyễn Triệu Tiến	An	60	Trung bình	
54	2	DTE2253402010069	Hứa Tú	Anh	46	Yếu	
55	3	DTE2253402010070	Nguyễn Việt	Anh	70	Khá	
56	4	DTE2253402010053	Lộc Thị Minh	Ánh	65	Khá	
57	5	DTE2253402010134	Nguyễn Thị	Chanh	93	Xuất sắc	
58	6	DTE2253402010072	Nguyễn Mạnh	Dũng	80	Tốt	
59	7	DTE2253402010055	Nguyễn Thị Bạch	Dương	80	Tốt	
60	8	DTE2253402010073	Nguyễn Hương	Giang	85	Tốt	
61	9	DTE2253402010075	Nguyễn Thị	Hằng	85	Tốt	
62	10	DTE2253402010078	Dương Thu	Hiên	95	Xuất sắc	
63	11	DTE2253402010141	Ngô Văn	Hiệp	51	Trung bình	
64	12	DTE2253402010079	Nguyễn Xuân	Hòa	51	Trung bình	
65	13	DTE2253402010081	Vũ Thị Thu	Huyền	70	Khá	
66	14	DTE2253402010082	Đinh Thị	Lam	74	Khá	
67	15	DTE2253402010083	Đinh Ngọc	Lan	74	Khá	
68	16	DTE2253402010085	Lý Thị Ngọc	Linh	98	Xuất sắc	
69	17	DTE2253402010087	Ma Thùy	Linh	56	Trung bình	
70	18	DTE2253402010086	Nguyễn Hương	Linh	98	Xuất sắc	
71	19	DTE2253402010135	Đặng Thị	Luyên	75	Khá	
72	20	DTE2253402010090	Nguyễn Trà	My	53	Trung bình	
73	21	DTE2253402010091	Đặng Trần Vũ	Nam	95	Xuất sắc	
74	22	DTE2253402010092	Đặng Thị Thúy	Nga	0	Kém	Nghỉ học không lý do
75	23	DTE2253402010093	Thái Thanh	Nga	82	Tốt	
76	24	DTE2253402010061	Đặng Kim	Ngân	80	Tốt	
77	25	DTE2253402010094	Lâm Thị Kim	Ngân	58	Trung bình	
78	26	DTE2253402010095	Lường Thị	Nhung	70	Khá	
79	27	DTE2253402010063	Trần Kim	Oanh	82	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
80	28	DTE2253402010096	Phạm Hữu	Phú	100	Xuất sắc	
81	29	DTE2253402010097	Triệu Văn	Phương	52	Trung bình	
82	30	DTE2253402010098	Nguyễn Anh	Quyên	45	Yếu	
83	31	DTE2253402010100	Đỗ Phương	Quỳnh	98	Xuất sắc	
84	32	DTE2253402010101	Mã Thị Anh	Tâm	83	Tốt	
85	33	DTE2253402010102	Trần Tuệ	Tâm	78	Khá	
86	34	DTE2253402010121	Mai Đức	Thành	65	Khá	
87	35	DTE2253402010129	Trần Thị	Thảo	62	Trung bình	
88	36	DTE2253402010139	Nguyễn Hà	Thu	76	Khá	
89	37	DTE2253402010067	Bùi Thị Anh	Thư	81	Tốt	
90	38	DTE2253402010105	Đinh Thị Hồng	Thư	53	Trung bình	
91	39	DTE2253402010132	Trần Thị Huyền	Trang	84	Tốt	
92	40	DTE2253402010106	Triệu Hoàng Thu	Trang	68	Khá	VPQC
93	41	DTE2253402010107	Hoàng Thanh	Trúc	80	Tốt	
94	42	DTE2253402010108	Nguyễn Văn	Tuấn	100	Xuất sắc	
95	43	DTE2253402010123	Nguyễn Thị	Tuyết	95	Xuất sắc	
96	44	DTE2253402010109	Đàm Đình	Tường	73	Khá	VPQC
97	45	DTE2253402010110	Ngô Hoàng Hà	Uyên	88	Tốt	
98	46	DTE2253402010111	Nông Thị Thu	Uyên	85	Tốt	
99	47	DTE2253402010112	Hoàng Hà Nhật	Yên	97	Xuất sắc	
LỚP K19 TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP							
100	1	DTE2253402010010	Nguyễn Thị Thu	An	60	Trung bình	
101	2	DTE2253402010052	Triệu Ngọc Minh	Anh	87	Tốt	
102	3	DTE2253402010054	Nguyễn Phương	Anh	85	Tốt	
103	4	DTE2253402010116	Phạm Phương	Anh	0	Kém	Nghỉ học không lý do
104	5	DTE2253402010071	Phan Huệ	Chi	97	Xuất sắc	
105	6	DTE2253402010056	Phạm Thủy	Dương	86	Tốt	
106	7	DTE2253402010077	Trần Thu	Hiên	60	Trung bình	
107	8	DTE2253402010019	Nguyễn Hữu	Hùng	60	Trung bình	
108	9	DTE2253402010057	Nguyễn Thị	Huyền	94	Xuất sắc	
109	10	DTE2253402010021	Nguyễn Thị Thu	Huyền	93	Xuất sắc	
110	11	DTE2253402010058	Nguyễn Thanh	Lam	85	Tốt	
111	12	DTE2253402010084	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	80	Tốt	
112	13	DTE2253402010040	Hoàng Trần Diệp	Linh	55	Trung bình	VPQC
113	14	DTE2253402010059	Nghiêm Thị Hương	Mai	94	Xuất sắc	
114	15	DTE2253402010089	Nguyễn Trà	My	95	Xuất sắc	
115	16	DTE2253402010062	Hoàng Thảo	Nguyên	60	Trung bình	BHYT
116	17	DTE2253402010064	Trần Thị Hà	Phương	56	Trung bình	
117	18	DTE2253402010120	Hoàng Thu	Phương	60	Trung bình	
118	19	DTE2253402010065	Nguyễn Minh	Quang	70	Khá	
119	20	DTE2253402010043	Cao Thu	Quỳnh	80	Tốt	
120	21	DTE2253402010044	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	84	Tốt	
121	22	DTE2253402010066	Ngô Thị Phương	Thảo	84	Tốt	
122	23	DTE2253402010104	Chu Thị Hoài	Thu	83	Tốt	
123	24	DTE2253402010068	Đoàn Phương	Trang	55	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
124	25	DTE2253402010113	Nguyễn Hải	Yến	82	Tốt	
125	26	DTE2153402010022	Nguyễn Thị Linh	Chi	81	Tốt	K18 TCNH1
LỚP K20 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG 1							
126	1	DTE2353402010008	Bùi Thị Kim	Anh	82	Tốt	
127	2	DTE2353402010011	Hoàng Thị Phương	Anh	100	Xuất sắc	
128	3	DTE2353402010014	Lương Vũ Ngọc	Anh	90	Xuất sắc	
129	4	DTE2353402010010	Trần Phương	Anh	82	Tốt	
130	5	DTE2353402010114	Vũ Thị Lan	Anh	73	Khá	
131	6	DTE2353402010015	Vũ Thị Quỳnh	Anh	95	Xuất sắc	
132	7	DTE2353402010001	Tạ Thị Huyền	Chi	80	Tốt	
133	8	DTE2353402010113	Trần Đàm Khánh	Điệp	68	Khá	
134	9	DTE2353402010150	Lương Thùy	Dung	65	Khá	
135	10	DTE2353402010129	Nguyễn Tiến	Dũng	58	Trung bình	
136	11	DTE2353402010020	Trần Vũ	Dương	57	Trung bình	
137	12	DTE2353402010124	Trần Thị Kim	Giang	71	Khá	
138	13	DTE2353402010023	Trần Thu	Hà	79	Khá	
139	14	DTE2353402010029	Đặng Thị Thanh	Hằng	90	Xuất sắc	
140	15	DTE2353402010033	Hoàng Thị	Hào	84	Tốt	
141	16	DTE2353402010116	Hoàng Trung	Hiếu	91	Xuất sắc	
142	17	DTE2353402010036	Nguyễn Thu	Hoài	88	Tốt	
143	18	DTE2353402010039	Nguyễn Bá Thu	Hồng	99	Xuất sắc	
144	19	DTE2353402010042	Lê Thị	Huệ	90	Xuất sắc	
145	20	DTE2353402010117	Trần Việt	Hung	57	Trung bình	
146	21	DTE2353402010044	Nguyễn Thị Thu	Hương	68	Khá	
147	22	DTE2353402010050	Dương Trọng	Khôi	69	Khá	
148	23	DTE2353402010122	Nguyễn Thanh	Lam	95	Xuất sắc	
149	24	DTE2353402010054	Bùi Đặng Thảo	Lan	90	Xuất sắc	
150	25	DTE2353402010057	Trần Thị	Lành	80	Tốt	
151	26	DTF207220204175	Hoàng Kim	Liên (N2)	80	Tốt	
152	27	DTE2353402010002	Đinh Thùy	Linh	90	Xuất sắc	
153	28	DTE2353402010059	Nguyễn Thị Hoài	Linh	76	Khá	
154	29	DTE2353402010061	Nhâm Trúc	Linh	72	Khá	
155	30	DTE2353402010121	Triệu Ngọc Diệu	Linh	75	Khá	
156	31	DTE2353402010063	Hoàng Kim	Loan	81	Tốt	
157	32	DTE2353402010118	Nguyễn Thị Hương	Ly	85	Tốt	
158	33	DTE2353402010066	Trần Ngọc	Ly	84	Tốt	
159	34	DTE2353402010067	Trịnh Phương	Ly	81	Tốt	
160	35	DTE2353402010127	Nông Thị Ngọc	Mai	69	Khá	
161	36	DTE2353402010119	Bế Chí	Minh	50	Trung bình	VPQC
162	37	DTE2353402010070	Trần Đức	Minh	88	Tốt	
163	38	DTE2353402010071	Lương Trung	Nam	68	Khá	
164	39	DTE2353402010072	Nguyễn Văn	Nam	54	Trung bình	
165	40	DTE2353402010151	Lý Tuyết	Nga	68	Khá	
166	41	DTE2353402010075	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	78	Khá	
167	42	DTE2353402010077	Bùi Thanh	Ngọc	68	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
168	43	DTE2353402010076	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	70	Khá	Nghỉ học không lý do
169	44	DTE2353402010078	Trần Thu	Ngọc	87	Tốt	
170	45	DTE2353402010080	Lê Hoàng Thảo	Nhi	99	Xuất sắc	
171	46	DTE2353402010081	Triệu Linh	Nhi	98	Xuất sắc	
172	47	DTE2353402010084	Dương Thị	Nhung	70	Khá	
173	48	DTE2353402010083	Nguyễn Thị	Nhung	90	Xuất sắc	
174	49	DTE2353402010128	Ngô Thị Ngọc	Nội	75	Khá	
175	50	DTE2353402010085	Nguyễn Hồng	Phong	70	Khá	
176	51	DTE2353402010090	Hà Anh	Quang	58	Trung bình	
177	52	DTE2353402010096	Nguyễn Thị	Thảo	66	Khá	
178	53	DTE2353402010095	Vũ Thị	Thảo	77	Khá	
179	54	DTE2353402010131	Lê Thị Hồng	Thoa	81	Tốt	
180	55	DTE2353402010098	Đào Thị Tình	Thương	83	Tốt	
181	56	DTE2353402010148	Nguyễn Khánh	Thương	45	Yếu	Nghỉ học không lý do
182	57	DTE2353402010100	Dương Minh	Thùy	80	Tốt	
183	58	DTE2353402010101	Dương Thị	Thùy	92	Xuất sắc	
184	59	DTE2353402010103	Phạm Thu	Trà	69	Khá	
185	60	DTE2353402010110	Phạm Hồng	Vinh	66	Khá	
186	61	DTE2353402010138	Daovisone	Vongsengkeo	80	Tốt	
LỚP K20 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG 2							
187	1	DTE2353402010003	Doanh Thị	Ái	85	Tốt	
188	2	DTE2353402010007	Đinh Ngọc	Anh	70	Khá	
189	3	DTE2353402010013	Đinh Việt	Anh	65	Khá	
190	4	DTE2353402010006	Ngô Khánh Lan	Anh	68	Khá	
191	5	DTE2353402010009	Nguyễn Phương	Anh	85	Tốt	
192	6	DTE2353402010123	Nông Quỳnh	Anh	85	Tốt	
193	7	DTE2353402010004	Trần Tiến	Anh	74	Khá	
194	8	DTE2353402010005	Phó Ngọc	Ánh	88	Tốt	
195	9	DTE2353402010012	Trần Thị Ngọc	Ánh	80	Tốt	
196	10	DTE2353402010017	Giảng A	Chang	65	Khá	
197	11	DTE2353402010016	Phạm Thị	Châm	70	Khá	
198	12	DTE2353402010018	Đặng Văn	Chiến	60	Trung bình	
199	13	DTE2353402010022	Đỗ Chung	Dương	78	Khá	
200	14	DTE2353402010021	Linh Bình	Dương	0	Kém	Nghỉ học không lý do
201	15	DTE2353402010019	Phan Tùng	Dương	70	Khá	
202	16	DTE2353402010112	Tổng Quang	Đạt	60	Trung bình	
203	17	DTE2353402010026	Đặng Thị Thu	Hà	85	Tốt	
204	18	DTE2353402010024	Ngô Yến	Hà	98	Xuất sắc	
205	19	DTE2353402010032	Lê Hồng	Hạnh	75	Khá	
206	20	DTE2353402010031	Trần Mai	Hạnh	85	Tốt	
207	21	DTE2353402010027	Nguyễn Thu	Hằng	78	Khá	
208	22	DTE2353402010028	Nguyễn Thúy	Hằng	70	Khá	
209	23	DTE2353402010034	Phạm Thu	Hiền	88	Tốt	
210	24	DTE2353402010035	Trương Thị Thanh	Hòa	68	Khá	
211	25	DTE2353402010038	Nguyễn Huy	Hoàng	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
212	26	DTE2353402010040	Hoàng Thị	Hồng	75	Khá	
213	27	DTE2353402010041	Nguyễn Quang	Hợp	70	Khá	
214	28	DTE2353402010046	Nguyễn Quang	Huy	99	Xuất sắc	
215	29	DTE2353402010048	Trần Thị Thanh	Huyền	80	Tốt	
216	30	DTE2353402010045	Đoàn Thị Đức	Hương	83	Tốt	
217	31	DTE2353402010125	Hoàng Thu	Hương	77	Khá	
218	32	DTE2353402010049	Phạm Lê	Khanh	80	Tốt	
219	33	DTE2353402010051	Đặng Trần	Khôi	50	Trung bình	BHYT
220	34	DTE2353402010055	Nguyễn Hoàng	Lan	77	Khá	
221	35	DTE2353402010056	Nguyễn Thị	Lan	85	Tốt	
222	36	DTE2353402010053	Trần Thị Thúy	Lan	84	Tốt	
223	37	DTE2358101030015	Vương Thị	Lan	88	Tốt	
224	38	DTE2353402010058	Hà Thị Khánh	Linh	58	Trung bình	BHYT
225	39	DTE2353402010132	Vũ Ngọc	Linh	88	Tốt	
226	40	DTE2353402010064	Đồng Thị Kim	Loan	83	Tốt	
227	41	DTE2353402010126	Luận Thị Thu	Luyến	83	Tốt	
228	42	DTE2353402010068	Vũ Ngọc	Mai	65	Khá	
229	43	DTE2353402010069	Hứa Thị	Mây	78	Khá	
230	44	DTE2353402010073	Nguyễn Thiên	Nga	79	Khá	
231	45	DTE2353402010074	Phạm Thanh	Ngân	50	Trung bình	BHYT
232	46	DTE2353402010079	Trần Thảo	Nhi	88	Tốt	
233	47	DTE2353402010082	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	80	Tốt	
234	48	DTE2353402010088	Hà Mai	Phương	82	Tốt	
235	49	DTE2353402010087	Hà Thị	Phương	83	Tốt	
236	50	DTE2353402010086	Vi Kiều	Phương	85	Tốt	
237	51	DTE2353402010089	Vũ Minh	Quân	65	Khá	
238	52	DTE2353402010092	Đặng Diễm	Quỳnh	85	Tốt	
239	53	DTE2353402010091	Nguyễn Thuý	Quỳnh	88	Tốt	
240	54	DTE2353402010137	Nguyễn Mỹ	Tâm	60	Trung bình	
241	55	DTE2353402010097	Hoàng Hoài	Thu	99	Xuất sắc	
242	56	DTE2353402010099	Nguyễn Thị	Thuý	83	Tốt	
243	57	DTE2353402010102	Vi Văn	Tôn	65	Khá	
244	58	DTE2353402010106	Dương Thị Thu	Trang	88	Tốt	
245	59	DTE2353402010130	Đỗ Thị Huyền	Trang	82	Tốt	
246	60	DTE2353402010105	Nguyễn Lê Quỳnh	Trang	86	Tốt	
247	61	DTE2353402010104	Nguyễn Thu	Trang	86	Tốt	
248	62	DTE2353402010107	Tạ Thị Minh	Tú	90	Xuất sắc	
249	63	DTE2353402010108	Muru Thị Ánh	Tuyết	0	Kém	Nghi học không lý do
250	64	DTE2353402010133	Nông Thị	Tuyết	97	Xuất sắc	
251	65	DTE2353402010109	Nguyễn Khánh	Vi	90	Xuất sắc	
252	66	DTE2353402010135	Lâm Hoàng	Vũ	88	Tốt	
LỚP K21 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG 1							
253	1	DTE2453402010001	Nguyễn Minh	An	100	Xuất sắc	
254	2	DTE2453402010005	Nghiêm Thị Phương	Anh	84	Tốt	
255	3	DTE2453402010020	Nguyễn Phương	Anh	81	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
256	4	DTE2453402010006	Nguyễn Thế	Anh	83	Tốt	
257	5	DTE2453402010012	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	85	Tốt	
258	6	DTE2453402010016	Nông Thị Phương	Anh	93	Xuất sắc	
259	7	DTE2453402010022	Trần Quang	Anh	80	Tốt	
260	8	DTE2453402010156	Vũ Thị Phương	Anh	95	Xuất sắc	
261	9	DTE2453402010024	Nông Quốc	Bảo	50	Trung bình	BHYT
262	10	DTE2453402010175	Phạm Thị Cẩm	Châu	75	Khá	
263	11	DTE2453402010028	Nguyễn Yến	Chi	75	Khá	
264	12	DTE2453402010162	Bàn Mùi	Chuông	88	Tốt	
265	13	DTE2453402010138	Nguyễn Anh	Đào	70	Khá	
266	14	DTE2453402010139	Nguyễn Thành	Đạt	90	Xuất sắc	
267	15	DTE2453402010035	Nguyễn Ngọc	Hà	77	Khá	
268	16	DTE2453402010037	Nguyễn Thị	Hải	77	Khá	
269	17	DTE2453402010141	Nguyễn Ngọc	Hiếu	55	Trung bình	BHYT
270	18	DTE2453402010048	Ngọc Thị	Huế	85	Tốt	
271	19	DTE2453402010166	Tạ Văn	Hung	65	Khá	
272	20	DTE2453402010050	Hà Nguyễn Thiên	Hương	80	Tốt	
273	21	DTE2453402010055	Mẫn Minh	Khôi	85	Tốt	
274	22	DTE2453402010056	Dương Trung	Kiên	95	Xuất sắc	
275	23	DTE2453402010057	Chu Thanh	Lam	88	Tốt	
276	24	DTE2453402010058	Trần Phương	Liên	90	Xuất sắc	
277	25	DTE2453402010067	Nguyễn Ngọc	Linh	35	Yếu	
278	26	DTE2453402010068	Phạm Khánh	Linh	50	Trung bình	
279	27	DTE2453402010064	Trịnh Phương	Linh	80	Tốt	
280	28	DTE2453402010070	Lương Thị Thảo	Ly	70	Khá	
281	29	DTE2453402010147	Lâm Hồng	Mai	75	Khá	
282	30	DTE2453402010073	Dương Đức	Mạnh	77	Khá	
283	31	DTE2453402010076	Ngô Thị Trà	My	75	Khá	
284	32	DTE2453402010086	Đặng Bích	Ngọc	90	Xuất sắc	
285	33	DTE2453402010088	Hoàng Thảo	Nguyên	80	Tốt	
286	34	DTE2453402010089	Lâm Thị	Nhân	70	Khá	
287	35	DTE2453402010170	Lý Thị	Nhung	82	Tốt	
288	36	DTE2453402010093	Lý Thị Hồng	Nhung	80	Tốt	
289	37	DTE2453402010096	Bàn Thị	Phấn	80	Tốt	
290	38	DTE2453402010098	Nguyễn Thu	Phương	95	Xuất sắc	
291	39	DTE2453402010097	Đặng Thị	Phượng	90	Xuất sắc	
292	40	DTE2453402010101	Phạm Tú	Quyên	85	Tốt	
293	41	DTE2453402010158	Mã Văn	Quyên	53	Trung bình	BHYT
294	42	DTE2453402010100	Nguyễn Đức	Quyên	50	Trung bình	BHYT
295	43	DTE2453402010105	Nguyễn Danh	Thái	65	Khá	BHYT
296	44	DTE2453402010108	Lê Thị Thúy	Thanh	78	Khá	
297	45	DTE2453402010149	La Văn	Thành	60	Trung bình	
298	46	DTE2453402010112	Lê Thị	Thảo	55	Trung bình	
299	47	DTE2453402010117	Đinh Thị	Thúy	77	Khá	
300	48	DTE2453402010114	Nguyễn Ánh	Thư	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
301	49	DTE2453402010124	Hà Thị Thu	Trang	74	Khá	
302	50	DTE2453402010122	Nguyễn Thị Huyền	Trang	76	Khá	
303	51	DTE2453402010123	Trần Quỳnh	Trang	86	Tốt	
304	52	DTE2453402010118	Nguyễn Khánh	Trâm	84	Tốt	
305	53	DTE2453402010125	Nguyễn Hữu Thành	Trung	35	Yếu	BHYT
306	54	DTE2453402010193	Phan Anh	Tú	70	Khá	
307	55	DTE2453402010196	Hoàng Anh	Tuân	50	Trung bình	BHYT
308	56	DTE2453402010164	Phương Thị	Tuế	82	Tốt	
309	57	DTE2453402010134	Nông Nguyễn Ngọc	Vân	80	Tốt	
310	58	DTE2453402010135	Phạm Thanh	Vân	96	Xuất sắc	
311	59	DTE2453402010136	Nguyễn Lê Thành	Vinh	83	Tốt	
312	60	DTE2453402010165	Vàng Thị	Xây	70	Khá	
313	61	DTE2453402010137	Phạm Hải	Yến	83	Tốt	
LỚP K21 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG 2							
314	1	DTE2453402010002	Nông Thị Hoài	An	87	Tốt	
315	2	DTE2453402010017	Bùi Vũ Tú	Anh	79	Khá	
316	3	DTE2453402010014	Dương Đức	Anh	57	Trung bình	
317	4	DTE2453402010008	Ngô Đức	Anh	84	Tốt	
318	5	DTE2453402010019	Nguyễn Ngọc	Anh	96	Xuất sắc	
319	6	DTE2453402010009	Nguyễn Quỳnh	Anh	86	Tốt	
320	7	DTE2453402010011	Nguyễn Thị Phương	Anh	99	Xuất sắc	
321	8	DTE2453402010015	Trần Bảo	Anh	76	Khá	
322	9	DTE2453402010013	Trương Thị Tú	Anh	85	Tốt	
323	10	DTE2453402010010	Vũ Thị Mai	Anh	77	Khá	
324	11	DTE2453402010171	Hoàng Thị	Châm	86	Tốt	
325	12	DTE2453402010026	Hoàng Thùy	Châm	86	Tốt	
326	13	DTE2453402010180	Hà Huyền	Chi	75	Khá	
327	14	DTE2453402010157	Đỗ Kiều	Diễm	65	Khá	
328	15	DTE2453402010033	Đoàn Thị Thùy	Dung	67	Khá	
329	16	DTE2453402010032	Phạm Tấn	Dũng	78	Khá	
330	17	DTE2453402010140	Nguyễn Thị	Duyên	96	Xuất sắc	
331	18	DTE2453402010034	Đào Thùy	Dương	64	Trung bình	VPQC
332	19	DTE2453402010036	Phan Ngân	Hà	64	Trung bình	
333	20	DTE2453402010039	Nghiêm Hồng	Hạnh	70	Khá	
334	21	DTE2453402010043	Hoàng Thu	Hiền	87	Tốt	
335	22	DTE2453402010042	Trịnh Thu	Hiền	65	Khá	
336	23	DTE2453402010163	Phạm Đức	Hiệp	70	Khá	
337	24	DTE2453402010046	Nguyễn Thị Phương	Hoa	60	Trung bình	BHYT
338	25	DTE2453402010053	Doãn Liên	Hương	92	Xuất sắc	
339	26	DTE2453402010051	Vũ Thu	Hường	60	Trung bình	
340	27	DTE2453402010197	Hà Thị Phương	Liên	80	Tốt	
341	28	DTE2453402010065	Đặng Thùy	Linh	98	Xuất sắc	
342	29	DTE2453402010062	Trần Ngọc	Linh	96	Xuất sắc	
343	30	DTE2453402010145	Hoàng Bích	Loan	63	Trung bình	
344	31	DTE2453402010146	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	64	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
345	32	DTE2453402010177	Trần Đức	Mạnh	70	Khá	
346	33	DTE2453402010075	Doãn Nhật	Minh	95	Xuất sắc	
347	34	DTE2453402010077	Nguyễn Đỗ Thành	Nam	63	Trung bình	
348	35	DTE2453402010079	Hoàng Thị Thu	Nga	75	Khá	
349	36	DTE2453402010081	Nguyễn Thị	Nga	85	Tốt	
350	37	DTE2453402010082	Trạc Thị	Nga	78	Khá	
351	38	DTE2453402010084	Trần Thị Thu	Ngân	85	Tốt	
352	39	DTE2453402010090	Hoàng Thị Yến	Nhi	85	Tốt	
353	40	DTE2453402010091	Trần Thị Yến	Nhi	84	Tốt	
354	41	DTE2453402010094	Trần Thị Hồng	Nhung	85	Tốt	
355	42	DTE2453402010099	Nguyễn Thị Thu	Phương	85	Tốt	
356	43	DTE2453402010195	Phan Thị Hoài	Phương	81	Tốt	
357	44	DTE2453402010182	Dương Lệ	Quyên	64	Trung bình	VPQC
358	45	DTE2453402010159	Ngô Thị Lệ	Quyên	79	Khá	
359	46	DTE2453402010148	Dương Như	Quỳnh	85	Tốt	
360	47	DTE2453402010103	Ngô Như	Quỳnh	82	Tốt	
361	48	DTE2453402010160	Nguyễn Như	Quỳnh	83	Tốt	
362	49	DTE2453402010107	Nguyễn Thiên	Thanh	84	Tốt	
363	50	DTE2453402010109	Hoàng Phương	Thảo	82	Tốt	
364	51	DTE2453402010150	Hoàng Minh	Thu	85	Tốt	
365	52	DTE2453402010154	Bùi Đoàn Linh	Trang	86	Tốt	
366	53	DTE2453402010153	Nguyễn Quỳnh	Trang	80	Tốt	
367	54	DTE2453402010121	Nguyễn Thu	Trang	86	Tốt	
368	55	DTE2453402010186	Nguyễn Thành	Trung	86	Tốt	
369	56	DTE2453402010128	Thân Thanh	Tùng	70	Khá	
370	57	DTE2453402010127	Trần Anh	Tùng	53	Trung bình	
371	58	DTE2453402010155	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	60	Trung bình	
372	59	DTE2453402010131	Hoàng Thị	Uyên	92	Xuất sắc	
373	60	DTE2453402010174	Bùi Đình	Việt	60	Trung bình	
374	61	DTE2453402010169	Sầm Tiến	Việt	64	Trung bình	
375	62	DTE2453402010168	Sầm Thị	Vượng	75	Khá	
LỚP K21 TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG 3							
376	1	DTE2453402010190	Nguyễn Duy	Anh	0	Kém	Nghỉ học không lý do
377	2	DTE2453402010023	Nguyễn Hải	Anh	85	Tốt	
378	3	DTE2453402010018	Nguyễn Thị Thu	Anh	74	Khá	
379	4	DTE2453402010021	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	90	Xuất sắc	
380	5	DTE2453402010025	Đình Ngọc Thanh	Bình	84	Tốt	
381	6	DTE2453402010027	Hoàng Minh	Châu	76	Khá	
382	7	DTE2453402010030	Dương Thị Mai	Chi	88	Tốt	
383	8	DTE2453402010031	Hoàng Văn	Chung	73	Khá	
384	9	DTE2453402010172	Đỗ Thị Kim	Cúc	0	Kém	Nghỉ học không lý do
385	10	DTE2453402010183	Giảng A	Cử	78	Khá	
386	11	DTE2453402010181	Nông Ngọc	Hải	89	Tốt	
387	12	DTE2453402010040	Nguyễn Thị	Hạnh	85	Tốt	
388	13	DTE2453402010038	Lê Đình	Hân	56	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
389	14	DTE2453402010041	Nguyễn Thị Thu	Hiền	85	Tốt	
390	15	DTE2453402010045	Lý Văn	Hiếu	0	Kém	Nghi học không lý do
391	16	DTE2453402010047	Phạm Thị	Hoa	84	Tốt	
392	17	DTE2453402010178	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	89	Tốt	
393	18	DTE2453402010049	Phạm Thị Kim	Huệ	90	Xuất sắc	
394	19	DTE2453402010054	Trần Khánh	Huyền	57	Trung bình	
395	20	DTE2453402010052	Quách Thị Quỳnh	Hương	76	Khá	
396	21	DTE2453402010143	Phạm Thúy	Hường	88	Tốt	
397	22	DTE2453402010142	Vũ Ánh	Hường	83	Tốt	
398	23	DTE2453402010188	Đào Nam	Khánh	35	Yếu	BHYT
399	24	DTE2453402010144	Bùi Thị Khánh	Linh	89	Tốt	
400	25	DTE2453402010060	Đỗ Thị Thùy	Linh	76	Khá	
401	26	DTE2453402010059	Hoàng Khánh	Linh	56	Trung bình	
402	27	DTE2453402010066	Nguyễn Thùy	Linh	88	Tốt	
403	28	DTE2453402010061	Văn Thảo	Linh	85	Tốt	
404	29	DTE2453402010069	Trần Thương	Ly	80	Tốt	
405	30	DTE2453402010072	Nguyễn Thị Hồng	Mai	90	Xuất sắc	
406	31	DTE2453402010071	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	85	Tốt	
407	32	DTE2453402010074	Đình Công	Minh	86	Tốt	
408	33	DTE2453402010078	Lương Phương	Nam	76	Khá	
409	34	DTE2453402010080	Hoàng Thị Thanh	Nga	75	Khá	
410	35	DTE2453402010083	Nguyễn Thanh	Ngân	79	Khá	
411	36	DTE2453402010087	Nguyễn Bích	Ngọc	83	Tốt	
412	37	DTE2453402010085	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	56	Trung bình	
413	38	DTE2453402010179	Hoàng Lê	Nhân	52	Trung bình	
414	39	DTE2453402010092	Lê Thị Ngọc	Như	80	Tốt	
415	40	DTE2453402010095	Chu Thị	Niên	85	Tốt	
416	41	DTE2453402010102	Phạm Thị Như	Quỳnh	54	Trung bình	
417	42	DTE2453402010106	Lê Trung	Thành	95	Xuất sắc	
418	43	DTE2453402010110	Lê Thu	Thảo	36	Yếu	BHYT
419	44	DTE2453402010111	Vũ Phương	Thảo	41	Yếu	BHYT
420	45	DTE2453402010115	Đỗ Hoài	Thương	83	Tốt	
421	46	DTE2453402010116	Lê Hoài	Thương	96	Xuất sắc	
422	47	DTE2453402010151	Trần Thị Hương	Trà	89	Tốt	
423	48	DTE2453402010120	Đặng Quỳnh	Trang	76	Khá	
424	49	DTE2453402010119	Đình Thu	Trang	90	Xuất sắc	
425	50	DTE2453402010161	Hà Thị	Trang	100	Xuất sắc	
426	51	DTE2453402010185	Lê Thị Hiền	Trang	90	Xuất sắc	
427	52	DTE2453402010152	Nguyễn Thị Thùy	Trang	66	Khá	
428	53	DTE2453402010187	Hoàng Thị Tuyết	Trình	55	Trung bình	
429	54	DTE2453402010126	Nguyễn Minh	Trưởng	89	Tốt	
430	55	DTE2453402010191	Vì Cẩm	Tú	84	Tốt	
431	56	DTE2453402010167	Hoàng Minh	Tuấn	68	Khá	
432	57	DTE2453402010130	Tô Thanh	Tùng	66	Khá	
433	58	DTE2453402010132	Hoàng Nguyễn Thu	Uyên	75	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
434	59	DTE2453402010133	Bùi Thị Thanh	Vân	84	Tốt	
435	60	DTE2453402010007	Hồ Hoài	Anh		Không xét	Bảo lưu

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	79
Tốt	160
Khá	119
Trung bình	61
Yếu	8
Kém	7
Không xét (Bảo lưu)	1
Tổng	435

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
KHOA QUẢN LÝ - LUẬT KINH TẾ

Học kỳ II năm học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số 878/QĐ-ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 29 tháng 7 năm 2025)

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
		K19 LKT					
1	1	DTE2253801070001	Dương Tuấn	Anh	68	Khá	
2	2	DTE2253801070051	Đinh Thị Bảo	Anh	68	Khá	
3	3	DTE2253801070050	Giáp Thị Phương	Anh	88	Tốt	
4	4	DTE2253801070068	Lục Thị Vi	Anh	67	Khá	
5	5	DTE2253801070049	Lưu Quỳnh	Anh	80	Tốt	
6	6	DTE2253801070029	Nguyễn Minh	Anh	86	Tốt	
7	7	DTE2253801070080	Ninh Thị Lan	Anh	85	Tốt	
8	8	DTE2253801070028	Trịnh Kiều	Anh	90	Xuất sắc	
9	9	DTE2253801070073	Tu Minh	Anh	64	Trung bình	
10	10	DTE2253801070016	Nguyễn Ngọc	Ánh	100	Xuất sắc	
11	11	DTE2253801070035	Trịnh Thị Thanh	Bình	97	Xuất sắc	
12	12	DTE2253801070077	Sùng A	Ca	80	Tốt	
13	13	DTE2253801070065	Trần Thị	Châm	70	Khá	
14	14	DTE2253801070052	Đàm Ngọc Minh	Châu	67	Khá	
15	15	DTE2253801070071	Hoàng Khánh	Châu	80	Tốt	
16	16	DTE2253801070053	Nguyễn Kiều Lâm	Chi	70	Khá	
17	17	DTE2253801070078	Trần Anh Hai	Cường	65	Khá	
18	18	DTE2253801070013	Hà Bích	Diệp	68	Khá	
19	19	DTE2253801070054	Lương Thị Huyền	Diệu	66	Khá	
20	20	DTE2253801070079	Vũ Mỹ	Duyên	51	Trung bình	
21	21	DTE2253801070017	Nguyễn Thị Thùy	Dương	70	Khá	
22	22	DTE2253801070082	Bùi Quốc	Đạt	59	Trung bình	
23	23	DTE2253801070064	Trần Tuấn	Đạt	65	Khá	
24	24	DTE2253801070048	Bùi Đức Hải	Đăng	82	Tốt	
25	25	DTE2253801070074	Nguyễn Quỳnh	Giang	90	Xuất sắc	
26	26	DTE2253801070076	Lê Khánh	Hàng	85	Tốt	
27	27	DTE2253801070018	Mông Thị Thu	Hàng	86	Tốt	
28	28	DTE2253801070002	Nguyễn Thị Phương	Hàng	70	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
29	29	DTE2253801070036	Phan Vũ Thục	Hân	58	Trung bình	BHYT
30	30	DTE2253801070037	Vương Minh	Hiếu	75	Khá	
31	31	DTE2253801070055	Nguyễn Thị Mai	Hoa	91	Xuất sắc	
32	32	DTE2253801070019	Tạ Thu	Hoài	92	Xuất sắc	
33	33	DTE2253801070066	Phan Thanh	Huyền	62	Trung bình	
34	34	DTE2253801070031	Hoàng Thảo	Hương			Bảo lưu
35	35	DTE2253801070030	Nguyễn Quỳnh	Hương	83	Tốt	
36	36	DTE2253801070056	Ma Thị Thúy	Hường	87	Tốt	
37	37	DTE2253801070032	Nguyễn Hữu	Khánh	70	Khá	
38	38	DTE2253801070069	Đỗ Hữu	Kiên	65	Khá	
39	39	DTE2253801070020	Hoàng Chung	Kiên	68	Khá	
40	40	DTE2253801070004	Vũ Trung	Kiên	99	Xuất sắc	
41	41	DTE2253801070033	Phạm Mỹ	Lệ	73	Khá	
42	42	DTF2172202010994	Nguyễn Nhật	Lệ (N2)			trường Ngoại ngữ
43	43	DTE2253801070021	Nguyễn Thảo	Linh	97	Xuất sắc	
44	44	DTE2253801070009	Vũ Hải	Linh	70	Khá	
45	45	DTE2253801070057	Nguyễn Đức	Long	97	Xuất sắc	
46	46	DTE2253801070058	Ngô Ngọc	Ly			Bảo lưu
47	47	DTE2253801070022	Phí Thị Xuân	Mai	80	Tốt	
48	48	DTE2253801070070	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	40	Yếu	BHYT
49	49	DTE2253801070038	Trần Thùy	Ngân	84	Tốt	
50	50	DTE2253801070023	Phạm Thảo	Nguyên	97	Xuất sắc	
51	51	DTE2253801070014	Nguyễn Tiến	Phan	80	Tốt	
52	52	DTE2253801070005	Phạm Tuấn	Quang	65	Khá	
53	53	DTE2253801070025	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	80	Tốt	
54	54	DTE2253801070039	Phạm Thị Như	Quỳnh	80	Tốt	
55	55	DTE2253801070040	Dương Thị	Sim	0	Kém	Nghỉ học không lý do
56	56	DTE2253801070006	Hoàng Thị	Sinh	92	Xuất sắc	
57	57	DTE2253801070015	Dương Văn Trường	Son	35	Yếu	Nghỉ học không lý do
58	58	DTE2253801070072	Hà Thị Thành	Tâm	97	Xuất sắc	
59	59	DTE2253404030048	Dương Thanh	Thảo	70	Khá	
60	60	DTE2253801070041	Ninh Thị	Thảo	90	Xuất sắc	
61	61	DTE2253801070043	Nông Phương	Thảo	50	Trung bình	BHYT
62	62	DTE2253801070042	Phạm Lê Phương	Thảo	97	Xuất sắc	
63	63	DTE2253801070007	Trần Thanh	Thảo	82	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
64	64	DTE2253801070060	Nông Thị	Thính	80	Tốt	
65	65	DTE2253801070034	Trần Xuân	Thu	90	Xuất sắc	
66	66	DTE2253801070045	Nguyễn Thị	Thùy	80	Tốt	
67	67	DTE2253801070010	Trần Thu	Thủy	90	Xuất sắc	
68	68	DTE2253801070044	Nguyễn Hồng	Thương	85	Tốt	
69	69	DTE2253801070061	Vũ Khánh	Toàn	50	Trung bình	BHYT
70	70	DTE2253801070046	Đào Hoàng Thu	Trang	82	Tốt	
71	71	DTE2253801070067	Đỗ Thị Thu	Trang	75	Khá	
72	72	DTE2253801070062	Phạm Hoài	Trang	80	Tốt	
73	73	DTE2253801070026	Phạm Thị Thu	Trang	99	Xuất sắc	
74	74	DTE2253801070027	Nguyễn Trí	Trung	80	Tốt	
75	75	DTE2253801070011	Chu Anh	Tú	85	Tốt	
76	76	DTE2253801070008	Nguyễn Anh	Tuấn	50	Trung bình	BHYT
77	77	DTE2253801070063	Nguyễn Hữu	Tùng	67	Khá	
78	78	DTE2253801070047	Bùi Huy	Tùng	53	Trung bình	
K19 QLKT							
79	1	DTE2253404030001	Bế Tùng	Anh	90	Xuất sắc	
80	2	DTE2253404030002	Trần Quốc	Anh	59	Trung bình	
81	3	DTE2253404030004	Đoàn Thị Kim	Chi	60	Trung bình	
82	4	DTE2253404030003	Nguyễn Phương Huyền	Chi	90	Xuất sắc	
83	5	DTE2253404030046	Trần Thị Mai	Chi	80	Tốt	
84	6	DTE2253404030037	Nguyễn Thế	Diễn	60	Trung bình	
85	7	DTE2253404030006	Phạm Huyền	Dịu	60	Trung bình	
86	8	DTE2253404030007	Ngô Thùy	Doan	86	Tốt	
87	9	DTE2253404030036	Vũ Hữu	Dương	73	Khá	
88	10	DTE2253404030008	Nguyễn Thu	Hằng	66	Khá	
89	11	DTE2253404030009	Phạm Thị	Hiền	90	Xuất sắc	
90	12	DTE2253404030010	Trần Thị Thanh	Hoa	81	Tốt	
91	13	DTE2253404030013	Vũ Ngọc	Khôi	70	Khá	
92	14	DTE2253404030052	Lê Thị	Mai	81	Tốt	
93	15	DTE2253404030053	Sùng Seo	Minh	85	Tốt	
94	16	DTE2253404030016	Nguyễn Trà	My	60	Trung bình	
95	17	DTE2253404030019	Mạc Thanh	Nguyên	85	Tốt	
96	18	DTE2253404030020	Trần Thị Thùy	Nhung	85	Tốt	
97	19	DTE2253404030021	Nguyễn Thị Thu	Phương	59	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
98	20	DTE2253404030047	Hoàng Thị	Phượng	80	Tốt	
99	21	DTE2253404030041	Hoàng Như	Quỳnh	86	Tốt	
100	22	DTE2253404030050	Tân Lão	Tả	76	Khá	
101	23	DTE2253404030025	Đinh Thị Hương	Thảo	85	Tốt	
102	24	DTE2253404030024	Lê Hiền	Thảo	75	Khá	
103	25	DTE2253404030026	Nông Thị Phương	Thảo	78	Khá	
104	26	DTE2253404030027	Nguyễn Văn	Thuận	80	Tốt	
105	27	DTE2253404030028	Đoàn Thị Huyền	Thương	68	Khá	
106	28	DTE2253404030033	Đoàn Thị Huyền	Trang	67	Khá	
107	29	DTE2253404030031	Phạm Quỳnh	Trang	60	Trung bình	
108	30	DTE2253404030032	Trần Thị Thùy	Trang	59	Trung bình	
109	31	DTE2253404030044	Lê Tường	Vy	91	Xuất sắc	
K20 QLC							
110	1	DTE2353404030005	Lê Lan	Anh	89	Tốt	
111	2	DTE2353404030037	Lê Thị	Cúc	88	Tốt	
112	3	DTE2353404030027	Trương Thị Thùy	Dung	89	Tốt	
113	4	DTE2353404030006	Dương Thị	Duyên	74	Khá	
114	5	DTE2353404030029	Lê Vũ Thu	Hà	69	Trung bình	
115	6	DTE2353404030007	Trần Thị	Hằng	86	Tốt	
116	7	DTE2353404030030	Nguyễn Ngọc Thảo	Hiền	65	Trung bình	
117	8	DTE2353404030026	Phan Thị	Hoài	89	Tốt	
118	9	DTE2353404030009	Lê Công	Huân	80	Tốt	
119	10	DTE2353404030010	Tạ Thị Ngọc	Huyền	89	Tốt	
120	11	DTE2353404030003	Triệu Sinh	Khiêm	79	Khá	
121	12	DTE2353404030025	Nguyễn Hương	Lan	79	Khá	
122	13	DTE2353404030032	Nguyễn Phương	Linh	90	Xuất sắc	
123	14	DTE2353404030011	Nông Thị Anh	Lộc	85	Tốt	
124	15	DTE2353404030012	Nguyễn Thị	Luyến	88	Tốt	
125	16	DTE2353404030013	Đổng Thị Cẩm	Ly	89	Tốt	
126	17	DTE2353404030042	Bạch Tuyết	Mai	89	Tốt	
127	18	DTE2353404030014	Dương Thị	Mai	90	Xuất sắc	
128	19	DTE2353404030015	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	92	Xuất sắc	
129	20	DTE2353404030016	Nguyễn Thị	My	89	Tốt	
130	21	DTE2353404030017	Đặng Thu	Nga	76	Khá	
131	22	DTE2353404030019	Nguyễn Thị Minh	Tâm	89	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
132	23	DTE2353404030038	Vương Thị Thanh	Tâm	89	Tốt	
133	24	DTE2353404030022	Dương Thị	Thu	78	Khá	
134	25	DTE2353404030040	Nguyễn Thị	Tĩnh	85	Tốt	
135	26	DTE2353404030023	Nguyễn Thị	Trang	81	Tốt	
136	27	DTE2353404030033	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	89	Tốt	
K20 LKT 1							
137	1	DTE2353801070005	Nguyễn Ngọc	Anh	65	Khá	
138	2	DTE2353801070003	Trần Trung	Anh	100	Xuất sắc	
139	3	DTE2353801070002	Nguyễn Ngọc	Ánh	78	Khá	
140	4	DTE2353801070006	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	100	Xuất sắc	
141	5	DTE2353801070007	Phạm Thanh	Bình	56	Trung bình	
142	6	DTE2353801070011	Nguyễn Thị Kim	Chi	76	Khá	
143	7	DTE2353801070009	Nguyễn Thị Phương	Chi	96	Xuất sắc	
144	8	DTE2353801070013	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	59	Trung bình	
145	9	DTE2353801070014	Nông Tùng	Dương	60	Trung bình	
146	10	DTE2353801070064	Hoàng Thị	Điểm	80	Tốt	
147	11	DTE2353801070065	Lê Hồng	Đức	90	Xuất sắc	
148	12	DTE2353801070072	Nguyễn Đào Thái	Hà	92	Xuất sắc	
149	13	DTE2353801070019	Vũ Như	Hải	71	Khá	
150	14	DTE2353801070020	Ngọc Thị	Hiền	80	Tốt	
151	15	DTE2353801070067	Võ Thanh	Huyền	56	Trung bình	
152	16	DTE2353801070025	Nguyễn Ngọc	Lan	100	Xuất sắc	
153	17	DTE2353801070026	Phạm Hoàng	Linh	95	Xuất sắc	
154	18	DTE2353801070028	Chu Ngọc	Loan	72	Khá	
155	19	DTE2353801070029	Hà Thảo	Ly	96	Xuất sắc	
156	20	DTE2353801070030	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	65	Khá	
157	21	DTE2353801070031	Phạm Ngọc	Mai	90	Xuất sắc	
158	22	DTE2353801070034	Vũ Lê Hà	My	56	Trung bình	BHYT
159	23	DTE2353801070081	Lưu Tiến	Nghĩa	92	Xuất sắc	
160	24	DTE2353801070038	Cao Bảo	Ngọc	80	Tốt	
161	25	DTE2353801070087	Đỗ Hồng	Ngọc	89	Tốt	
162	26	DTE2353801070039	Trần Hạnh	Nguyên	81	Tốt	
163	27	DTE2353801070041	Vũ Minh	Nhật	65	Khá	BHYT
164	28	DTE2353801070042	Bùi Yến	Nhi	56	Trung bình	BHYT
165	29	DTE2353801070044	Phan Hồng	Nhung	65	Khá	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
166	30	DTE2353801070046	Dương Minh	Quân	60	Trung bình	
167	31	DTE2353801070048	Vương Đức	Quý	65	Khá	
168	32	DTE2353801070075	Lương Văn	Sơn	90	Xuất sắc	
169	33	DTE2353801070051	Lê Thanh	Tâm	59	Trung bình	BHYT
170	34	DTE2353801070052	Lê Huy	Thành	81	Tốt	
171	35	DTE2353801070053	Diệp Thanh	Thảo	81	Tốt	
172	36	DTE2353801070080	Nguyễn Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
173	37	DTE2353801070056	Phạm Minh	Thùy	0	Kém	Nghi học không lý do
174	38	DTE2353801070055	Nguyễn Lan	Thương	65	Khá	
175	39	DTE2353801070057	Nguyễn Thị Thu	Trà	58	Trung bình	
176	40	DTE2353801070059	Lê Thị Kiều	Trang	0	Kém	Nghi học không lý do
177	41	DTE2353801070079	Nông Thùy	Trang	100	Xuất sắc	
178	42	DTE2353801070061	Trần Nguyễn Anh	Tùng	65	Khá	
179	43	DTE2353801070076	Trần Đức	Uy	58	Trung bình	
180	44	DTE2353801070078	Chu Khánh	Vũ	65	Khá	
181	45	DTE2353801070062	Vũ Hải	Yến	65	Khá	
K20 LKT 2							
182	1	DTE2353801070083	Phạm Văn	An	0	Kém	Nghi học không lý do
183	2	DTE2353801070082	Đào Thị Phương	Anh	76	Khá	
184	3	DTE2353801070001	Lê Đức	Anh	50	Trung bình	BHYT
185	4	DTE2353801070004	Nguyễn Duy	Anh	65	Khá	
186	5	DTE2353801070008	Hoàng Thùy	Châm	90	Xuất sắc	
187	6	DTE2353801070010	Thiều Tùng	Chi	65	Khá	
188	7	DTE2353801070012	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	83	Tốt	
189	8	DTE2353801070015	Nguyễn Anh	Duy	65	Khá	
190	9	DTE2353801070070	Giáp Thành	Đạt	65	Khá	
191	10	DTE2353801070063	Giáp Văn	Đạt	77	Khá	
192	11	DTE2353801070018	Đỗ Thu	Hà	83	Tốt	
193	12	DTE2353801070093	Nguyễn Thị Thu	Hà	0	Kém	Nghi học không lý do
194	13	DTE2353801070021	Trần Phan Trung	Hiếu	65	Khá	
195	14	DTE2353801070073	Vũ Thanh	Hòa	65	Khá	
196	15	DTE2353801070022	Dương Thị Kim	Huệ	86	Tốt	
197	16	DTE2353801070023	Nguyễn Mạnh	Hùng	65	Khá	
198	17	DTE2353801070066	Phạm Thu	Hương	94	Xuất sắc	
199	18	DTE2353801070090	Nguyễn Thị Thanh	Hường	95	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
200	19	DTE2353801070024	Ngô Văn	Kim	50	Trung bình	BHYT
201	20	DTE2353801070027	Lê Thùy	Linh	0	Kém	Nghỉ học không lý do
202	21	DTE2353801070094	Đặng Diệu	Ly	88	Tốt	
203	22	DTE2353801070032	Trần Thị Thanh	Mai	65	Khá	
204	23	DTE2353801070033	Triệu Văn	Mạnh	70	Khá	
205	24	DTE2353801070035	Lương Thị Huyền	My			Bảo lưu
206	25	DTE2353801070036	Lý Thị Thu	Ngà			Bảo lưu
207	26	DTE2353801070037	Nguyễn Thị Hà	Ngân	65	Khá	
208	27	DTE2353801070074	Nguyễn Minh	Ngọc	65	Khá	
209	28	DTE2353801070040	Hoàng Kim	Nhật	65	Khá	
210	29	DTE2353801070043	Nguyễn Thị Yến	Nhi	70	Khá	
211	30	DTE2353801070045	Phạm Thuý	Nhung	81	Tốt	
212	31	DTE2353801070068	Nguyễn Diễm	Quỳnh	65	Khá	
213	32	DTE2353801070049	Đinh Minh	Sinh	70	Khá	
214	33	DTE2353801070050	Chung Nông Đức	Sơn	70	Khá	
215	34	DTE2353801070095	Nguyễn Tài Hoàng	Sơn	0	Kém	Nghỉ học không lý do
216	35	DTE2353801070091	Đặng Thanh	Thảo	85	Tốt	
217	36	DTE2353801070054	Hoàng Thị Minh	Thư	65	Khá	
218	37	DTE2353801070058	Hoàng Bảo	Trâm	80	Tốt	
219	38	DTE2353801070060	Dương Đình	Tú	96	Xuất sắc	
220	39	DTE2353801070085	Nguyễn Phạm Thu	Uyên	65	Khá	
221	40	DTE2353801070077	Lò Văn	Xuân	65	Khá	
K21 LKT 1							
222	1	DTE2453801070011	Đặng Thị Thu	Anh	85	Tốt	
223	2	DTE2453801070006	Ma Thế	Anh	50	Trung bình	
224	3	DTE2453801070005	Nguyễn Thị Lan	Anh	88	Tốt	
225	4	DTE2453801070002	Nguyễn Vân	Anh	82	Tốt	
226	5	DTE2453801070008	Lê Ngọc	Ánh	65	Khá	
227	6	DTE2453801070012	Lưu Ngọc	Bắc	80	Tốt	
228	7	DTE2453801070142	Lê Ngọc	Bích	82	Tốt	
229	8	DTE2453801070014	Lưu Văn	Bính	65	Khá	
230	9	DTE2453801070015	Nguyễn Thùy	Châm	85	Tốt	
231	10	DTE2453801070016	Bùi Nông Kim	Chi	85	Tốt	
232	11	DTE2453801070018	Vũ Thu	Cúc	35	Yếu	VPQC, BHYT
233	12	DTE2453801070019	Trương Bích	Diệp	90	Xuất sắc	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
234	13	DTE2453801070021	Phùng Thị Phương	Dung	86	Tốt	
235	14	DTE2453801070020	Bùi Tiến	Dũng	65	Khá	
236	15	DTE2453801070099	Lê Văn	Đạo	35	Yếu	VPQC
237	16	DTE2453801070101	Nguyễn Tiến	Đạt	50	Trung bình	
238	17	DTE2453801070100	Nguyễn Văn	Đạt	35	Yếu	VPQC, BHYT
239	18	DTE2453801070102	Dương Thị Bích	Diệp	85	Tốt	
240	19	DTE2453801070103	Lê Huy	Độ	50	Trung bình	
241	20	DTE2453801070105	Đặng Hồng	Đức	65	Khá	
242	21	DTE2453801070028	Nguyễn Thị Xuân	Góp	65	Khá	
243	22	DTE2453801070130	Trần Hoàng	Hải	0	Kém	Nghỉ học không lý do
244	23	DTE2453801070034	Lê Minh	Hiếu	80	Tốt	
245	24	DTE2453801070036	Chu Thị Thu	Hoài	85	Tốt	
246	25	DTE2453801070038	Nguyễn Thu	Hồng	85	Tốt	
247	26	DTE2453801070049	Phạm Thị	Huyền	85	Tốt	
248	27	DTE2453801070041	Nguyễn Cao Thái	Hưng	50	Trung bình	
249	28	DTE2453801070045	Phạm Nguyễn Kim	Hương	77	Khá	
250	29	DTE2453801070174	Mã Thị Thảo	Linh	50	Trung bình	BHYT
251	30	DTE2453801070055	Nguyễn Khánh	Linh	75	Khá	
252	31	DTE2453801070053	Nguyễn Thùy	Linh	0	Kém	Nghỉ học không lý do
253	32	DTE2453801070061	Chu Khánh	Ly	85	Tốt	
254	33	DTE2453801070062	Dương Thị Khánh	Ly	85	Tốt	
255	34	DTE2453801070057	Đỗ Thị	Ly	96	Xuất sắc	
256	35	DTE2453801070060	Nguyễn Hải	Ly	85	Tốt	
257	36	DTE2453801070059	Trương Thị Cẩm	Ly	83	Tốt	
258	37	DTE2453801070065	Ngô Lương Nhật	Minh	52	Trung bình	BHYT
259	38	DTE2453801070064	Tạ Hữu	Minh	80	Tốt	
260	39	DTE2453801070187	Đinh Hà	My	83	Tốt	
261	40	DTE2453801070066	Trần Thị Trà	My	80	Tốt	
262	41	DTE2453801070067	Phạm Công	Nam	50	Trung bình	VPQC
263	42	DTE2453801070068	Dương Thị Mai	Ngân	75	Khá	
264	43	DTE2453801070069	Ngô Bảo	Ngọc	70	Khá	
265	44	DTE2453801070070	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	73	Khá	
266	45	DTE2453801070073	Lưu Uyên	Nhi	60	Trung bình	
267	46	DTE2453801070151	Lý Quỳnh Yên	Nhi	81	Tốt	
268	47	DTE2453801070145	Nguyễn Uyên	Nhi	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
269	48	DTE2453801070178	Hoàng Thị Hồng	Nhung	35	Yếu	BHYT
270	49	DTE2453801070128	Phạm Vinh	Quang	80	Tốt	
271	50	DTE2453801070075	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	85	Tốt	
272	51	DTE2453801070078	Lục Như	Quỳnh	65	Khá	
273	52	DTE2453801070076	Ma Như	Quỳnh	60	Trung bình	
274	53	DTE2453801070139	Đặng Trung	Sơn	35	Yếu	
275	54	DTE2453801070080	Lương Hoàng	Thanh	50	Trung bình	
276	55	DTE2453801070084	Bế Hoàng	Trang	60	Trung bình	
277	56	DTE2453801070131	Lường Huyền	Trang	83	Tốt	
278	57	DTE2453801070083	Ngô Thị Huyền	Trang	65	Khá	
279	58	DTE2453801070177	Đỗ Thanh	Trúc	50	Trung bình	BHYT
280	59	DTE2453801070085	Lý Thị Kim	Trúc	50	Trung bình	BHYT
281	60	DTE2453801070086	Nguyễn Việt	Trung	50	Trung bình	
282	61	DTE2453801070088	Dương Xuân	Trường	65	Khá	
283	62	DTE2453801070137	Lê Đức	Tuân	0	Kém	Nghỉ học không lý do
284	63	DTE2453801070090	Hà Anh	Tuấn	35	Yếu	BHYT
285	64	DTE2453801070089	Lương Anh	Tuấn	35	Yếu	BHYT
286	65	DTE2453801070092	Dương Ngọc	Tùng	50	Trung bình	
287	66	DTE2453801070091	Nguyễn Thanh	Tùng	35	Yếu	
288	67	DTE2453801070094	Đặng Đàm Phương	Uyên	80	Tốt	
289	68	DTE2453801070129	Nguyễn Đàm Tổ	Uyên	50	Trung bình	BHYT
290	69	DTE2453801070127	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	70	Khá	
291	70	DTE2453801070095	Dương Thị Hoài	Vân	85	Tốt	
292	71	DTE2453801070096	Bùi Minh	Vũ	60	Trung bình	
293	72	DTE2453801070097	Bùi Thạch	Vũ	65	Khá	
294	73	DTE2453801070132	Hoàng Thanh	Xuân	65	Khá	
295	74	DTE2453801070134	Đào Thị Hải	Yến	65	Khá	
K21 LKT 2							
296	1	DTE2453801070120	Dương Đình	An	51	Trung Bình	BHYT
297	2	DTE2453801070001	Phan Thanh	An	80	Tốt	
298	3	DTE2453801070003	Ma Thị Hoàng	Anh	80	Tốt	
299	4	DTE2453801070106	Nguyễn Đức	Anh	81	Tốt	
300	5	DTE2453801070009	Nguyễn Hoàng	Anh	66	Khá	
301	6	DTE2453801070007	Nguyễn Hồng	Anh	57	Trung Bình	
302	7	DTE2453801070010	Trương Quốc	Anh	54	Trung Bình	BHYT

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
303	8	DTE2453801070004	Nguyễn Ngọc	Ánh	80	Tốt	
304	9	DTE2453801070013	Trần Văn	Biển	81	Tốt	
305	10	DTE2453801070107	Cầm Thanh	Bình	80	Tốt	
306	11	DTE2453801070017	Nguyễn Thị Kiều	Chuyên	90	Xuất sắc	
307	12	DTE2453801070138	Ngô Mạnh	Cường	41	Yếu	BHYT
308	13	DTE2453801070022	Dương Lê Minh	Dũng	80	Tốt	
309	14	DTE2453801070024	Bùi Hoàng Tuấn	Duy	36	Yếu	BHYT
310	15	DTE2453801070149	Nông Thị Ngọc	Duyên	80	Tốt	
311	16	DTE2453801070176	Lương Quỳnh	Dương	80	Tốt	
312	17	DTE2453801070023	Nguyễn Tùng	Dương			Bảo lưu
313	18	DTE2453801070104	Nguyễn Thành	Đôn	36	Yếu	BHYT
314	19	DTE2453801070118	Nguyễn Vũ Duy	Đức	36	Yếu	BHYT
315	20	DTE2453801070027	Bế Thị Hương	Giang	0	Kém	Nghi học không lý do
316	21	DTE2453801070025	Đặng Châu	Giang	80	Tốt	
317	22	DTE2453801070026	Nguyễn Thị Hương	Giang	81	Tốt	
318	23	DTE2453801070108	Phan Thị Hà	Giang	80	Tốt	
319	24	DTE2453801070029	Lê Thanh	Hà	91	Xuất sắc	
320	25	DTE2453801070030	Dương Thanh	Hải	80	Tốt	
321	26	DTE2453801070109	Ngô Văn	Hào	36	Yếu	BHYT
322	27	DTE2453801070032	Nguyễn Thu	Hằng	68	Khá	
323	28	DTE2453801070033	Trần Thị Thanh	Hằng	65	Khá	
324	29	DTE2453801070031	Nguyễn Duy	Hân	56	Trung Bình	
325	30	DTE2453801070110	Nguyễn Thị Minh	Hiền	64	Trung Bình	VPQC
326	31	DTE2453801070136	Nông Trung	Hiếu	80	Tốt	
327	32	DTE2453801070035	Đào Thu	Hoài	80	Tốt	
328	33	DTE2453801070037	Lương Phi	Hoàng	51	Trung Bình	VPQC
329	34	DTE2453801070111	Lương Xuân	Hoàng	64	Trung Bình	VPQC
330	35	DTE2453801070039	Đoàn Kim	Huệ	0	Kém	Nghi học không lý do
331	36	DTE2453801070040	Lê Duy	Hùng	97	Xuất sắc	
332	37	DTE2453801070047	Trần Quang	Huy	95	Xuất sắc	
333	38	DTE2453801070048	Nguyễn Thu	Huyền	50	Trung Bình	VPQC
334	39	DTE2453801070046	Chu Thị Quỳnh	Hương	80	Tốt	
335	40	DTE2453801070044	Ngô Quỳnh	Hương	56	Trung Bình	
336	41	DTE2453801070112	Nguyễn Quỳnh	Hương	97	Xuất sắc	
337	42	DTE2453801070150	Phương Trung	Kiên	85	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
338	43	DTE2453801070051	Hán Thuý	Lan	80	Tốt	
339	44	DTE2453801070050	Đặng Tài	Lâm	57	Trung Bình	
340	45	DTE2453801070113	Lê Hiền	Linh	96	Xuất sắc	
341	46	DTE2453801070114	Nguyễn Thị Hoài	Linh	81	Tốt	
342	47	DTE2453801070056	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	86	Tốt	
343	48	DTE2453801070052	Trần Mai	Linh	91	Xuất sắc	
344	49	DTE2453801070054	Trần Thùy	Linh	90	Xuất sắc	
345	50	DTE2453801070122	Nguyễn Khánh	Ly	80	Tốt	
346	51	DTE2453801070133	Lưu Ngọc	Mai			Bảo lưu
347	52	DTE2453801070063	Phạm Duy	Mạnh	65	Khá	
348	53	DTE2453801070115	Bùi Trà	My			Bảo lưu
349	54	DTE2453801070123	Nguyễn Thị Hà	My	53	Trung Bình	VPQC
350	55	DTE2453801070124	Trần Thanh	Ngọc	36	Yếu	Nghỉ học không lý do
351	56	DTE2453801070071	Chu Thị Minh	Nguyệt	91	Xuất sắc	
352	57	DTE2453801070125	Lý Lý	Phạ	80	Tốt	
353	58	DTE2453801070119	Nông Thị Hồng	Phương	0	Kém	Nghỉ học không lý do
354	59	DTE2453801070077	Trần Thị Như	Quỳnh	80	Tốt	
355	60	DTE2453801070141	Đỗ Thanh	Tâm	37	Yếu	BHYT
356	61	DTE2453801070079	Nguyễn Hà	Thành	80	Tốt	
357	62	DTE2453801070081	Nguyễn Thu	Thủy	80	Tốt	
358	63	DTE2453801070082	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	99	Xuất sắc	
359	64	DTE2453801070116	Nguyễn Thu	Trang	90	Xuất sắc	
360	65	DTE2453801070117	Ma Thanh	Trúc	90	Xuất sắc	
361	66	DTE2453801070087	Bùi Quốc	Trung	82	Tốt	
362	67	DTE2453801070093	Hạc Thị	Uyên	81	Tốt	
363	68	DTE2453801070175	Triệu Văn Quang	Vinh	36	Yếu	Nghỉ học không lý do
364	69	DTE2453801070098	Trịnh Thị Hải	Yến	70	Khá	
K21 QTNL 1							
365	1	DTE2453404040001	Lê Thị Hải	An	76	Khá	
366	2	DTE2453404040003	Chu Thị Mai	Anh	85	Tốt	
367	3	DTE2453404040002	Dương Ngọc	Anh	78	Tốt	
368	4	DTE2453404040147	Triệu Thị Ngọc	Anh	75	Khá	
369	5	DTE2453404040006	Hoàng Minh	Ánh	60	Trung bình	BHYT
370	6	DTE2453404040005	Ngô Thị Ngọc	Ánh	75	Khá	
371	7	DTE2453404040162	Phạm Xuân	Bắc	60	Trung bình	BHYT

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
372	8	DTE2453404040011	Hoàng Thị Ngọc	Bình	84	Tốt	
373	9	DTE2453404040013	Tăng Thị Chân	Chân	88	Tốt	
374	10	DTE2453404040014	Hoàng Lệ	Chi	75	Khá	
375	11	DTE2453404040015	Nguyễn Thị	Chi	89	Tốt	
376	12	DTE2453404040018	Lâm Thị	Chính	85	Tốt	
377	13	DTE2453404040151	Lê Thanh	Chúc	65	Khá	
378	14	DTE2453404040020	Trịnh Vân	Dung	65	Khá	
379	15	DTE2453404040157	Nguyễn Thành	Duy	40	Yếu	Nghi học không lý do
380	16	DTE2453404040116	Hoàng Văn	Đảng	89	Tốt	
381	17	DTE2453404040117	Hoàng Hồng	Điệp	65	Khá	
382	18	DTE2453404040023	Nguyễn Trà	Giang	85	Tốt	
383	19	DTE2453404040031	Lâm Thị	Hào	88	Tốt	
384	20	DTE2453404040029	Dương Thị	Hằng	88	Tốt	
385	21	DTE2453404040030	Nguyễn Thị	Hằng	82	Tốt	
386	22	DTE2453404040033	Nguyễn Thị	Hoa	88	Tốt	
387	23	DTE2453404040160	Mã Huy	Hoàng	70	Khá	
388	24	DTE2453404040041	Nguyễn Khánh	Huyền	62	Trung bình	
389	25	DTE2453404040043	Nguyễn Thị Thu	Huyền	76	Khá	
390	26	DTE2453404040037	Nguyễn Thị Thu	Hương	56	Trung bình	
391	27	DTE2453404040036	Nông Lan	Hương	90	Xuất sắc	
392	28	DTE2453404040045	Đặng Thị	Khánh	82	Tốt	
393	29	DTE2453404040048	Đặng Trung	Kiên	83	Tốt	
394	30	DTE2453404040049	Đàm Thị Thanh	Kiều	65	Khá	
395	31	DTE2453404040050	Nguyễn Ngọc	Lan	0	Kém	Nghi học không lý do
396	32	DTE2453404040051	Đinh Thị Phương	Lê	65	Khá	
397	33	DTE2453404040152	Ma Thị Diễm	Lệ	60	Trung bình	
398	34	DTE2453404040149	Bùi Thị Ngọc	Liên	0	Kém	Nghi học không lý do
399	35	DTE2453404040057	Hoàng Ngọc	Linh	67	Khá	
400	36	DTE2453404040053	Nguyễn Diệu	Linh	70	Khá	
401	37	DTE2453404040158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	80	Tốt	
402	38	DTE2453404040059	Đồng Thị	Ly	80	Tốt	
403	39	DTE2453404040061	Ngô Khánh	Ly	62	Trung bình	
404	40	DTE2453404040058	Thân Thảo	Ly	60	Trung bình	
405	41	DTE2453404040060	Vũ Thị	Ly	77	Khá	
406	42	DTE2453404040065	Diệp Thị	Mai	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
407	43	DTE2453404040063	Nguyễn Thị	Mai	89	Tốt	
408	44	DTE2453404040067	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	79	Khá	
409	45	DTE2453404040062	Nguyễn Thị Xuân	Mai	70	Khá	
410	46	DTE2453404040070	Dương Thị	Nam	90	Xuất sắc	
411	47	DTE2453404040068	Đỗ Huy	Nam	65	Khá	
412	48	DTE2453404040069	Nguyễn Hoài	Nam	65	Khá	
413	49	DTE2453404040073	Ma Thị	Nga	60	Trung bình	
414	50	DTE2453404040072	Nguyễn Thị	Nga	80	Tốt	
415	51	DTE2453404040075	Dương Thị Thanh	Ngân	89	Tốt	
416	52	DTE2453404040074	Trần Bảo	Ngân	78	Khá	
417	53	DTE2453404040077	Nguyễn Hồng	Ngọc	0	Kém	Nghỉ học không lý do
418	54	DTE2453404040159	Thân Thiên Thảo	Nguyên	63	Trung bình	
419	55	DTE2453404040080	Dương Thị Lan	Nhi	74	Khá	
420	56	DTE2453404040079	Trần Bích	Nhi	60	Trung bình	
421	57	DTE2453404040081	Lý Minh	Oanh	63	Trung bình	
422	58	DTE2453404040150	Lý Thị Thu	Oanh	63	Trung bình	
423	59	DTE2453404040082	Nguyễn Thị Kim	Oanh	90	Xuất sắc	
424	60	DTE2453404040084	Dương Thị Hồng	Phương	65	Khá	
425	61	DTE2453404040087	Linh Ngọc	Phương	78	Khá	
426	62	DTE2453404040083	Trần Thị Thu	Phương	71	Khá	
427	63	DTE2453404040088	Nguyễn Hồng	Quyên	82	Tốt	
428	64	DTE2453404040093	Đào Thị	Thanh	74	Khá	
429	65	DTE2453404040095	Nguyễn Phương	Thảo	56	Trung bình	BHYT
430	66	DTE2453404040094	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	74	Khá	
431	67	DTE2453404040097	Đặng Thị	Thom	82	Tốt	
432	68	DTE2453404040101	Nông Thị	Thúy	59	Trung bình	
433	69	DTE2453404040166	Nguyễn Anh	Thư	81	Tốt	
434	70	DTE2453404040103	Đặng Thùy	Trang	67	Khá	
435	71	DTE2453404040165	Nguyễn Thị	Trang	66	Khá	
436	72	DTE2453404040104	Nguyễn Thị Thu	Trang	87	Tốt	
437	73	DTE2453404040107	Phạm Thị Thu	Trang	81	Tốt	
438	74	DTE2453404040106	Tạ Thu	Trang	80	Tốt	
439	75	DTE2453404040109	Bùi Đức	Trung	89	Tốt	
440	76	DTE2453404040108	Nguyễn Đức	Trung	60	Trung bình	
441	77	DTE2453404040111	Nguyễn Hoàng	Vân	62	Trung bình	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
442	78	DTE2453404040115	Bùi Thị Hải	Yến	75	Khá	
443	79	DTE2453404040114	Trần Hải	Yến	90	Xuất sắc	
K21 QTNL 2							
444	1	DTE2453404040007	Diêm Nguyễn Hoàng	Anh	82	Tốt	
445	2	DTE2453404040144	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	76	Khá	
446	3	DTE2453404040004	Thạch Thị Minh	Anh	89	Tốt	
447	4	DTE2453404040118	Tô Tuấn	Anh	63	Trung Bình	
448	5	DTE2453404040009	Nguyễn Thị Hồng	Băng	64	Trung Bình	
449	6	DTE2453404040012	Nguyễn Thị Bảo	Châm	80	Tốt	
450	7	DTE2453404040016	Lục Anh	Chiến	75	Khá	
451	8	DTE2453404040017	Bùi Đức	Chính	75	Khá	
452	9	DTE2453404040119	Vi Thị Phương	Dung	90	Xuất sắc	
453	10	DTE2453404040021	Nguyễn Đức	Duy	81	Tốt	
454	11	DTE2453404040022	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	80	Tốt	
455	12	DTE2453404040120	Nguyễn Thị Thùy	Dương	34	Yếu	Nghi học không lý do
456	13	DTE2453404040142	Nguyễn Văn	Đông	70	Khá	
457	14	DTE2453404040026	Hoàng Thị Thu	Hà	89	Tốt	
458	15	DTE2453404040024	Long Hồng	Hà	83	Tốt	
459	16	DTE2453404040025	Nguyễn Thu	Hà	83	Tốt	
460	17	DTE2453404040027	Hà Thị Thanh	Hải	93	Xuất sắc	
461	18	DTE2453404040145	Dương Thị	Hạnh	33	Yếu	Nghi học không lý do
462	19	DTE2453404040028	Chu Thu	Hằng	80	Tốt	
463	20	DTE2453404040122	Thân Thị	Hằng	80	Tốt	
464	21	DTE2453404040121	Trần Thu	Hằng	80	Tốt	
465	22	DTE2453404040032	Nguyễn Thu	Hiền	89	Tốt	
466	23	DTE2453404040124	Nguyễn Thu	Hoài	80	Tốt	
467	24	DTE2453404040127	Hoàng Thanh	Huế	89	Tốt	
468	25	DTE2453404040125	Hoàng Thị	Huệ	84	Tốt	
469	26	DTE2453404040156	Hà Mạnh	Hùng	63	Trung Bình	
470	27	DTE2453404040042	Dương Thanh	Huyền	89	Tốt	
471	28	DTE2453404040128	Dương Thị Thanh	Huyền	80	Tốt	
472	29	DTE2453404040163	Đinh Phương	Huyền	40	Yếu	
473	30	DTE2453404040040	Nguyễn Thị Thu	Huyền	89	Tốt	
474	31	DTE2453404040044	Nông Thị	Huyền	81	Tốt	
475	32	DTE2453404040038	Doãn Thu	Hương	83	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
476	33	DTE2453404040148	Thần Thị	Hương	82	Tốt	
477	34	DTE2453404040039	Vũ Thị	Hương	89	Tốt	
478	35	DTE2453404040035	Nông Thị Thu	Hường	90	Xuất sắc	
479	36	DTE2453404040046	Nguyễn Ngọc	Khuê	82	Tốt	
480	37	DTE2453404040047	Nguyễn Trung	Kiên	61	Trung Bình	
481	38	DTE2453404040129	Vũ Trung	Kiên	64	Trung Bình	
482	39	DTE2453404040052	Nguyễn Thị Thanh	Lệ	85	Tốt	
483	40	DTE2453404040054	Dương Thị Mỹ	Linh	89	Tốt	
484	41	DTE2453404040164	Lâm Nhật	Linh	40	Yếu	
485	42	DTE2453404040055	Nguyễn Thị	Linh	75	Khá	
486	43	DTE2453404040130	Nguyễn Tùng	Linh	81	Tốt	
487	44	DTE2453404040143	Trần Thị	Linh	40	Yếu	Nghỉ học không lý do
488	45	DTE2453404040153	Mông Thị	Ly	82	Tốt	
489	46	DTE2453404040131	Phạm Thị Ngọc	Ly	89	Tốt	
490	47	DTE2453404040066	Dương Thị Tuyết	Mai	80	Tốt	
491	48	DTE2453404040064	Phạm Đào Ngọc	Mai	64	Trung Bình	
492	49	DTE2453404040154	Phan Thị Quỳnh	Mơ	35	Yếu	
493	50	DTE2453404040071	Trương Nguyễn Hải	Nam	75	Khá	
494	51	DTE2453404040132	Đinh Thị Hồng	Ngọc	63	Trung Bình	
495	52	DTE2453404040076	Hoàng Thị Linh	Ngọc	89	Tốt	
496	53	DTE2453404040133	Vũ Thị Thảo	Nguyên	82	Tốt	
497	54	DTE2453404040078	Nguyễn Thị Thanh	Nhạn	89	Tốt	
498	55	DTE2453404040134	Hoàng Thị	Phương	80	Tốt	
499	56	DTE2453404040085	Lê Nguyễn Ngân	Phương	64	Trung Bình	
500	57	DTE2453404040135	Đỗ Thị	Quyên	89	Tốt	
501	58	DTE2453404040090	Nguyễn Thị Ánh	Quỳnh	80	Tốt	
502	59	DTE2453404040089	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	90	Xuất sắc	
503	60	DTE2453404040136	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	90	Xuất sắc	
504	61	DTE2453404040137	Dương Thị	Sen	84	Tốt	
505	62	DTE2453404040138	Trần Thái	Son	79	Khá	
506	63	DTE2453404040091	Nguyễn Minh	Tâm	79	Khá	
507	64	DTE2453404040139	Nguyễn Văn	Thành	83	Tốt	
508	65	DTE2453404040096	Bùi Phương	Thảo	85	Tốt	
509	66	DTE2453404040098	Phan Thị	Thu	89	Tốt	
510	67	DTE2453404040140	Tạ Thị	Thu	83	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
511	68	DTE2453404040100	Lương Thị Thu	Thùy	80	Tốt	
512	69	DTE2453404040099	Trần Thị Thanh	Thùy	84	Tốt	
513	70	DTE2453404040141	Triệu Thị Thu	Thương	85	Tốt	
514	71	DTE2453404040146	Hà Thị Quỳnh	Trang	89	Tốt	
515	72	DTE2453404040102	Hà Thu	Trang	90	Xuất sắc	
516	73	DTE2453404040155	Lưu Huyền	Trang	80	Tốt	
517	74	DTE2453404040105	Nguyễn Thị Hoài	Trang	75	Khá	
518	75	DTE2453404040110	Chu Ánh	Tuyết	69	Khá	
519	76	DTE2453404040112	Ngô Thùy	Vân	64	Trung Bình	
520	77	DTE2453404040113	Nguyễn Quang	Vinh	64	Trung Bình	
521	78	DTE2453404040161	Nguyễn Thị Hải	Yến	35	Yếu	
K21 QLC							
522	1	DTE2453404030003	Hà Thị	Linh	86	Tốt	
523	2	DTE2453404030004	Đỗ Thị Trà	My	65	Khá	BHYT
524	3	DTE2453404030007	Trần Thị Thanh	Trúc	60	Trung bình	BHYT
525	4	DTE2453404030005	Đặng Thị	Việt	70	Khá	
526	5	DTE2453404030006	Đặng Thị	Yến	67	Khá	
527	6	DTE2453404030002	Đặng Thị	Hương	65	Khá	
528	7	DTE2453404030001	Lê Hân	Bình	65	Khá	
529	8	DTE2453404030009	Vũ Thị Sao	Mai	40	Yếu	
530	9	DTE2453404030008	Trương Văn	Lịch	0	Kém	Nghi học không lý do
K21 LKT 05							
531	1	DTE2453801070152	Hoàng Thanh	Bình	0	Kém	Nghi học không lý do
532	2	DTE2453801070153	Trần Quốc	Bình	82	Tốt	
533	3	DTE2453801070154	Sùng Huyền	Chi	78	Khá	
534	4	DTE2453801070155	Bồn Văn	Dầu	80	Tốt	
535	5	DTE2453801070181	Hoàng Trường	Giang	80	Tốt	
536	6	DTE2453801070156	Phạm Thu	Hiền	77	Khá	
537	7	DTE2453801070182	Lù Văn	Hải	0	Kém	Nghi học không lý do
538	8	DTE2453801070173	Mua Thị	Hằng	0	Kém	Nghi học không lý do
539	9	DTE2453801070159	Vàng Thị	Hường	80	Tốt	
540	10	DTE2453801070160	Lò Văn	Liền	82	Tốt	
541	11	DTE2453801070161	Giàng Thị	Loan	77	Khá	
542	12	DTE2453801070162	Nguyễn Đức	Mậu	74	Khá	
543	13	DTE2453801070164	Chu Thị	Nguyên	80	Tốt	

STT	STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
544	14	DTE2453801070165	Nguyễn Thị	Nhời	92	Xuất sắc	
545	15	DTE2453801070168	Hoàng Thị	Thảo	77	Khá	
546	16	DTE2453801070167	Lò Văn	Quý	0	Kém	Nghỉ học không lý do
547	17	DTE2453801070169	Viên Thị	Thoa	73	Khá	
548	18	DTE2453801070186	Vương Tiến	Thu	71	Khá	
549	19	DTE2453801070170	Mua Thị	Út	76	Khá	
550	20	DTE2453801070171	Bùi Thị	Yến	80	Tốt	

Xếp Loại	Số sinh viên
Xuất sắc	65
Tốt	201
Khá	142
Trung bình	86
Yếu	27
Kém	21
Ngành 2 (không xét)	1
Bảo lưu	7
Tổng số xét	542
Tổng SV	550

